DAKRUCO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

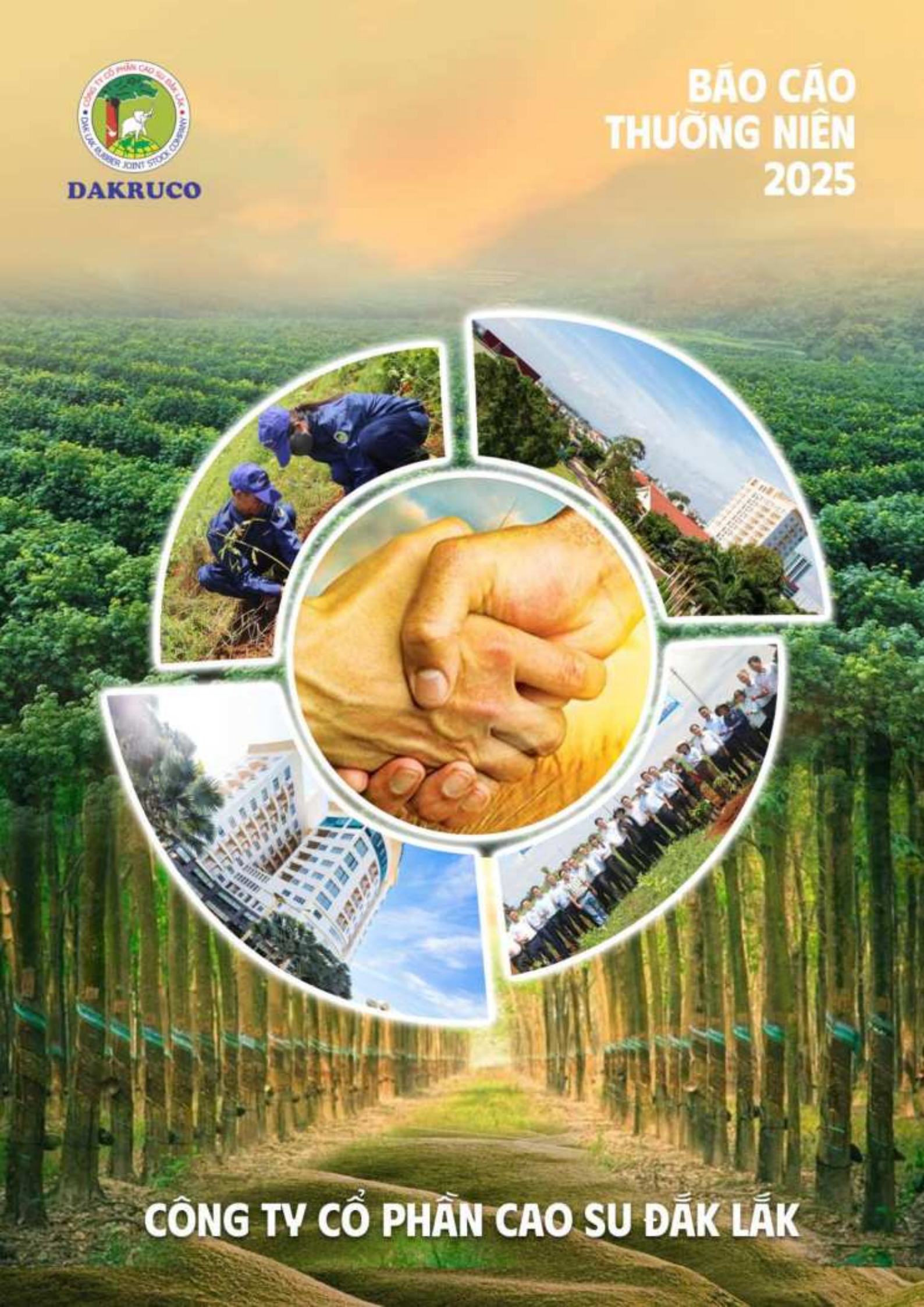

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

MỤC LỤC

CHƯƠNG

01 THÔNG TIN CHUNG

06 Thông tin khái quát

10 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

16 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

18 Định hướng phát triển

26 Các yếu tố rủi ro

CHƯƠNG

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

32 Tình hình hoạt động SXKD

38 Tổ chức và nhân sự

46 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

50 Tình hình tài chính

54 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

56 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

CHƯƠNG

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

62 Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

72 Tình hình tài chính

76 Cải tiến về chính sách, cơ cấu tổ chức và quản lý

77 Kế hoạch phát triển trong tương lai

80 Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

80 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

CHƯƠNG

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

84 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

86 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

88 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

92 Hội đồng quản trị

104 Ban kiểm soát

109 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

CHƯƠNG

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

121 Ý kiến kiểm toán

123 Báo cáo tài chính được kiểm toán

CHƯƠNG

01 THÔNG TIN CHUNG

06 Thông tin khái quát

10 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

16 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

18 Định hướng phát triển

26 Các yếu tố rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
Tên tiếng Anh:	DAK LAK RUBBER JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận ĐKDN:	số 6000175829 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, cấp thay đổi lần 9 ngày 17/01/2025
Vốn điều lệ:	1.558.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.541.485.200.000 đồng
Địa chỉ:	30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
Số điện thoại:	(0262) 3865015
Số fax:	(0262) 3865041
Website:	dakruco.com
Email:	caosu@dakruco.com
Sàn giao dịch:	UPCOM
Mã cổ phiếu:	DRG

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1993

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (DAKRUCO), tiền thân là Công ty Cao su Đắk Lắk thành lập tháng 3 năm 1993, trên cơ sở Liên hiệp các Xí nghiệp cao su Đắk Lắk thực hiện chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh theo Nghị định 388 của Chính phủ và được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV theo quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 23/09/2010 về việc Phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cao su Đắk Lắk thành Công ty TNHH MTV và Điều lệ Công ty kể từ tháng 01/2011.

2011

2018

11/04/2018: Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk theo Quyết định số 739/QĐ-UBND.

31/07/2018: Thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với kết quả:

+ Tổng SLCP đưa ra đấu giá công khai: 97.575.500 CP

+ Tổng khối lượng cổ phần bán được: 52.500 CP.

04/09/2018: Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2139/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk.

29/09/2018: Tổ chức thành công ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

01/10/2018: Chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo GCNĐKDN số 6000175829 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp thay đổi lần thứ 6 với mức vốn điều lệ là 1.558.000.000.000 đồng.

2019

08/05/2019: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng.

11/12/2019: Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2020

06/08/2020: Ban hành Quy chế Tổ chức, quản lý và hoạt động của Công ty TNHH phát triển cao su Đắk Lắk - Mondulkiri.

2021

29/04/2021: Sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk.

07/10/2021: Công ty chính thức điều chỉnh chứng khoán từ chuyển nhượng có điều kiện sang chuyển nhượng tự do.

2022

07/10/2022: Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 7.

2023

24/11/2023: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (DAKRUCO) tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường nhiệm kỳ II (2023 - 2028), đồng thời Đại hội đồng cổ đông đã bầu HĐQT nhiệm kỳ II (2023 - 2028) gồm 7 thành viên do ông Nguyễn Viết Tượng làm Chủ tịch HĐQT; Ban kiểm soát gồm 3 thành viên do ông Nguyễn Thạc Hoành làm Trưởng ban.

2025

17/01/2025: Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 9.

NGÀNH NGHỀ, LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
2	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
3	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
4	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
5	Trồng cây hàng năm khác	0119
6	Trồng cây ăn quả	0121
7	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
8	Trồng cây điều	0123
9	Trồng cây hồ tiêu	0124
10	Trồng cây cao su	0125
11	Trồng cây cà phê	0126
12	Trồng cây chè	0127
13	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
14	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
15	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
16	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
17	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
18	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
19	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
20	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
21	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
22	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
23	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
24	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
25	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
26	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
27	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
28	Sản xuất gỗ xây dựng	1622
29	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
30	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
31	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
32	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
33	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
34	Sửa chửa máy móc, thiết bị	3312
35	Sửa chửa thiết bị điện	3314
36	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
37	Xây dựng công trình đường bộ	4212
38	Bảo dưỡng, sửa chửa ô tô và xe có động cơ khác	4520
39	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
40	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
41	Bán buôn thực phẩm	4632
42	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
43	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
44	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
45	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
46	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
47	Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
48	Vận tải hành khách bằng đường bộ khác	4932
49	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
51	Bốc xếp hàng hóa	5224
52	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
53	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
54	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
55	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
56	Dịch vụ ăn uống khác	5629
57	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
58	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
59	Đại lý du lịch	7911
60	Điều hành tua du lịch	7912
61	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
62	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
63	Hoạt động của các cơ quan thể thao	9311
64	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
65	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633

NGÀNH NGHỀ, LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là: Trồng cây cao su, chế biến, mua bán mủ cao su; trồng cây nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như: Chuối, mít, sầu riêng, dứa; kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

Trồng cây cao su, Chế biến cao su, Mua bán mủ cao su

Trong năm 2025, DRG tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành cao su Việt Nam khi duy trì sự tăng trưởng ổn định và mở rộng danh mục sản phẩm chiến lược. Các sản phẩm chủ lực gồm mủ Latex và mủ cốm tiếp tục được tối ưu về chất lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường trong nước và quốc tế.

Đối với mủ Latex, DRG cung ứng hai dòng sản phẩm lỏng chính là HA (High Ammonia) và LA (Low Ammonia). Đây là nhóm sản phẩm giữ vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực như y tế, công nghiệp kỹ thuật và hàng tiêu dùng. Năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng tích cực ở dòng Latex, đặc biệt trong ngành sản xuất găng tay và các sản phẩm vệ sinh - an toàn, nhờ sự cải thiện về tiêu chuẩn chất lượng và xu hướng tăng cường bảo hộ sức khỏe trên thị trường toàn cầu.

Song song đó, mủ cốm tiếp tục được DRG phát triển theo ba nhóm sản phẩm phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật cụ thể của từng ngành sản xuất. Nhóm cao su có độ mềm dẻo và khả năng bám dính cao như SVR CV60, SVR CV50 được thị trường đánh giá tốt và ứng dụng rộng rãi trong sản xuất dây thun, keo dán hay mặt vợt bóng bàn. Nhóm cao su có độ đàn hồi và khả năng chịu mài mòn như SVR 3L phục vụ hiệu quả nhu cầu sản xuất lốp xe và dây đai. Nhóm cao su có độ cứng cao như SVR 10 và SVR 20 tiếp tục giữ vai trò cốt lõi trong ngành lốp xe tải và thiết bị công trình, đảm bảo các yêu cầu về độ bền và khả năng chịu lực trong môi trường vận hành khắc nghiệt. Sản phẩm mủ cao su thiên nhiên của Dakruco, năm 2024 đã được cấp chứng nhận FSC-FM, với diện tích 1.120 ha, tương đương với sản lượng 2.000 tấn/năm FSC-FM/CoC; cuối năm 2025 được cấp chứng nhận bổ sung 1.690 ha, sản lượng tương đương 3.000 tấn/năm FSC-FM/CoC.

Bên cạnh các sản phẩm cao su chủ lực, DRG trong năm 2025 vẫn duy trì hoạt động ổn định tại nhà máy sản xuất sợi chỉ thun cao su, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của ngành dệt may trong bối cảnh thị trường phục hồi sau giai đoạn biến động. Nhờ ứng dụng công nghệ hiện đại và sự cải tiến liên tục trong vận hành, chất lượng sợi chỉ thun của DRG tiếp tục đạt các tiêu chuẩn quốc tế và giữ được sức cạnh tranh trên cả thị trường nội địa và xuất khẩu.

Hoạt động sản xuất và chế biến của DRG vẫn được vận hành theo các hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, Phòng kiểm phẩm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017, Chứng nhận sản phẩm Cao su Việt Nam, Chứng chỉ FSC/FM-Coc cho sản phẩm gỗ mủ cao su, tiếp cận thị trường tín chỉ carbon; sẵn sàng đáp ứng các quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR). Việc tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn này trong năm 2025 tiếp tục giúp DRG duy trì sự ổn định trong chất lượng sản phẩm, giảm thiểu tác động môi trường và tối ưu hiệu quả trong công tác kiểm nghiệm.

Năm 2025 cũng đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của DRG trên hành trình phát triển bền vững. Sau khi hoàn tất và được cấp chứng nhận FSC-FM cho hơn 1.120 ha cao su tại hai Nông trường 19/8 và Phú Xuân vào cuối năm 2024, trong năm 2025 Công ty tiếp tục cấp chứng chỉ FSC cho 1690 ha, tại các chi nhánh nông trường Phú Xuân, Cư Mgar, Cư Kpô. Nhà máy chế biến mủ được cấp chứng nhận FSC-CoC, năm 2024 sản lượng mủ FSC-FM/CoC là 536 tấn; năm 2025 là 2.028 tấn, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng cơ hội tiếp cận các thị trường đòi hỏi cao về trách nhiệm xã hội và môi trường.

Trồng cây ăn quả và bán các sản phẩm trái cây, phát triển diện tích cà phê

Đến nay, Công ty đã đầu tư phát triển khu sản xuất tập trung với tổng diện tích 284 ha, chuyên canh các loại cây ăn trái như chuối, sầu riêng, dứa theo hướng ứng dụng công nghệ cao. Nhờ quy trình canh tác hiện đại và kiểm soát chất lượng chặt chẽ, các sản phẩm từ khu sản xuất này đã bắt đầu được thu hoạch và đưa ra thị trường từ tháng 3/2020, trong đó chuối và sầu riêng là hai sản phẩm chủ lực. Cả hai loại trái cây này đều đã được cấp chứng nhận VietGAP, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và chất lượng nông sản, đồng thời Công ty cũng đang hoàn tất thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường xuất khẩu. Đến cuối năm 2025, Công ty đã thanh lý vườn dưa và chuối để trồng toàn bộ sầu riêng, xen cà phê, năm 2025 đã trồng xen cà phê đạt 11 ha trên vườn sầu riêng kiến thiết co bản. Tại Nông trường Cư Mgar đã trồng 240 ha cà phê xen trên vườn cao su trồng mới.

Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch

Công ty có tổ hợp Khách sạn Dakruco được xây dựng trên tổng diện đất 2,7 ha, bao gồm: Khách sạn 4 sao, cao 11 tầng, quy mô 114 phòng; khách sạn 3 sao, cao 3 tầng, quy mô 31 phòng; nhà hàng tiệc cưới 2 tầng, sức chứa 1.000 khách; các tiện ích giải trí khác gồm: hồ bơi, sân tennis.

NGÀNH NGHỀ, LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trụ sở chính Công ty đặt tại Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, hoạt động kinh doanh chủ yếu trong khu vực địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Vườn cao su được trồng chủ yếu tại các huyện Cư M'gar (nay là xã Cư Mgar; xã Cuôr Đăng), Cư Kuin (nay là xã Dray Bhăng), Krông Buk (nay là xã Krông Buk) và Buôn Ma Thuột (nay là phường Tân Lập, phường Tân An, phường Buôn Ma Thuột) và Vương quốc Campuchia (Công ty TNHH Phát triển cao su Đắk Lắk Mondulkiri)

- Vườn cây ăn quả được trồng tại xã Cư Bao, Thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường Cư Bao), sản phẩm ban đầu xuất bán thị trường nội địa, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Châu Âu.

- Vườn cà phê trồng xen trong vườn cây cao su được trồng tại xã Ea Kpam, huyện Cư Mgar, tỉnh Đăk Lăk (nay là xã Cư Mgar), dự kiến đến năm 2027 bắt đầu có sản phẩm.

CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

Ngành nghề chính của các chi nhánh trực thuộc là: Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su; chế biến sợi chỉ thun; dịch vụ khách sạn và nhà hàng.

Chi nhánh Nông trường 19/8

Địa chỉ: Thôn Ea Mtá A, Xã Ea Ktur, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: (84-262) 3 633 083; (84-262) 3 636 599

Email: caosu.198@dakruco.com

Chi nhánh Nông trường Cư M'gar

Địa chỉ: Km 20, tỉnh lộ 8, Xã Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: (84-262) 3 834 496; (84-262) 3 834 266

Email: caosu.cumgar@dakruco.com

Chi nhánh Nông trường Phú Xuân

Địa chỉ: Km 20, quốc lộ 14, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk.

Tel/Fax: (84-262) 3 536 124

Email: caosu.phuxuan@dakruco.com

Chi nhánh Nông trường Cư Kpô

Địa chỉ: Thôn Thống Nhất, Xã Krông Búk, Tỉnh Đắk Lắk.

Tel/Fax: (84-262) 3 562 063

Email: caosu.cukpo@dakruco.com

Chi nhánh Nhà máy Chế biến mủ cao su

Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk.

Tel: (84-262) 3 536 128- 3 536 245

Fax: (84-262) 3 536 128

Email: caosu.xncb@dakruco.com

Chi nhánh Nhà máy Chế biến chỉ thun

Địa chỉ: Lô B35 - B36 Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk.

Tel: (+84 0262) 3 98 99 79

Email: sale@dakruthread.vn

Website: www.dakruthread.vn

Chi nhánh Nông trường Cư Bao

Ngành nghề chính: Lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Địa chỉ: Thôn 8, Phường Cư Bao, Tỉnh Đắk Lắk.

Tel: (84-262) 3 563 542

Email: cubao@dakruco.com

Chi nhánh Khách sạn Dakruco

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - Tỉnh Đắk Lắk.

Tel: (84-262) 3970888 - Fax: (84-262) 3970889

Hotline: +84.988424647

Email: sales@dakrucohotels.com; dosm@dakrucohotels.com

Website: www.dakrucohotel.com

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

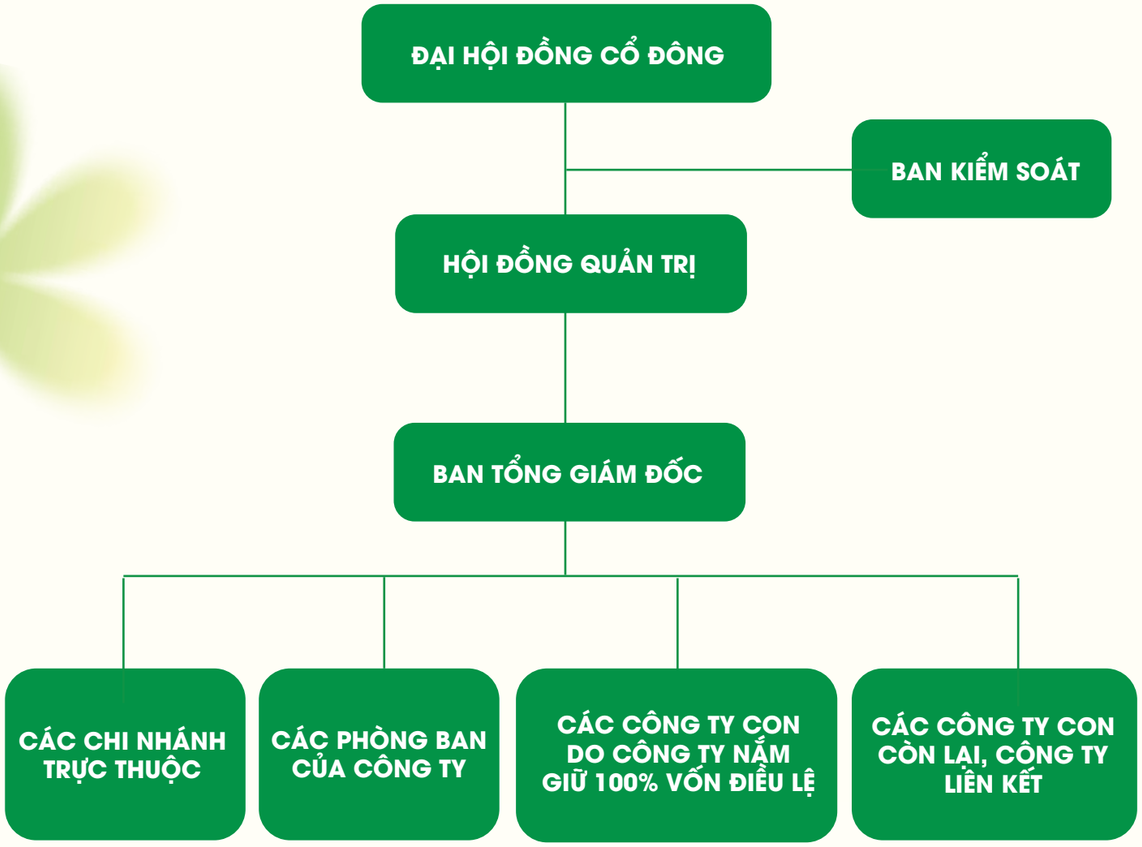

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
CÔNG TY CON				
1	CTCP Cao su Daknoruco	Thôn Đắc Kim, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su	73,37%
2	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondolkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondolkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%
CÔNG TY LIÊN KẾT				
1	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	59 Cao Thắng, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chế biến	45,00%
2	CTCP Kỹ Thuật Cao su	Km 18, Thôn Đoàn Kết, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; Sản xuất nước uống đóng chai; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.	28,79%
3	CTCP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Km19, Quốc lộ 14, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk	Khai thác gỗ; Chế biến các sản phẩm từ gỗ; Chế biến tinh chế đồ gỗ gia dụng.	45,13%
CÔNG TY ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC				
1	Quỹ tín dụng nhân dân cao su Đắk Lắk	68 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Đắk Lắk	Hoạt động tín dụng và các hoạt động ngân hàng khác	9,77%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Để kịp thời điều hành có hiệu quả ngay từ những tháng đầu của năm, HĐQT tạm giao kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026, trong khi chờ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua. Theo đó, Ban Điều hành đã triển khai các định hướng chủ yếu của năm 2026 như sau:

- Tiếp tục triển khai trồng xen cà phê trên diện tích cao su kiến thiết cơ bản 1, với diện tích 300ha; tiến hành khảo sát để đầu tư hệ thống điện mặt trời tại Văn phòng Công ty, Khách sạn Dakruco, Nhà máy Chế biến mủ, Nông trường Cư Bao bằng nguồn vốn thuê tài chính hoặc vay vốn tín dụng, qua đó làm giảm chi phí sử dụng điện năng và thực hiện mục tiêu giảm phát thải carbon; tiến hành xúc tiến hợp tác đầu tư nhà máy chế biến cà phê chất lượng cao, nhằm chủ động chuẩn bị kế hoạch chế biến toàn bộ sản lượng cà phê Công ty sản xuất ra. Tiếp tục chỉ đạo Dakmoruco triển khai làm việc với địa phương và bộ ngành làm thủ tục đầu tư Nhà máy Chế biến mủ cao su giai đoạn I và khảo sát phát triển dự án trồng cà phê tại Mondulkiri - Campuchia.

- Tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý phòng ban, đơn vị; tăng cường đào tạo kỹ năng chuyển đổi số và ngoại ngữ, nghiệp vụ chuyên môn. Thực hiện việc sắp xếp đội sản xuất và bộ phận bảo vệ tại các chi nhánh theo hướng tỉnh gọn, hiệu quả. Triển khai các giải pháp để tuyển dụng công nhân khai thác mủ cao su cho các đơn vị.

- Tiếp tục huy động vốn cho đầu tư từ nhiều nguồn khác nhau như nguồn vốn xanh, từ các tổ chức tín dụng, thuê tài chính, từ các đối tác hợp tác liên doanh..., nhằm đảm bảo chủ động về nguồn vốn đầu tư, đảm bảo dòng tiền sản xuất kinh doanh và đầu tư không bị thiếu hụt. Đánh giá dự án đầu tư thận trọng, chặt chẽ, đúng quy trình và phân kỳ đầu tư hợp lý, trước khi triển khai đầu tư, hạn chế thấp nhất rủi ro trong hoạt động đầu tư.

- Tập trung chỉ đạo Nhà máy Chế biến chỉ thun đầu tự sửa chữa máy móc thiết bị, tổ chức sản xuất kinh doanh đảm bảo hòa vốn và tiến tới có lãi. Phối hợp với tư vấn để đánh giá lại tổng thể hiện trạng Cụm dịch vụ Khách san Dakruco để có cơ sở xây dựng chiến lược kinh doanh và đầu tư trong thời gian tới; lập phương án đầu tư, nâng cấp và sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026- 2030 đảm bảo đầu tư có lãi.

- Tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn làm việc với các Sở, Ngành liên quan để được phê duyệt hồ sơ thuê đất sau cổ phần hóa, đăng ký biến động đất đai, điều chỉnh diện tích,... cho toàn bộ diện tích còn lại tại các chi nhánh. Chỉ đạo rà soát các hợp đồng thuê khoán, liên kết trước đây đã hết hạn để có kế hoạch thu hồi và sử dụng đất của Công ty đúng mục đích.

- Nghiên cứu thay đổi quy trình canh tác, khai thác mủ cao su theo hướng giảm phát thải và tuần hoàn; tiếp cận thị trường carbon để bán tín chỉ ra thị trường. Duy trì và cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín thương hiệu Dakruco trên thị trường trong và ngoài nước. Tăng cường kiểm soát chất lượng hệ thống để giữ vững chứng nhận FSC-FM/CoC đối với sản phẩm mủ và gỗ cao su và mở rộng diện tích FSC-FM đáp ứng xu hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của thị trường. Tăng cường xúc tiến thương mại đối với sản phẩm mủ cao su FSC-FM/CoC.

- Tiếp tục khắc phục các tồn tại, khuyết điểm theo Kết luận thanh tra số 7337/KL-UBND của UBND Tỉnh. Trong đó, tập trung khắc phục các nội dung liên quan đến Phương án sử dụng đất được UBND Tỉnh phê duyệt. Chỉ đạo chuẩn bị hồ sơ khởi kiện Công ty Nhất Thống theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Triển khai Kế hoạch khắc phục tồn tại, khuyết điểm còn lại.

- Tiếp tục kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030 đã được phê duyệt; ứng dụng công nghệ để tổ chức và điều hành sản xuất kinh doanh thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tốt vườn cây, để gia tăng sản lượng khai thác, kiểm soát khối lượng, chất lượng nguyên liệu đầu vào. Đầu tư cải tạo dây chuyền chế biến chế biến mủ cao su theo hướng tự động hóa kết hợp sử dụng công nghệ AI, ứng dụng công nghệ vào trong chế biến sản phẩm, tìm kiếm nhiên liệu thay thế để tiết kiệm chi phí, gia tăng lợi nhuận; áp dụng công nghệ, phần mềm và AI vào hoạt động nghiên cứu thị trường, nâng cao hiệu quả vận hành và xây dựng lợi thế cạnh tranh bền vững.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của DRG tập trung vào tối ưu hóa hoạt động sản xuất, mở rộng chuỗi giá trị, quản trị hiệu quả tài chính, phát triển bền vững và đa dạng hóa sản phẩm, ngành nghề kinh doanh. Với sự đầu tư bài bản vào công nghệ, quản trị doanh nghiệp và hợp tác chiến lược, Công ty hướng đến mục tiêu gia tăng giá trị doanh nghiệp, mở rộng thị phần quốc tế; phát triển bền vững trong ngành cao su và nông nghiệp công nghệ cao theo hướng xanh, tuần hoàn và giảm phát thải.

Chiến lược trung và dài hạn của DRG sẽ tập trung vào các định hướng sau:

Tối ưu hóa hoạt động sản xuất và nâng cao hiệu suất kinh doanh

- Cải tiến công nghệ chế biến; ứng dụng công nghệ số trong quản trị và quản lý: Tiếp tục đầu tư vào công nghệ sản xuất, hiện đại hóa dây chuyền chế biến mủ cao su, sợi chỉ thun để tăng năng suất, giảm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như FSC, ISO. Tiếp tục triển khai kế hoạch chuyển đổi số Công ty để công tác quản trị, quản lý Công ty hiệu lực, hiệu quả.
- Tăng hiệu quả sử dụng đất: Mở rộng diện tích cao su năng suất cao, áp dụng mô hình canh tác bền vững, nâng cao hiệu suất khai thác mủ và tận dụng tối đa tài nguyên từ các chi nhánh nông trường. Hình thành nông trường chuyên canh cây sầu riêng tại Nông trường Cư Bao. Đưa diện tích cà phê trồng xen trên vườn cao su ở Nông trường Cư Mgar vào kinh doanh và thực hiện chế biến sâu.
- Định hướng thị trường xuất khẩu: Đẩy mạnh hoạt động thương mại, mở rộng quan hệ với đối tác quốc tế để tăng xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như Trung Quốc, EU, Mỹ và Nhật Bản... Đặc biệt chú trọng phát triển thị trường cho các sản phẩm mủ FSC-FM/CoC; sợi chỉ thun FSC-FM/CoC; trái cây...

Đa dạng hóa sản phẩm và phát triển chuỗi giá trị

- Mở rộng sản xuất và chế biến nông sản: Tận dụng diện tích đất hiện có để phát triển cây ăn trái ứng dụng công nghệ cao; phát triển và đầu tư dự án trồng cà phê xen canh tại các nông trường.
- Thành lập Công ty kiểm định và xuất khẩu trái cây, xúc tiến thủ tục xây dựng nhà máy chế biến trái cây, hợp tác triển khai nhà máy chế biến cà phê chất lượng cao, đầu tư thay thế thiết bị chế biến lạc hậu, bằng thiết bị tự động hóa và ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm định hình nền nông nghiệp xanh, tuần hoàn và bền vững.

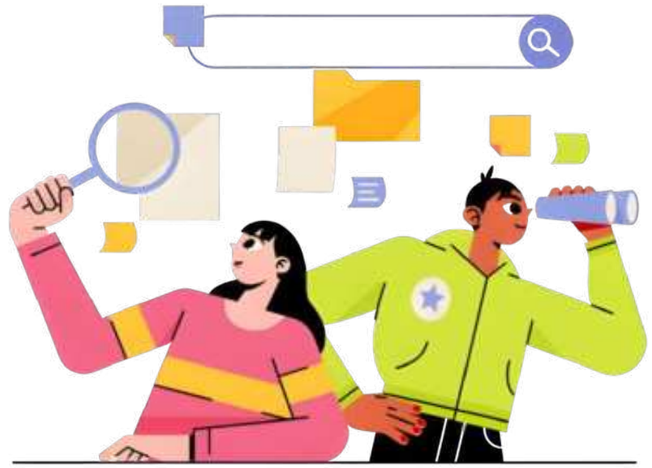

Cải thiện quản trị doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả tài chính

- Tái cấu trúc tài chính: Thực hiện lộ trình thoái vốn Nhà nước tại Công ty theo chỉ đạo của chủ sở hữu. Chuyển một phần tiền đầu tư sau khi thay đổi cơ cấu vốn đầu tư của Dự án phát triển cao su Campuchia về Công ty mẹ, để làm nguồn đối ứng các dự án khác.
- Kiểm soát chặt chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và quản trị rủi ro, gắn chính sách người lao động với năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh và đầu tư.

Hướng đến phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội

- Tiếp tục tăng cường kiểm soát chất lượng hệ thống quản lý, giữ vững chứng nhận về FSC-FM/CoC đối với các sản phẩm mủ, gỗ cao su. Đồng thời, mở rộng diện tích cao su FSC-FM, phát triển các sản phẩm cà phê, sầu riêng theo tiêu chuẩn xanh, tuần hoàn, giảm phát thải, nhằm đáp ứng xu hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của thị trường.
- Kết hợp Nông nghiệp - Công nghiệp - Môi trường để phát triển bền vững, giảm tác động tiêu cực đến môi trường.
- Thực hiện tốt vai trò là doanh nghiệp hàng đầu của tỉnh trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; bao gồm phát triển sản xuất kết hợp với cơ sở hạ tầng kỹ thuật, sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số, không ngừng tăng năng suất và thu nhập của người lao động. Đào tạo đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao, đồng thời đảm bảo môi trường làm việc an toàn, phúc lợi tốt cho người lao động.
- Tích cực thực hiện các chủ trương về an sinh xã hội do địa phương, Chính phủ phát động, tăng số lượng làm nhà mái ấm công đoàn cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn; góp phần xóa đói giảm nghèo và phát triển vùng đồng bào, giúp các hộ đồng bào dân tộc thiểu số thoát nghèo và vươn lên làm giàu. Kết hợp hài hòa phát triển kinh tế với nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị và an ninh quốc phòng trong phạm vi tổ chức sản xuất của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Định hướng phát triển về sản phẩm

Công ty định hướng phát triển theo chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, gia tăng giá trị và mở rộng thị trường gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Trong lĩnh vực cao su, Công ty tập trung tối ưu sản xuất, nâng cao chất lượng các sản phẩm mủ cốm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu; đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng năng lượng sạch, duy trì các chứng chỉ ISO, FSC/FM-CoC, Nhãn hiệu Cao su Việt Nam và chủ động đáp ứng quy định EUDR của EU.

Bên cạnh đó, Công ty mở rộng sang nông nghiệp bền vững thông qua đầu tư trồng xen canh cà phê, hướng tới quy mô khoảng 1.000 ha vào năm 2028, qua đó củng cố vị thế ngành cao su, nâng cao giá trị thương hiệu và mở rộng thị trường.

ĐVT: Tấn

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng cộng
	Sản lượng sản xuất trong kỳ						
1	Sản lượng mủ cao su	8.772,87	10.786,36	12.342,22	13.417,35	12.935,36	58.254,16
2	Sản lượng sợi chỉ thun cao su	2.500,00	2.700,00	2.900,00	3.000,00	3.200,00	14.300,00
3	Sản lượng trái cây						
3.1	*- Sản lượng sầu riêng*	*700*	*904,00*	*1.277,00*	*1.323,92*	*1.610,78*	*5.815,70*
3.2	*- Sản lượng cau*	*51,00*	*61,2*	*73,44*	*88,13*	*105,75*	*379,52*
4	Sản lượng cà phê	-	-	419,71	1.339,56	2.888,45	4.647,72

Định hướng về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026

Chỉ tiêu về số lượng

- Tổng diện tích cao su của Công ty: 7.434,87 ha. Trong đó: Diện tích cao su kinh doanh: 4.221,55 ha; diện tích cao su KTCB: 3.213,32 ha; diện tích cao su liên kết: 190,20 ha.

- Diện tích cà phê trồng xen trong vườn cao su: 528,90 ha, trong đó: Diện tích trồng mới năm 2026: 283,35 ha; diện tích trồng mới cà phê trồng thuẩn năm 2026: 3,35 ha; diện tích cà phê KTCB1: 242,2 ha.

- Diện tích cây ăn trái tại Nông trường Cư Bao:

+ Diện tích sầu riêng: 159,95 ha trong đó KD: 74,70 ha; KTCB: 61,78 ha; trồng mới năm 2026: 23,47 ha;

+ Diện tích cà phê trồng xen trong vườn sầu riêng 85,15 ha, trong đó KTCB1: 11,73 ha; trồng mới năm 2026: 73,52 ha.

Tổng diện tích cao su

7.434,87 HA

Diện tích cà phê trồng xen trong vườn cao su

528,90 HA

Định hướng về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026

Chỉ tiêu về số lượng

- Tổng sản lượng sản phẩm trong năm: (1) Sản lượng mủ cao su: 8.772,87 tấn (trong đó cao su tự khai thác: 6.600,64 tấn; mua của các hộ + thu nợ đầu tư: 172,23 tấn; mua ngoài:2.000,00 tấn); (2) Sản lượng cao su nhận gia công: 1.000,00 tấn; (3) Sản lượng sợi chỉ thun cao su các loại: 2.500,00 tấn; (4) Sản lượng quả tươi: 751 tấn (trong đó sản lượng sầu riêng: 700 tấn; sản lượng cau: 51 tấn); (5) sản lượng acid chưng cất 100 tấn.

- Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ trong năm: 12.123,87 tấn, trong đó: mủ cao su: 8.772,87 tấn (Xuất khẩu: 3.947,79 tấn; xuất bản nội địa:4.825,08 tấn); (2) sợi chỉ thun các loại: 2.500,00 tấn (Xuất khẩu: 390,00 tấn; xuất bán nội địa: 2.110,00 tấn); (3) quả tươi: 751,00 tấn (Sầu riêng bán nội địa 700,00 tẩn; cau bản nội địa 51,00 tấn); (4) acid chưng cất: 100,00 tấn.

Sản lượng mủ cao su

8.772,87 TẤN

Sản lượng cao su nhận gia công

1.000,00 TẤN

Sản lượng sợi chỉ thun

2.500,00 TẤN

Sản lượng quả tươi

751 TẤN

Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ trong năm

12.123,87 TẤN

Chỉ tiêu về giá trị

- Tổng doanh thu: 814.225,55 triệu đồng. Trong đó: (1) bán mủ cao su: 414.809,72 triệu đồng; (2) vận chuyển và gia công mủ bên ngoài: 3.300 triệu đồng (3) Doanh thu bán sợi chỉ thun và acid: 179.618,88 triệu đồng; (4) dịch vụ khác BAKLAK sạn: 26.472,60 triệu đồng; (5) sản phẩm trái cây: 36.020,00 triệu đồng; (6) hợp đông cho thuê mặt bằng: 2.000,00 triệu đồng; (8) hợp đồng trồng xen: 28.271,32 triệu đồng; (9) hoạt động tài chính: 92.038,02 triệu đồng; (10) Thu nhập khác: 31.695,00 triệu đồng.

- Tổng chi phí: 723.006,35 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 91.219,00 triệu đồng.

Chỉ tiêu về đầu tư

Tổng vốn đầu tư năm 2026 là: 254.414,63 triệu đồng, trong đó: (1) Đầu tư vườn cây cao su KTCB: 105.103,57 triệu đồng; (2) Đầu tư vườn cấy ăn trái tại Chi nhánh Nông trường Cư Bao: 15.425,1 triệu đồng: (3) Đầu tư vườn cả phê tại Chi nhánh Nông trường CưMgar là 41.919,4 triệu đồng; (4) Đầu tư vào rừng trồng (FSC): 815,6 triệu đồng; (5) Đầu tư khác vườn cây: 83.150,9 triệu đồng; (6) Đầu tư góp vốn thành lập công ty kiểm phẩm trái cây 8.000 triệu đồng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty chú trọng giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường thông qua việc triển khai đồng bộ các biện pháp bảo vệ môi trường và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Song song đó, Công ty từng bước chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, giảm phát thải, tăng cường tái chế và tái sử dụng, trước mắt tập trung tiết kiệm nước trong tưới cà phê, sầu riêng và chế biến sản phẩm; sử dụng năng lượng mặt trời; tái sử dụng một phần nước thải trong sản xuất và khảo sát đầu tư điện mặt trời, lò đốt gas tại Nhà máy Chế biến mủ cao su. Công nghệ sinh học được ứng dụng rộng rãi trong các khâu trồng trọt, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản và chế biến, kết hợp với việc đổi mới công nghệ, nâng cấp trang thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất và hạn chế tác động đến môi trường. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đầu tư và vận hành hiệu quả các hệ thống xử lý nước thải, khí thải và chất thải rắn tại vườn cây và nhà máy, duy trì hệ thống quan trắc môi trường, ký hợp đồng với đơn vị chuyên trách xử lý chất thải nguy hại, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn quốc gia và không ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư. Công tác bảo vệ môi trường tại các nhà máy chế biến được cơ quan quản lý đánh giá tích cực, thể hiện rõ cam kết của Công ty trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội. Đồng thời, Công ty hướng tới phát triển nông nghiệp sạch và bảo đảm an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi sản xuất - chế biến - phân phối, tăng cường sử dụng chế phẩm sinh học, tuân thủ chặt chẽ quy định về hóa chất, duy trì các chứng chỉ VietGAP, GlobalGAP, qua đó cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, an toàn cho người tiêu dùng và thân thiện với môi trường.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty tích cực tạo việc làm cho người dân tại các khu vực sản xuất, qua đó góp phần cải thiện thu nhập và nâng cao đời sống của lao động địa phương. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động được chú trọng thông qua việc duy trì trạm y tế tại Công ty Dakmoruco - Campuchia, thực hiện khám chữa bệnh và khám sức khỏe định kỳ, đồng thời tăng cường liên kết giữa các chi nhánh nông trường với hệ thống y tế địa phương nhằm bảo đảm người lao động và cán bộ công nhân viên được tiếp cận dịch vụ y tế kịp thời.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động an sinh và thiện nguyện, hỗ trợ người lao động và cộng đồng trong những trường hợp khó khăn như thiên tai, dịch bệnh, tai nạn, ốm đau; phối hợp với Công đoàn triển khai Chương trình nhà mái ấm Công đoàn theo chủ trương xóa nhà tạm, nhà dột nát của Chính phủ; tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ bò sinh sản cho các hộ gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn.

Ngoài ra, Công ty đẩy mạnh phát triển các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đắk Lắk nhằm tạo thêm việc làm, gia tăng thu nhập cho người dân và thúc đẩy đổi mới công nghệ trong sản xuất. Doanh nghiệp cũng tích cực đồng hành cùng chính quyền địa phương trong xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ phát triển hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, trạm y tế và các công trình phúc lợi xã hội; triển khai các chương trình kết nghĩa với buôn đồng bào dân tộc thiểu số và đồn biên phòng để tăng cường gắn kết, hỗ trợ phát triển cộng đồng. Song song đó, Công ty chú trọng cải thiện điều kiện và môi trường làm việc, bảo đảm an toàn, sức khỏe và tạo điều kiện làm việc ổn định, lâu dài cho người lao động.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Năm 2025, bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục đối diện nhiều thách thức, tạo ra những rủi ro đáng kể cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của DAKRUCO. Đà phục hồi của các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Mỹ và EU diễn ra chậm hơn dự kiến, do biến động địa chính trị, áp lực lạm phát kéo dài, chi phí sản xuất tăng cao, chính sách tiền tệ thận trọng của nhiều ngân hàng trung ương và chính sách thuế quan của Mỹ. Đặc biệt, kinh tế Trung Quốc - thị trường tiêu thụ lớn nhất của Việt Nam với tỷ trọng 71,8% - ghi nhận dấu hiệu giảm tốc rõ rệt trong những tháng cuối năm, khi lượng xuất khẩu cao su sang thị trường này giảm tới 19% do ngành xe điện nội địa bước vào cuộc cạnh tranh giá khốc liệt, buộc các nhà sản xuất cắt giảm chi phí đầu vào.

Cùng với đó, sức mua giảm mạnh tại Ấn Độ và Mỹ, hai thị trường lớn vốn được xem là "điểm tựa" tăng trưởng cho cao su Việt Nam. Trong 11 tháng năm 2025, xuất khẩu sang Ấn Độ giảm hơn 36%, Mỹ giảm trên 50%, cho thấy sự thu hẹp đáng kể về quy mô thị trường toàn cầu. Trên bình diện quốc tế, theo dự báo của Hiệp hội các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC): năm 2026 so với năm 2025, nguồn cung cao su tự nhiên ước tính 15,324 triệu tấn, tăng 2,2%, trong khi đó nhu cầu tiêu thụ đạt 15,602 triệu tấn, tăng 1,4%, điều này sẽ ảnh hưởng đến giá bán mủ cao su thiên nhiên, có thể khiến giá mủ cao su duy trì ở mức thấp hơn kỳ vọng, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu; mặt khác chi phí đầu vào và logictis tăng, đẩy giá thành lên cao, làm cho biên lợi nhuận và dòng tiền của DAKRUCO năm 2026.

Mặc dù khu vực Đông Nam Á nổi lên như điểm sáng với mức tăng trưởng tích cực tại Indonesia và Malaysia, xu hướng này chỉ mang tính hỗ trợ ngắn hạn và chưa đủ để bù đắp rủi ro tại các thị trường truyền thống. Đồng thời, giá cao su thế giới tiếp tục biến động khó lường do tác động của thời tiết cực đoan và gián đoạn nguồn cung tại một số quốc gia sản xuất lớn. Trong bối cảnh đó, DAKRUCO phải đối diện với nguy cơ giảm nhu cầu, biến động giá bán và áp lực cạnh tranh gia tăng, ảnh hưởng đến khả năng duy trì ổn định sản lượng tiêu thụ và hiệu quả kinh doanh trong năm 2026.

Rủi ro pháp lý

Năm 2026 đánh dấu một giai đoạn siết chặt pháp lý trên nhiều lĩnh vực liên quan trực tiếp đến hoạt động trồng trọt, chế biến và xuất khẩu cao su, khiến DAKRUCO phải đối mặt với các rủi ro tuân thủ phức tạp hơn so với những năm trước. Trọng tâm là việc triển khai đồng bộ các văn bản dưới luật của Luật Đất đai 2024, trong đó yêu cầu mới về quản lý, định giá và sử dụng đất nông nghiệp có thể tạo ra áp lực lớn đối với các doanh nghiệp có quỹ đất quy mô lớn như DAKRUCO. Những thay đổi trong quy định cấp phép sử dụng đất, thời hạn thuê đất hay thủ tục điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất có thể ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án tái canh, mở rộng diện tích trồng mới hoặc chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Song song với đó, hệ thống pháp luật về môi trường trong năm 2025 có nhiều cập nhật theo hướng nâng cao tiêu chuẩn phát thải và quản lý chất thải tại các nhà máy chế biến mủ. Việc áp dụng các quy chuẩn mới về xử lý nước thải, tiếng ồn, khí thải và đánh giá tác động môi trường khiến chi phí tuân thủ và đầu tư nâng cấp công nghệ tăng lên đáng kể. Đây là rủi ro đặc biệt đối với ngành chế biến cao su - lĩnh vực vốn chịu sự giám sát rất chặt chẽ do khả năng tác động trực tiếp đến môi trường.

Trong lĩnh vực thương mại quốc tế, năm 2025 chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ các rào cản kỹ thuật từ các quốc gia nhập khẩu cao su. Quy định chống phá rừng của EU (EUDR) - chính thức đi vào giai đoạn triển khai thực tế vào đầu năm 2027 - buộc doanh nghiệp phải chứng minh xuất xứ, minh bạch chuỗi cung ứng và cung cấp dữ liệu định vị cho từng lô hàng. Dù DAKRUCO đã chuẩn bị từ sớm, bao gồm hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc và cung ứng thành công các lô hàng đáp ứng tiêu chuẩn EUDR, rủi ro vẫn hiện hữu do yêu cầu kiểm tra ngặt nghèo và khả năng thay đổi tiêu chí theo từng chu kỳ đánh giá của EU. Ngoài EU, Trung Quốc, Ấn Độ và Mỹ cũng tăng cường các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến dư lượng hóa chất, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn bền vững, làm gia tăng nguy cơ gián đoạn thị trường xuất khẩu của Công ty nếu không kịp thời đáp ứng.

Để hạn chế những rủi ro pháp lý trong năm 2026, DAKRUCO tiếp tục củng cố hệ thống tuân thủ nội bộ, tăng cường đào tạo chuyên môn pháp lý, nâng cấp công nghệ đáp ứng yêu cầu môi trường và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức tư vấn, hiệp hội ngành cao su nhằm cập nhật kịp thời những thay đổi chính sách. Phương án này giúp Công ty bảo vệ hoạt động kinh doanh trước biến động pháp lý và duy trì năng lực cạnh tranh trong bối cảnh yêu cầu từ thị trường và cơ quan quản lý ngày càng cao.

Rủi ro tỷ giá

Biến động tỷ giá USD/VND là một trong những rủi ro tài chính đáng chú ý có thể tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của DAKRUCO, đặc biệt trong bối cảnh Công ty có tỷ trọng doanh thu xuất khẩu lớn và chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ thuộc vào ngoại tệ. Diễn biến thị trường cho thấy đồng Việt Nam đã chịu áp lực mất giá so với đồng USD trong suốt năm 2025: tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước công bố nhiều lần điều chỉnh tăng dần, dao động quanh mức 24.6 - 24.8 nghìn VND/USD trong quý I 2025, cao hơn mức đầu năm trước đó. Trên thị trường giao dịch thực tế tại các ngân hàng thương mại, tỷ giá mua - bán USD/VND nhiều ngày trong quý I và II 2025 ghi nhận mức 25.4 - 25.8 nghìn VND/USD, với đỉnh ngắn hạn vượt 26.0 nghìn VND/USD tại một số thời điểm trong tháng 3/2025. Đến cuối năm, dữ liệu thị trường ngoại hối cho thấy tỷ giá USD/VND đã đạt mức khoảng 26.3 - 26.4 VND cho mỗi 1 USD và tính chung 11 tháng năm 2025, chỉ số giá USD bình quân vẫn tăng 3,94% so với cùng kỳ.

Biến động tỷ giá đã tạo ra rủi ro kép cho DAKRUCO. Trước hết, mất giá của VND làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ tùng, máy móc và dịch vụ thanh toán bằng USD, từ đó đẩy chi phí sản xuất lên cao hơn dự toán. Thứ hai, khi tỷ giá biến động mạnh, giá trị quy đổi doanh thu xuất khẩu sang VND cũng chịu tác động khó lường, có thể làm lệch kế hoạch lợi nhuận nếu Công ty không chủ động phòng ngừa rủi ro tỷ giá. Mặc dù Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành tỷ giá linh hoạt và can thiệp kịp thời để hạn chế biến động quá mạnh, mức độ biến động của thị trường tự do và chênh lệch với tỷ giá trung tâm vẫn là một yếu tố rủi ro mà DAKRUCO cần theo dõi sát sao.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro lãi suất

Môi trường lãi suất trong nước tiếp tục biến động theo xu hướng khó dự đoán, tạo ra những rủi ro nhất định đối với các doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp và chế biến như DAKRUCO. Mặc dù mặt bằng lãi suất huy động duy trì ở mức thấp và có thời điểm giảm nhẹ để hỗ trợ tăng trưởng, nhưng lãi suất cho vay trên thị trường vẫn dao động theo diễn biến thanh khoản của hệ thống ngân hàng và áp lực kiểm soát lạm phát. Từ giữa năm 2025, nhiều ngân hàng thương mại điều chỉnh lãi suất cho vay lên mức 6,5 - 9%/năm tùy theo kỳ hạn và phương án tín dụng, phản ánh sự thận trọng khi nhu cầu vốn toàn nền kinh tế tăng mạnh.

Song song đó, xu hướng điều hành chính sách tiền tệ trên thế giới, đặc biệt là chu kỳ giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức cho doanh nghiệp trong nước. Mặc dù việc nới lỏng từ các ngân hàng trung ương lớn giúp giảm áp lực lên chi phí vốn toàn cầu, nhưng đồng thời có thể làm gia tăng biến động dòng vốn và tỷ giá, khiến lãi suất nội địa trở nên khó đoán hơn. Trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục ưu tiên mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và tỷ giá, lãi suất cho vay vẫn có khả năng tăng trở lại nếu áp lực thanh khoản hoặc lạm phát xuất hiện.

Đối với DAKRUCO, rủi ro lãi suất chủ yếu đến từ nhu cầu vốn phục vụ tái canh, đầu tư chăm sóc vườn cây, duy trì hoạt động chế biến và bổ sung vốn lưu động theo mùa vụ. Nếu mặt bằng lãi suất tăng cao hơn kỳ vọng, chi phí tài chính của Công ty sẽ bị đội lên đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận và khả năng triển khai các kế hoạch đầu tư dài hạn. Đặc biệt, chu kỳ khai thác cao su đòi hỏi vốn lớn và quay vòng chậm, nên bất kỳ biến động nào của lãi suất đều có thể kéo theo rủi ro dòng tiền và làm giảm hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

Rủi ro tự nhiên

Hoạt động trồng và khai thác cao su, cà phê, sầu riêng của DAKRUCO phụ thuộc lớn vào điều kiện thiên nhiên, do đó rủi ro thời tiết và biến đổi khí hậu là một trong những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất. Năm 2025 ghi nhận nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan trong khu vực Đông Nam Á, điển hình là đợt mưa lớn kéo dài tại Thái Lan vào cuối năm, làm gián đoạn sản lượng cao su toàn khu vực và ảnh hưởng đến lưu thông hàng hóa. Tại Việt Nam, thời tiết thất thường, độ ẩm cao và nhiệt độ biến động mạnh gây ảnh hưởng đến chu kỳ sinh trưởng của cây cao su, làm giảm năng suất khai thác và tăng rủi ro gãy đổ, nhiễm bệnh.

Sự bùng phát của các loại sâu bệnh phổ biến trên cây cao su như nấm hại lá, bệnh rụng lá Corynespora, bệnh phấn trắng, các bệnh trên cây cà phê, sầu riêng… có xu hướng tăng mạnh trong điều kiện khí hậu biến đổi thất thường. Việc phòng trừ sâu bệnh đòi hỏi chi phí lớn, đồng thời ảnh hưởng đến chất lượng mủ và sản lượng thu hoạch. Bên cạnh đó, những thay đổi trong mùa vụ, thời gian cạo mủ và các đợt ngưng cạo bắt buộc để bảo vệ cây cũng có thể khiến sản lượng thực tế của DAKRUCO thấp hơn kế hoạch, tác động trực tiếp đến doanh thu và kết quả kinh doanh. Thời tiết diễn biến bất thường cũng ảnh hưởng không nhỏ đến làm hoa, quả của cây cà phê, sầu riêng.

Rủi ro đặc thù

DAKRUCO tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro đặc thù của ngành cao su trong năm 2025 do diễn biến giá cả thế giới khó lường. Mặc dù giá cao su bình quân 11 tháng tăng nhẹ, thị trường vẫn chịu áp lực giảm giá trong điều kiện biến động địa chính trị, làm đứt gãy chuỗi cung ứng, chi phí đầu vào và logictis tăng cao, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến giá bán và biên lợi nhuận của Công ty. Rủi ro càng gia tăng khi các thị trường truyền thống như Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ, Malaysia có dấu hiệu suy yếu, làm gia tăng mức độ cạnh tranh. Bên cạnh đó, Dakruco đang phát triển một số sản phẩm mới, như cà phê, sầu riêng, dịch vụ kiểm nghiệm hàng nông sản xuất khẩu đều là lĩnh vực mới sẽ có nhiều rủi ro do thiếu kinh nghiệm trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

Để ứng phó với các rủi ro đặc thù của ngành, DAKRUCO tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp như nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tại Đông Nam Á, tăng tỷ trọng sản phẩm có chứng chỉ bền vững và tối ưu hóa quy trình chế biến nhằm giảm chi phí sản xuất. Công ty cũng chú trọng đa dạng hóa nguồn thu thông qua phát triển mạnh mảng cây sầu riêng và cà phê theo tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP, giúp giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào biến động giá cao su. Đồng thời chú trọng hợp tác kinh doanh với các nhà đầu tư có kinh nghiệm, có tiềm lực; đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu mới.

Rủi ro môi trường

Trong bối cảnh các yêu cầu về bảo vệ môi trường ngày càng được siết chặt trên cả phạm vi trong nước và quốc tế, DAKRUCO luôn xác định việc gìn giữ hệ sinh thái và sản xuất bền vững là ưu tiên trọng tâm. Công ty triển khai đồng bộ nhiều biện pháp nhằm kiểm soát tác động môi trường từ hoạt động trồng trọt đến chế biến. Toàn bộ chất thải, bao bì hóa chất và nước thải đều được thu gom, phân loại và xử lý theo đúng quy định, với hệ thống xử lý nước thải tại các nhà máy được vận hành thường xuyên để đảm bảo chất lượng đầu ra đạt chuẩn. Song song đó, DAKRUCO đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, tối ưu hóa quy trình nhằm giảm phát thải và hạn chế tiêu hao nguyên liệu đầu vào. Hơn hết, định hướng phát triển của công ty đặt ra là tiếp tục duy trì và thực hiện thống quản lý chất lượng, quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO, chứng nhận nhãn hiệu Cao su Việt Nam, chứng nhận Quản lý rừng bền vững FSC-FM/CoC, hoàn thiện hồ sơ để đáp ứng quy định chống phá rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR), nghiên cứu để từng bước lập đề án và tiếp cận thị trường tín chỉ carbon. Những nỗ lực này không chỉ giúp Công ty tuân thủ các quy định pháp lý mà còn góp phần củng cố cam kết phát triển xanh, đảm bảo sự hài hòa giữa hoạt động kinh doanh và trách nhiệm đối với môi trường.

CHƯƠNG

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

32 Tình hình hoạt động SXKD

38 Tổ chức và nhân sự

46 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

50 Tình hình tài chính

54 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

56 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2025

Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% Tăng/giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu bán mủ cao su	347.556	62,17%	410.009	67,36%	62.453	17,97%
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	22.045	3,94%	21.361	3,51%	(684)	(3,10%)
Doanh thu sản phẩm chỉ thun, acid	107.984	19,31%	120.884	19,86%	12.900	11,95%
Doanh thu bán thành phẩm nông nghiệp CNC (chuối, sầu riêng, dứa, cau)	40.335	7,21%	19.479	3,20%	(20.856)	(51,71%)
Doanh thu từ hợp đồng hợp tác trồng xen	37.539	6,71%	32.428	5,33%	(5.111)	(13,61%)
Doanh thu hoạt động khác	599	0,65%	4.501	0,74%	889	24,61%
Tổng cộng	**559.071**	**100,00%**	**608.662**	**100,00%**	**49.591**	**8,87%**

Theo BCTC kiểm toán tổng hợp 2025

Chỉ tiêu	2024		2025		% Tăng/giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu bán mủ cao su	953.430	80,33%	653.078	76,53%	(300.352)	(31,50%)
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	22.045	1,86%	21.361	2,50%	(684)	(3,10%)
Doanh thu sản phẩm chỉ thun, vật tư khác	107.984	9,10%	122.400	14,34%	14.416	13,35%
Doanh thu bán thành phẩm nông nghiệp công nghệ cao	63.142	5,32%	19.572	2,29%	(43.570)	(69,00%)
Doanh thu từ hợp đồng hợp tác trồng xen	36.606	3,08%	32.428	3,80%	(4.178)	(11,41%)
Doanh thu hoạt động khác	599	0,05%	4.501	0,53%	889	24,61%
Tổng cộng	**1.186.818**	**100,00%**	**853.341**	**100,00%**	**(333.477)**	**(28,10%)**

Theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2025

Năm 2025 đánh dấu giai đoạn chuyển đổi quan trọng của Dakruco với sự tập trung mạnh mẽ vào các hoạt động cốt lõi. Mặc dù doanh thu hợp nhất giảm 28,10% (xuống 853.341 triệu đồng) do tác động từ việc thoái vốn thành công tại Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI), nhưng doanh thu Công ty mẹ vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định 8,87%, đạt 608.662 triệu đồng. Kết quả này phản ánh sức khỏe tài chính lành mạnh và hiệu quả vận hành thực tế của đơn vị.

Hoạt động sản xuất và kinh doanh mủ cao su tiếp tục khẳng định vị thế là mảng kinh doanh trọng yếu, đóng vai trò hạt nhân trong cơ cấu tăng trưởng của đơn vị khi đóng góp 410.009 triệu đồng vào doanh thu Công ty mẹ, tăng 17,97% so với năm trước và chiếm tỷ trọng 67,36%. Kết quả tích cực này đến từ việc giá bán bình quân phục hồi đạt 48,3 triệu đồng/tấn (tăng 8,5%) cùng nỗ lực gia tăng sản lượng khi đưa vào khai thác mới với 482,16 ha vườn cây.

Với nỗ lực giảm thiểu rủi ro từ sự phụ thuộc vào một dòng sản phẩm duy nhất, Công ty kiên trì theo đuổi chiến lược đa dạng hóa nguồn thu, trong đó sản phẩm chỉ thun và nông nghiệp công nghệ cao là những điểm sáng quan trọng. Mảng sản phẩm chỉ thun ghi nhận sự tăng trưởng ổn định với doanh thu hợp nhất đạt 122.400 triệu đồng, tăng 13,35% so với cùng kỳ. Song song đó, lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, doanh thu trong năm có sự điều chỉnh xuống mức 19.572 triệu đồng. Tuy nhiên, đây là kết quả của sự chủ động điều tiết nguồn lực để tập trung vào giai đoạn đầu tư trọng điểm, trồng mới 50,05 ha sầu riêng và 11,73 ha cà phê tại Nông trường Cư Bao, cùng dự án cao su xen cà phê quy mô lớn tại Cư M'Gar. Đây được xem là những bước chuẩn bị chiến lược, tạo nền tảng vững chắc để hình thành các dòng nông sản giá trị cao, kỳ vọng mang lại nguồn lợi nhuận lớn trong giai đoạn 2027-2028.

Mảng dịch vụ lưu trú và hoạt động khác tiếp tục đóng góp tích cực vào dòng tiền và hệ sinh thái kinh doanh của đơn vị. Dù chịu áp lực thị trường, doanh thu từ nhà hàng, khách sạn và du lịch vẫn duy trì sự ổn định ở mức 21.361 triệu đồng. Khách sạn Dakruco đóng vai trò chiến lược trong việc quảng bá thương hiệu và tối ưu hóa giá trị hạ tầng sẵn có dù chỉ chiếm 2,50% tỷ trọng doanh thu hợp nhất. Đặc biệt, doanh thu hoạt động khác ghi nhận mức tăng trưởng đột biến 24,61%, đạt 4.501 triệu đồng, cho thấy sự linh hoạt trong việc khai thác tối đa các nguồn lực phụ trợ và tài sản hiện có.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2025

Cơ cấu chi phí

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% Tăng/giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí nhân công	157.951	29,58%	241.185	35,62%	83.234	52,70%
Chi phí nguyên vật liệu	253.647	47,50%	292.174	43,14%	38.527	15,19%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.065	9,38%	51.104	7,55%	1.039	2,07%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.667	9,49%	51.002	7,53%	335	0,66%
Chi phí bằng tiền khác	21.676	4,06%	41.729	6,16%	20.053	92,51%
Tổng chi phí	**534.005**	**100,00%**	**677.194**	**100,00%**	**143.189**	**26,81%**

Theo BCTC kiểm toán tổng hợp 2025

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% Tăng/giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	392.339	37,53%	306.069	38,21%	(86.270)	(21,99%)
Chi phí nhân công	396.078	37,89%	325.589	40,65%	(70.489)	(17,80%)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.141	11,40%	76.291	9,52%	(42.850)	(35,97%)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.695	9,25%	51.009	6,37%	(45.686)	(47,25%)
Chi phí khác bằng tiền	41.186	3,94%	42.035	5,25%	849	2,06%
Tổng chi phí	**1.045.439**	**100,00%**	**800.992**	**100,00%**	**(244.447)**	**(23,38%)**

Theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2025

Năm 2025, tổng chi phí hợp nhất giảm 23,38% xuống còn 800.992 triệu đồng, chủ yếu do tác động từ việc thoái vốn thành công tại DRI. Ngược lại, chi phí tại Công ty mẹ tăng 26,81% (đạt 677.194 triệu đồng), phản ánh định hướng tập trung nguồn lực vào các dự án nông nghiệp chiến lược và nâng cao phúc lợi cho người lao động.

Chi phí nhân công tại Công ty mẹ ghi nhận mức tăng mạnh 52,70%, đạt 241.185 triệu đồng và nâng tỷ trọng lên 35,62%. Sự gia tăng này phục vụ việc nâng thu nhập bình quân lên 9,1 triệu đồng/tháng (tăng 13,2%) và đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các dự án trồng mới sầu riêng, cà phê và cao su xen canh tại Cư Bao và Cư M'Gar. Chi phí nguyên vật liệu cũng tăng 15,19% do biến động giá thị trường, nhưng tỷ trọng trong cơ cấu được kiểm soát hiệu quả ở mức 43,14%.

Công ty tiếp tục tối ưu hóa vận hành thông qua việc duy trì ổn định các khoản chi phí khấu hao và dịch vụ mua ngoài. Việc tăng cường chi phí bằng tiền khác để đầu tư cho chuyển đổi số và ứng dụng AI là bước đi chủ động nhằm hiện đại hóa quy trình sản xuất, giúp Dakruco củng cố năng lực tài chính và đa dạng hóa hệ sinh thái kinh doanh bền vững trong giai đoạn mới.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH 2025/ KH 2025	TH 2025/ TH 2024
1	**Tổng doanh thu**	**641.123**	**697.545**	**715.483**	**102,57%**	**111,60%**
	Doanh thu bán mủ cao su	*347.556*	*320.394*	*410.009*	*127,97%*	*117,97%*
	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch.	*22.044*	*23.711*	*21.361*	*90,09%*	*96,90%*
	Doanh thu bán (trái cây)	*40.335*	*33.589*	*19.479*	*57,99%*	*48,29%*
	Doanh thu sản phẩm chỉ thun	*107.937*	*158.302*	*120.790*	*76,30%*	111,91%
	Doanh thu cho thuê đất trồng xen	*37.539*	*29.580*	*32.428*	*109,63%*	*86,39%*
	Doanh thu hoạt động khác - thu nhập khác	*85.713*	*131.968*	*111.415*	*84,43%*	*129,99%*
2	**Lợi nhuận thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**70.159**	**77.265**	**75.982**	**98,34%**	**108,30%**
3	**Lợi nhuận trước thuế**	**50.296**	**80.227**	**89.001**	**110,94%**	**176,95%**
4	**Lợi nhuận sau thuế**	**50.512**	**74.890**	**73.793**	**98,54%**	**146,09%**
5	**Cổ tức**	**13.555**	**24.000**	**24.000**	**100,00%**	**177,06%**

Theo BCTC kiểm toán tổng hợp 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH 2025/ KH 2025	TH 2025/ TH 2024
1	Vốn điều lệ	1.558.000	1.558.000	1.558.000	100,00%	100,00%
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.186.818	723.175	853.341	118,00%	71,90%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	178.320	94.820	203.780	214,91%	114,28%
4	Lợi nhuận khác	(20.715)	2.963	12.731	429,72%	-
5	Lợi nhuận trước thuế	157.605	97.239	216.511	222,66%	137,38%
6	Lợi nhuận sau thuế	121.793	92.379	196.610	212,83%	161,43%

Theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2025

Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ghi nhận những kết quả tích cực, cơ bản hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Theo Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 853.341 triệu đồng, đạt 118% so với kế hoạch năm. Kết quả này có sự đóng góp quan trọng từ lĩnh vực mủ cao su tại Công ty mẹ với doanh thu đạt 410.009 triệu đồng, đạt 127,97% kế hoạch và tăng 17,97% so với cùng kỳ năm trước. Việc chủ động theo sát diễn biến thị trường và duy trì ổn định nguồn cung đã giúp đơn vị tận dụng tốt sự phục hồi của giá bán để đảm bảo doanh thu cốt lõi.

Song song với việc thúc đẩy doanh thu, Công ty đã chú trọng công tác quản trị chi phí và tối ưu hóa nguồn lực nội tại. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất đạt 203.780 triệu đồng, đạt 214,91% kế hoạch và tăng 14,28% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 216.511 triệu đồng, tương ứng với 222,66% kế hoạch đề ra. Những số liệu này phản ánh sự nỗ lực của đơn vị trong việc duy trì hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời ổn định trong giai đoạn thực hiện các bước tái cơ cấu danh mục đầu tư.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 196.610 triệu đồng, đạt 212,83% so với kế hoạch và tăng 61,43% so với năm trước. Tại Công ty mẹ, các chỉ tiêu lợi nhuận cũng được đảm bảo thực hiện tốt, tạo cơ sở để duy trì mức chi trả cổ tức cho cổ đông đạt 24.000 triệu đồng, hoàn thành 100% kế hoạch đề ra. Kết quả đạt được trong năm 2025 là thành quả từ sự đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên, cùng sự chỉ đạo sâu sát của Ban lãnh đạo trong việc linh hoạt điều chỉnh các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/8/2025)	61.659.408	39,58%	2.000	0,0012%
2	Nguyễn Văn Cúc	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/08/2025)	-	-	3.500	0,002%
3	Nguyễn Trần Giang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2025)	-	-	-	-
4	Lê Thanh Bình	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 01/01/2025)	-	-	-	-

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2025

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Trần Giang - chức vụ Phó Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2023 - 2028 kể từ ngày 01/01/2025.
- Bổ nhiệm ông Lê Thanh Bình - chức vụ Kế toán trưởng - Kiêm trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty kể từ ngày 01/01/2025.
- Miễn nhiệm ông Nguyễn Độ - chức vụ Phó Tổng Giám Đốc kể từ ngày 01/05/2025.
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Cúc - chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ II (2023 - 2028) kể từ ngày 15/8/2025.

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN MINH

Tổng Giám đốc

Năm sinh	1970
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Nông nghiệp; Cao cấp LLCT
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Tổng Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư cao su Đắk Lắk; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Daknoruco
Thành tích	Bằng khen UBND tỉnh Đắk Lắk năm 2017

Quá trình công tác

1991 - 1996	Học tại trường Đại học Tây Nguyên
1996 - 1998	Cán bộ kỹ thuật tại Công ty cao su Đắk Lắk
1998 - 2000	Phó Ban chỉ đạo Nông trường cao su ĐăkMil trực thuộc Công ty cao su Đắk Lắk
2000 - 2006	Phó Giám đốc Nông trường cao su ĐăkMil trực thuộc Công ty cao su Đắk Lắk
2006 - 2007	Phó Giám đốc Dự án tỉnh Champasắk Salavan - Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào
2007 - 2008	Giám đốc Nông trường III - Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào
2008 - 2009	Phó ban CPH tại CTCP Cao su Đăk Nông
2009 - 2010	Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk tại Kon Tum
2010 - 2013	Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk tại Kon Tum
2013 - 2015	Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk - Nông trường 30/4
2015 - 09/2018	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
10/2018 - 10/2021	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk
11/2021 - 08/2024	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk
08/2024 - nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk.

Số lượng cổ phần sở hữu:	**61.661.408**	**Cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**39,5812%**
Sở hữu cá nhân	2.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,0012%
Sở hữu đại diện	61.659.408	cổ phần, chiếm tỷ lệ	39,58%
Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN VĂN CÚC

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1969
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Đại học Pháp lý, Cao cấp LLCT
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Thành tích	Bằng khen Tổng LĐLĐVN, UBND tỉnh, Bộ NN&PTNT, Thủ tướng CP

Quá trình công tác

1986 - 1990	Học Đại học
01/1991 - 3/1993	Nhân viên phòng Tổ chức - Thanh tra Liên hiệp Các xí nghiệp Cao su Đắk Lắk
3/1993 - 12/2003	Nhân viên phòng Thanh tra - Bảo vệ Công ty Cao su Đắk Lắk
01/2004 - 6/2007	Phó phòng Thanh tra - Bảo vệ Công ty Cao su Đắk Lắk
7/2007 - 12/2010	Trưởng phòng Thanh tra - Bảo vệ Công ty Cao su Đắk Lắk
01/2011 - 9/2018	Trưởng phòng Nhân sự - Pháp chế Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
10/2018 - 8/2025	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Nhân sự - Pháp chế CTCP Cao su Đắk Lắk
15/8/2025 - nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk

Số lượng cổ phần sở hữu:	**3.500**	**Cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**0,002%**
Sở hữu cá nhân	3.500	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,002%
Sở hữu đại diện	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

Ông NGUYỄN TRẦN GIANG

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1981
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư cao su Đắk Lắk

Quá trình công tác

1999 - 2003	Học đại học tại trường Kinh tế và Quản trị kinh doanh Đà Nẵng
2003 - 2005	Nhân viên Kế toán Công ty Xăng dầu Đắk Lắk (Nay là Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên)
2005 - 2010	Nhân viên Kế toán Công ty cao su Đắk Lắk
2011 - 2013	Trưởng bộ phận Tài chính - Kế hoạch - Đầu tư tại Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
2014 - 9/2018	Phó Phòng Tài chính - Kế toán tại Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
10/2018 - 12/2024	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán CTCP Cao su Đắk Lắk
01/2025 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk

Số lượng cổ phần sở hữu:	**-**	**Cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**-**
Sở hữu cá nhân	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông LÊ THANH BÌNH

Kế toán trưởng

Năm sinh	1972
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Kế toán
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không

Quá trình công tác

04/2000 - 09/2002	NV Kế toán Trung tâm cao su Cư Mgar thuộc Công ty Cao su Đắk Lắk
10/2002 - 08/2004	NV Kế toán Xí nghiệp chế biến và dịch vụ cao su thuộc Công ty Cao su Đắk Lắk
09/2004 - 12/2006	Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến gỗ thuộc Công ty cao su Đắk Lắk
01/2007 - 01/2012	Kế toán trưởng Công ty phát triển cao su Đắk Lắk - Mondulkiri thuộc Công ty Cao su Đắk Lắk tại Vương quốc Campuchia
02/2012 - 05/2015	NV kế toán phòng Tài chính - Kế toán Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
06/2015 - 03/2019	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán - Nhân sự Công ty TNHH MTV Chỉ thun cao su Đắk Lắk thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
04/2019 - 07/2020	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán - Nhân sự Chi nhánh Nhà máy chế biến chỉ thun thuộc Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk
08/2020 - 12/2024	Phó phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk
01/2025 - nay	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk

Số lượng cổ phần sở hữu:	**- Cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**-**
Sở hữu cá nhân	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu của người có liên quan	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	**Theo trình độ lao động**	**2.520**	**100,00%**
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	233	9,25%
2	Trình độ Cao đẳng	42	1,67%
3	Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	45	1,79%
4	Sơ cấp	221	8,77%
5	Công nhân kỹ thuật	1.422	56,43%
6	Lao động phổ thông	557	22,10%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**2.520**	**100,00%**
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	1.929	76,55%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	588	23,33%
3	Hợp đồng thử việc	3	0,12%
C	**Theo giới tính**	**2.520**	**100,00%**
1	Nam	1.084	43,02%
2	Nữ	1.436	56,98%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	7.300.000	7.320.000	8.039.000	9.405.000

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH VÀ NHỮNG THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xác định nguồn nhân lực là tài sản cốt lõi và là nhân tố quyết định sự thành công của chiến lược phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nhân văn và công bằng. Tính đến cuối năm 2025, tổng quy mô nhân sự của Công ty (bao gồm cả Công ty TNHH PTCS Đắk Lắk - Mondulkiri (Dakmoruco)) đạt 2.520 người.

1 Chính sách tuyển dụng: Gắn kết và Phát triển cộng đồng địa phương

Công ty thực hiện chiến lược tuyển dụng gắn liền với trách nhiệm xã hội và ổn định an sinh tại các địa bàn hoạt động:

- Ưu tiên nguồn lực tại chỗ: Tập trung tuyển dụng con em cán bộ công nhân viên (CBCNV) và người đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn các đơn vị đóng chân.
- Đảm bảo tính đa dạng và bình đẳng: Số lượng lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số đạt 1.073 người, chiếm tỷ lệ trên 42% tổng nhân sự toàn Công ty.

2 Chính sách đào tạo và phát triển: Nâng cao năng lực thích ứng kỷ nguyên số

Công tác đào tạo được thực hiện theo kế hoạch bài bản hàng năm nhằm chuẩn bị đội ngũ sẵn sàng cho việc ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi số. Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức đào tạo cho 502 lượt người lao động, bao gồm các lĩnh vực trọng yếu: Giám đốc điều hành (CEO), quản trị công ty, tập huấn ứng dụng AI, Chat GPT, Gemini trong doanh nghiệp, nâng cao năng lực Quản lý cấp Tổ đội, lớp nhận thức và đào tạo chuyên giao đánh giá ISO, nhận thức tín chỉ carbon, kiểm nghiệm viên kiểm kiệm…

3 Chính sách đãi ngộ và phúc lợi

Hệ thống phúc lợi tại Công ty được xây dựng dựa trên sự quan tâm toàn diện đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động:

- Thu nhập: Thu nhập bình quân năm 2025 đạt 9,1 triệu đồng/người/tháng, tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước.
- Chăm sóc đời sống: Duy trì chế độ khám sức khỏe định kỳ, tổ chức tham quan du lịch và thực hiện chương trình xây dựng "Nhà mái ấm Công đoàn" và trao bò sinh sản cho các cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, duy trì Chương trình mỗi đơn vị gắn với một địa chỉ nhân đạo.
- Động lực làm việc: Áp dụng các chính sách khen thưởng, khích lệ kịp thời và xây dựng các cơ chế ưu tiên đối với lao động nữ nhằm tạo môi trường làm việc ổn định, lâu dài.

4 Chính sách an toàn và bảo hộ lao động

- Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) được duy trì nghiêm ngặt tại tất cả các khu vực sản xuất:
- Trang bị và Bảo hộ: Thực hiện xây dựng định mức và cấp phát đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho 100% công nhân trực tiếp sản xuất.
- Kiểm soát môi trường làm việc: Định kỳ thực hiện đo đạc các chỉ số môi trường lao động và kiểm tra ATVSLĐ nhằm chủ động phòng tránh các yếu tố nguy hiểm, có hại.
- Y tế nghề nghiệp: Tổ chức khám bệnh nghề nghiệp hàng năm, đảm bảo sức khỏe và sự an tâm cho người lao động trong quá trình vận hành sản xuất.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

STT	Đầu tư nông nghiệp	Khối lượng/ diện tích (cuối kỳ)	Giá trị đầu tư trong năm (đồng)	Giá trị đầu tư lũy kế (đồng)	Suất đầu tư (đồng/ha)
I	**Vườn cây cao su**	**3.999,94**	**104.369.598.764**	**641.851.274.534**	
1	Vườn cây trồng năm 2015				Đã tăng tài sản
2	Vườn cây trồng năm 2016	410,07	7.961.035.610	101.347.213.928	247.146.131
3	Vườn cây trồng năm 2017	678,58	13.281.642.954	151.610.279.646	223.422.853
4	Vườn cây trồng năm 2018	555,29	9.019.616.485	99.365.556.417	178.943.537
5	Vườn cây trồng năm 2019	465,83	8.303.137.583	77.524.064.194	166.421.364
6	Vườn cây trồng năm 2020	560,81	10.666.004.969	89.063.698.919	158.812.608
7	Vườn cây trồng năm 2021	416,2	7.952.359.512	60.516.009.083	145.401.271
8	Vườn cây trồng năm 2022	121,57	2.615.511.794	16.076.607.492	132.241.569
9	Vườn cây trồng năm 2024	27,8	668.257.346	2.001.221.849	71.986.397
10	Vườn cây trồng năm 2025	763,79	28.515.314.017	28.487.027.017	37.296.936
11	Cây cau trồng năm 2025		581.865.653	581.865.653	
12	Vườn cà phê trồng xen cao su năm 2025	242,23	14.172.540.062	14.172.540.062	Trồng xen trong vườn cao su trồng năm 2025
13	Vườn cây lâm nghiệp năm 2023 FSC		39.830.983	305.112.645	
14	Vườn cây lâm nghiệp năm 2024 FSC		43.020.999	250.616.832	
15	Vườn cây lâm nghiệp năm 2025 FSC		549.460.797	549.460.797	
II	**NT Cư Bao (nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**	**61,78**	**5.350.698.437**	**6.481.222.483**	**-**
1	Vườn sầu riêng trồng năm 2024	11,73	610.907.561	1.741.431.607	
2	Vườn sầu riêng trồng năm 2025	50,05	3.467.724.235	3.467.724.235	
3	Vườn cà phê trồng xen sầu riêng năm 2025		1.272.066.641	1.272.066.641	Trồng xen trong vườn sầu riêng trồng năm 2024
	Tổng cộng	**4.061,72**	**109.720.297.201**	**648.332.497.017**	

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN

DỰ ÁN CAO SU TẠI CAMPUCHIA

Công ty TNHH PTCS Đắk Lắk - Mondolkiri (Dakmoruco) là Công ty con của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk. Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Busara, huyện Pech Chreada, tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia.

Dự án cao su tại Campuchia có tổng diện tích vườn cây cao su là 1.626,53 ha, gồm 4 đội sản xuất, 1 văn phòng làm việc của dự án, trên 400 lao động là người dân Campuchia. Sản lượng mủ khai thác hàng năm trên 3.000 tấn.

Năm 2025, Kết quả sản xuất kinh doanh đạt và vượt kế hoạch, ước thực hiện như sau:

- Sản lượng mủ cao su khai thác ước đạt 3.335 tấn/3.000 tấn, đạt 111,2%.
- Doanh thu đạt 21,24 tỷ Riel (tương đương 140,19 tỷ đồng)/19,88 tỷ Riel (tương đương 121,62 tỷ đồng), đạt 115,3%KH.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 4,77 tỷ Riel (tương đương 31,5 tỷ đồng)/4,46 tỷ riel (tương đương 27,44 tỷ đồng), đạt 114,8%KH.
- Thu nhập bình quân của người lao động: Lao động gián tiếp: 3,3 triệu riel/kế hoạch 3,05 triệu riel, tỉ lệ 108%; Lao động trực tiếp: 1,67 triệu riel/kế hoạch 1,66 triệu riel, tỉ lệ 101%KH; Chi phí hỗ trợ địa phương: 111,5 triệu riel.

DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TẠI NÔNG TRƯỜNG CƯ BAO

Công ty triển khai chăm sóc diện tích vườn cây trồng theo hướng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao với các sản phẩm như: chuối, dứa MD2, sầu riêng,… tại Nông trường Cư Bao, thuộc phường Cư Bao, tỉnh Đắk Lắk. Trong năm 2025, Nông trường Cư Bao triển khai trồng mới diện tích 50,05 ha sầu riêng và 11,73 ha cà phê. Các công đoạn chăm sóc trên vườn cây được Nông trường đã thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng thực hiện đảm bảo theo yêu cầu theo đặc thù theo các loại cây. Hiện nay, vườn cây sinh trưởng phát triển ổn định.

Sản lượng thu hoạch chuối trong năm 2025 đạt: 1.464.358 kg /KH 1.433.438 kg, đạt 102,16 % kế hoạch năm. Sản lượng dứa MD2 đạt 241.763/168.810 kg, đạt 143,22 % kế hoạch. Sản phẩm sầu riêng thực hiện trong năm 2025 đạt: 26.811 kg, đạt rất thấp so với kế hoạch.

DỰ ÁN TRỒNG CAO SU XEN CÀ PHÊ TẠI NÔNG TRƯỜNG CƯ M'GAR

Dự án trồng mới và chăm sóc cao su xen cà phê được triển khai từ năm 2025 với quy mô hơn 759 ha tại xã Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Tổng nguồn vốn đầu tư là gần 400 tỉ đồng. Dự án có phân kỳ đầu tư trồng mới trong vòng 3 năm (từ năm 2025 đến 2027), sau đó sẽ tiếp tục giai đoạn chăm sóc kiến thiết cơ bản.

Tổng vốn đầu tư của dự án trồng cao su xen cà phê tại CN Nông trường Cư M'Gar năm 2025 là: 55,1 tỷ đồng/kế hoạch 93,87 tỷ đồng. Trong năm 2025, dự án đã hoàn thành 100% kế hoạch trồng mới diện tích cao su và cà phê. Hiện nay, các vườn cây cao su và cà phê đang sinh trưởng, phát triển tốt. Đây là dự án mở ra hướng đi mới và hình thành các sản phẩm mới, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của DAKRUCO trong tương lai.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
CÔNG TY CON				
1	CTCP Cao su Daknoruco	Thôn Đắc Kim, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su	73,37%
2	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondolkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondolkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%
CÔNG TY LIÊN KẾT				
1	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	59 Cao Thắng, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chế biển	45,00%
2	CTCP Kỹ Thuật Cao su	Km 18, Thôn Đoản Kết, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; Sản xuất nước uống đóng chai; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.	28,79%
3	CTCP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Km19, Quốc lộ 14, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk	Khai thác gỗ; Chế biến các sản phẩm từ gỗ; Chế biến tinh chế đồ gỗ gia dụng.	45,13%
CÔNG TY ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC				
1	Quỹ tín dụng nhân dân cao su Đắk Lắk	68 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Đắk Lắk	Hoạt động tín dụng và các hoạt động ngân hàng khác	9,77%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2024	2025	% 2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	2.651.506	2.532.475	(4,49%)
2	Doanh thu thuần	1.186.770	851.693	(28,23%)
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	178.320	202.066	13,32%
4	Lợi nhuận khác	(20.715)	12.731	(161,46%)
5	Lợi nhuận trước thuế	157.605	214.797	36,29%
6	Lợi nhuận sau thuế	121.793	190.749	56,62%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	32,5%	-

Theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2024, 2025

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2024	2025
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,81	1,36
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,45	0,89
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,29	0,30
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,40	0,43
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,84	4,05
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,46	0,46
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	10,26	22,40
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,78	6,66
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	4,74	4,70
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	15,03	23,73

Theo số liệu BCTC kiểm toán hợp nhất 2024, 2025

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Bước sang năm 2025, Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (DRG) đã xác lập một nền tảng tài chính vững chắc thông qua việc cải thiện căn bản các chỉ số về năng lực thanh toán. Hệ số thanh toán ngắn hạn ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ từ 0,81 lần lên 1,36 lần, chính thức đưa Công ty vượt qua ngưỡng an toàn tài chính và hóa giải các áp lực về vốn lưu động từng tồn tại trong trong nhiều năm trước đây. Điểm sáng nổi bật còn nằm ở hệ số thanh toán nhanh khi chỉ số này tăng vọt từ 0,45 lần lên 0,89 lần, phản ánh khả năng ứng phó linh hoạt và tức thời của doanh nghiệp trước các nghĩa vụ nợ đến hạn bằng nguồn tài sản có tính thanh khoản cao. Việc duy trì và gia tăng tỷ trọng tiền mặt lên mức 229,8 tỷ đồng trong khi các khoản nợ ngắn hạn giảm sâu, là minh chứng rõ nét cho năng lực tạo dòng tiền nội tại khỏe mạnh của hệ thống.

Sự xoay chuyển cục diện thanh khoản của DRG trong năm 2025 bắt nguồn từ chiến lược tái cơ cấu nợ vay một cách quyết liệt và bài bản. Công ty đã thực hiện lộ trình cắt giảm nợ ngắn hạn từ 599 tỷ đồng xuống còn 301 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm gần 50%, đặc biệt là giảm thiểu tối đa các khoản vay tài chính ngắn hạn áp lực cao (giảm 86,4%). Việc chủ động dịch chuyển sang cơ cấu nợ dài hạn không chỉ giúp doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí tài chính mà còn tạo ra sự tương thích hoàn hảo giữa kỳ hạn nguồn vốn với chu kỳ sinh trưởng và khai thác đặc thù của ngành cao su. Những nỗ lực này đã củng cố niềm tin tuyệt đối cho các cổ đông và đối tác về một mô hình kinh doanh không chỉ tăng trưởng về quy mô mà còn sở hữu một hệ thống phòng vệ tài chính kiên cố, sẵn sàng nắm bắt các cơ hội đầu tư chiến lược và phát triển bền vững trong tương lai.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tại thời điểm ngày 31/12/2025, hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của DRG lần lượt đạt mức 0,30 lần và 0,43 lần, ghi nhận sự tăng nhẹ so với mức 0,29 lần và 0,40 lần của năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự thay đổi không đồng đều giữa các khoản mục trong quá trình tái cấu trúc nguồn vốn. Cụ thể, vốn chủ sở hữu của công ty giảm 6,48% (tương ứng giảm khoảng 122,6 tỷ đồng), trong khi tổng nợ phải trả lại có sự biến động trái chiều khi tăng nhẹ 0,47% (tăng khoảng 3,5 tỷ đồng). Mặc dù các hệ số nợ có xu hướng tăng, nhưng hiện tại DRG vẫn giữ được tính tự chủ tài chính cao và kiểm soát tốt rủi ro mặc định. Việc duy trì một cơ cấu tài chính lành mạnh và ổn định không chỉ giúp DRG giảm thiểu áp lực thanh khoản ngắn hạn mà còn tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi, mở ra dư địa lớn cho các kế hoạch phát triển vườn cây và dự án mới trong tương lai. Đây chính là yếu tố then chốt củng cố nền tảng cho sự ổn định và tăng trưởng bền vững của DRG trước những biến động của thị trường cao su toàn cầu năm 2026.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năng lực hoạt động của DRG trong năm 2025 phản ánh sự nỗ lực không ngừng của Ban điều hành trong việc duy trì hiệu suất khai thác tài sản giữa bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Vòng quay tổng tài sản được giữ ổn định ở mức 0,46 vòng, minh chứng cho việc quản trị tài sản dài hạn của Công ty đang đi đúng lộ trình, đảm bảo mỗi đồng vốn đầu tư vào hệ thống đều được vận động liên tục để tạo ra giá trị doanh thu tương xứng. Sự ổn định này là nền tảng quan trọng giúp Công ty duy trì sức mạnh cạnh tranh và đảm bảo dòng tiền kinh doanh ổn định.

Tuy nhiên, vòng quay hàng tồn kho ghi nhận sự điều chỉnh từ 4,84 vòng xuống còn 4,05 vòng. Sự chậm lại này không phản ánh sự yếu kém trong khâu tiêu thụ, mà ngược lại, thường là kết quả của chiến lược quản trị tồn kho chủ động nhằm đón đầu các thời điểm giá mủ cao su thế giới có biến động thuận lợi. Trong bối cảnh tiềm lực tài chính và thanh khoản đang ở giai đoạn sung mãn nhất, việc kéo dài chu kỳ tồn kho đôi chút là một lựa chọn quản trị linh hoạt, giúp Công ty tối ưu hóa biên lợi nhuận thay vì phải bán tháo sản phẩm ở những thời điểm giá thấp. Nhìn chung, năng lực hoạt động của DRG năm 2025 vẫn đảm bảo được tính nhịp nhàng và hiệu quả, tạo sự cộng hưởng cần thiết với cấu trúc vốn an toàn để thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững và bứt phá trong những chu kỳ kinh doanh kế tiếp.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, khả năng sinh lời của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (DRG) trong năm 2025 đã ghi nhận sự bứt phá ngoạn mục về biên lợi nhuận, thiết lập một nền tảng vận hành cực kỳ hiệu quả. Cụ thể, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS) đã tăng vọt từ 10,26% lên 22,40%, cùng với tỷ lệ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần tăng từ 15,03% lên 23,73%. Mặc dù các chỉ số hiệu suất như ROE (6,66%) và ROA (4,70%) có sự sụt giảm nhẹ so với năm 2024, nguyên nhân chủ yếu đến từ quá trình tái cấu trúc mạnh mẽ bảng cân đối kế toán. Việc doanh nghiệp chủ động giảm quy mô tổng tài sản (-4,49%) thông qua tất toán nợ ngắn hạn (-49,75%) và chuyển dịch sang nợ dài hạn để đầu tư tài chính (+1259%) đã tạo ra một bộ máy tài chính tinh gọn, sẵn sàng cho giai đoạn tăng trưởng mới.

Dưới tác động từ căng thẳng địa chính trị, bất ổn thương mại và sự phục hồi của ngành ô tô, thị trường cao su thiên nhiên trong năm 2026 được dự báo sẽ đối mặt với trạng thái đan xen giữa "dư địa tăng giá và biến động", tạo ra những ảnh hưởng đa chiều đối với Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (DRG). Ở khía cạnh tích cực, dư địa tăng giá từ nhu cầu lốp xe toàn cầu sẽ đóng vai trò là "đòn bẩy" giúp DRG khuếch đại biên lợi nhuận ròng (ROS) vốn đã ở mức cao (22,40%), tạo cơ hội đột phá về lợi nhuận tuyệt đối để cải thiện các chỉ số ROE và ROA. Tuy nhiên, trong điều kiện tiếp tục đầu tư cho vườn cao su kiến thiết cơ bản và trồng mới, chăm sóc cà phê và bối cảnh của sự biến động và bất ổn thương mại cũng đặt ra thách thức lớn trong việc quản trị rủi ro dòng tiền và chi phí tài chính, đặc biệt khi doanh nghiệp đang gánh khoản nợ dài hạn mới tăng mạnh. Điều này đòi hỏi khả năng thích ứng linh hoạt với các rào cản thương mại và việc duy trì một bảng cân đối kế toán tinh gọn sẽ là chìa khóa để DRG chuyển hóa những xung lực từ thị trường thế giới thành kết quả tăng trưởng bền vững cho năm tài chính 2026 và những năm tiếp theo.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

- Vốn điều lệ: **1.558.000.000.000 đồng**
- Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu**
- Loại cổ phiếu: **cổ phiếu phổ thông**

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: **155.800.000 cổ phiếu**
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **155.800.000 cổ phiếu**
- Số lượng cổ phiếu quỹ: **0 cổ phiếu**

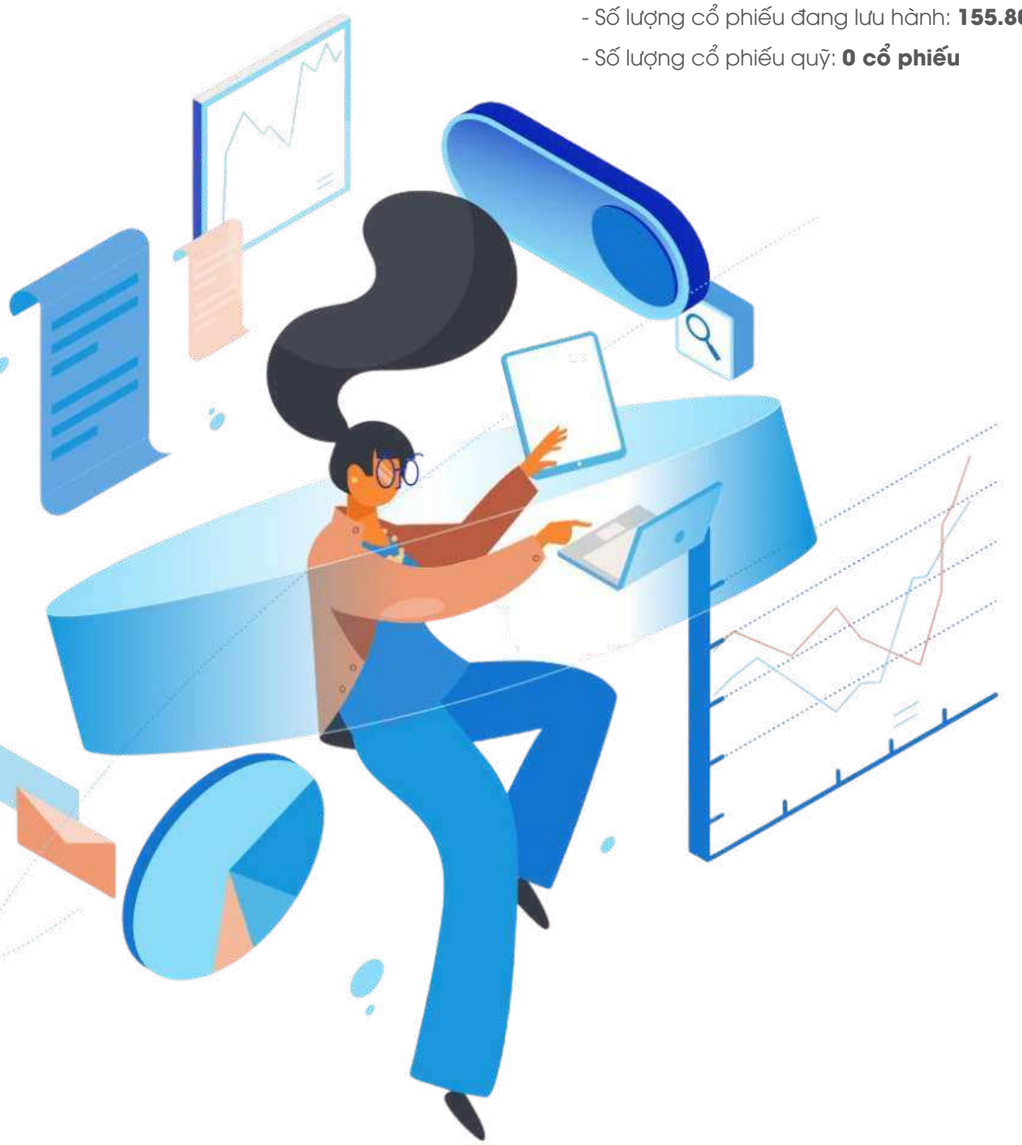

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành phần cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ
I	**Cổ đông trong nước**	**699**	**155.793.500**	**99,99%**
1	Tổ chức	1	154.141.600	98,94%
2	Cá nhân	698	1.651.900	1,06%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**5**	**6.500**	**0,0041%**
1	Tổ chức	-	0	-
2	Cá nhân	5	6.500	0,0041%
III	**Cổ phiếu quỹ**	**-**	**-**	**-**
	Tổng cộng	**704**	**155.800.000**	**100,00%**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

Căn cứ công văn số 5953/UBCK-PTTT ngày 06/09/2022 của UBCKNN về Hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty, tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa của DRG là 0%.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tính đến ngày 30/10/2025

Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	-	Số 09 Lê Duẩn, Tự An, TP.Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	154.141.600	98,94%
Tổng cộng			**154.141.600**	**98,94%**

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Công ty không thực hiện tăng vốn cổ phần.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2025, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Trong năm 2025, Công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Công ty định hướng phát triển theo mô hình tăng trưởng xanh và bền vững thông qua việc điều chỉnh quy trình canh tác, khai thác mủ cao su theo hướng giảm phát thải, kinh tế tuần hoàn và từng bước tham gia thị trường tín chỉ carbon. Đồng thời, doanh nghiệp chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, củng cố uy tín thương hiệu Dakruco, duy trì và mở rộng các chứng nhận FSC-FM/CoC cho mủ và gỗ cao su gắn với hoạt động xúc tiến thương mại. Song song đó, công ty triển khai chuyển đổi số giai đoạn 2025 - 2030, ứng dụng công nghệ và AI trong quản lý vườn cây, sản xuất, chế biến và nghiên cứu thị trường, từng bước tự động hóa dây chuyền, sử dụng nhiên liệu thay thế nhằm tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả vận hành và tạo lợi thế cạnh tranh dài hạn, đồng thời duy trì hiệu quả các hệ thống quản lý ISO và sẵn sàng đáp ứng quy định EUDR của Liên minh châu Âu.

Quản lý rừng bền vững

Duy trì hiệu quả Chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC-FM, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các tiêu chí về môi trường, kinh tế và xã hội, đồng thời chủ động sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của Quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR). Công ty triển khai các chương trình phục hồi hệ sinh thái rừng theo tiêu chuẩn FSC, mở rộng vùng đệm sinh thái, phát triển rừng phòng hộ nhằm bảo tồn đa dạng sinh học và thực hiện trồng tái canh trên toàn bộ diện tích cao su thanh lý. Song song đó, doanh nghiệp đang hoàn thiện hệ thống phần mềm truy xuất nguồn gốc để đáp ứng yêu cầu EUDR, qua đó nâng cao khả năng tiếp cận thị trường EU và thể hiện cam kết đối với quản lý rừng bền vững và bảo vệ môi trường toàn cầu.

Kiểm soát khí thải

Công ty hiện không thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm kê phát thải khí nhà kính theo Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg. Tuy nhiên, DRG vẫn thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về kiểm soát khí thải, duy trì hệ thống quan trắc tự động và áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đồng thời, công ty tổ chức kiểm tra định kỳ chất lượng môi trường làm việc và kịp thời khắc phục các tồn tại nhằm bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

Công ty đã có chủ trương thuê tư vấn kiểm kê, đánh giá khí nhà kính và triển khai các quy trình để giảm phát thải; đầu tư sử dụng năng lượng mặt trời... để giảm phát thải, hướng tới dán nhãn carbon thấp cho các dòng sản phẩm của Công ty.

Xử lý nước thải

Hiện nay, Công ty vận hành 02 hệ thống xử lý nước thải tại 02 nhà máy trực thuộc, bảo đảm nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn theo quy định pháp luật; trong đó Nhà máy Chế biến mủ được trang bị hệ thống quan trắc môi trường tự động. Ngoài ra, các điểm thu mủ trên vườn cây cao su đều được áp dụng biện pháp xử lý phù hợp, tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật.

Quản lý chất thải rắn

Công tác quản lý chất thải rắn tại Công ty và các đơn vị trực thuộc được thực hiện theo quy trình thống nhất, bao gồm phân loại, thu gom và chuyển giao định kỳ cho các đơn vị có đủ chức năng theo từng loại chất thải (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt…).

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

DRG luôn chú trọng bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tối ưu hóa việc sử dụng nguyên vật liệu và tiết kiệm năng lượng trong sản xuất. Công ty áp dụng các quy chuẩn môi trường nghiêm ngặt trong trồng rừng, khai thác và chế biến sản phẩm cao su, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu của cộng đồng địa phương.

TIÊU THỤ NƯỚC

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, DRG sử dụng nguồn nước từ nước ngầm và nước mặt; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp phép khai thác theo quy định pháp luật. Hiện nay, các đơn vị của Công ty được cấp phép khai thác gồm: Nhà máy chế biến cao su với 4 giếng đào, Nhà máy Chỉ thun 1 giếng khoan, Khách sạn Dakruco 1 giếng khoan và Nông trường Cư M'Gar 7 giếng đào. Nông trường Cư Bao và Đội 4 Nông trường Cư M'gar sử dụng nước hồ thủy lợi.

Nhận thức rõ vai trò của việc sử dụng tài nguyên nước bền vững, DRG triển khai nhiều biện pháp tiết kiệm và tái sử dụng nước trong sản xuất và sinh hoạt. Công ty áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm tại các nông trường, ưu tiên sử dụng nước giếng khoan, đồng thời đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải để tái sử dụng cho các công đoạn làm mát và tưới tiêu. Song song đó, DRG thường xuyên tuyên truyền, đào tạo nâng cao ý thức tiết kiệm nước cho người lao động.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tiết kiệm năng lượng được DRG xác định là nội dung trọng tâm trong chiến lược bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả sản xuất. Công ty chủ động đầu tư thiết bị tiết kiệm điện, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống kỹ thuật nhằm hạn chế thất thoát năng lượng, hướng tới mục tiêu giảm tối thiểu 5% mức tiêu thụ điện trong thời gian tới và từng bước nghiên cứu đầu tư hệ thống điện mặt trời tại Nhà máy Chế biến mủ cao su, Khách sạn và Văn phòng làm việc Công ty.

Trong quá trình sản xuất, DRG triển khai nhiều giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả như thay thế dầu DO bằng củi làm nhiên liệu sấy mủ, tận dụng khung giờ thấp điểm để sử dụng điện và nghiên cứu áp dụng công nghệ mới nhằm tối ưu hóa quy trình, giảm phát thải và chất thải. Song song đó, Công ty chú trọng sử dụng tiết kiệm tài nguyên, ưu tiên nguyên vật liệu có khả năng tái chế và tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường trong toàn bộ chuỗi hoạt động từ trồng, khai thác đến chế biến cao su, qua đó giảm thiểu tác động đến môi trường và đáp ứng yêu cầu của cộng đồng địa phương.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn coi việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành, phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý địa phương để bảo đảm các quy trình sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn môi trường. Đồng thời, DRG chủ động kiểm tra, giám sát môi trường, cập nhật quy trình quản lý và tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức cho người lao động. Hằng năm, Công ty thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định và duy trì kiểm soát nước thải, khí thải đúng quy chuẩn, không thuộc đối tượng phải kiểm kê phát thải khí nhà kính theo Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

DRG xác định chăm lo cho người lao động là vừa mục tiêu, vừa là động lực và là yếu tố then chốt, giữ vai trò trung tâm trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Trên cơ sở đó, DRG chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, ổn định và chuyên nghiệp, tạo điều kiện để người lao động phát huy năng lực, gắn bó lâu dài và phát triển cùng doanh nghiệp. Công ty triển khai các chính sách đào tạo bài bản, phù hợp với từng vị trí công việc, gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn sản xuất - kinh doanh và định hướng phát triển dài hạn.

Hằng năm, DRG xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức nhiều chương trình đào tạo chuyên môn, nâng cao nhận thức và kỹ năng quản lý cho người lao động.

Trong năm, Công ty đã triển khai 502 lượt đào tạo, bao gồm các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu, đào tạo quản lý, đào tạo về tiêu chuẩn ISO, tín chỉ carbon, ứng dụng công nghệ mới và các chương trình cập nhật chính sách pháp luật liên quan đến kế toán, thuế, lao động và bảo hiểm. Bên cạnh đào tạo nội bộ, DRG tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên tham gia các chương trình đào tạo dài hạn, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng mềm và năng lực quản lý, qua đó từng bước hình thành đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Song song với công tác đào tạo, DRG thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, nâng lương và chuyển xếp lương. Công tác thi đua, khen thưởng được quan tâm triển khai thường xuyên nhằm ghi nhận, động viên và khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, hiệu quả công việc. Công ty cũng chú trọng xây dựng chính sách tiền lương, thưởng và phúc lợi hợp lý, gắn với kết quả sản xuất - kinh doanh, qua đó cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Bên cạnh đó, DRG đặc biệt quan tâm đến công tác an toàn, vệ sinh lao động thông qua việc xây dựng định mức và kế hoạch trang cấp bảo hộ lao động đầy đủ, tổ chức đo đạc môi trường lao động, kiểm tra điều kiện làm việc và khám sức khỏe, bệnh nghề nghiệp định kỳ hằng năm. Công ty duy trì mối quan hệ lao động hài hòa, có cơ chế đối thoại và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn đặt trọng tâm vào việc thực hiện trách nhiệm xã hội và đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương. Thông qua việc chủ động triển khai nhiều chương trình hỗ trợ cộng đồng, Công ty không chỉ tạo thêm việc làm, cải thiện thu nhập cho người dân mà còn tăng cường liên kết, hợp tác với các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khu vực theo hướng ổn định, lâu dài.

DRG duy trì thường xuyên các hoạt động an sinh, từ thiện nhằm hỗ trợ các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, đồng thời triển khai các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Với định hướng xây dựng cộng đồng phát triển hài hòa và toàn diện, Công ty không ngừng thực hiện các sáng kiến xã hội thiết thực, qua đó góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân địa phương. Tích cực ủng hộ địa phương khắc phục khó khăn khi có thiên tai; hỗ trợ các buôn, đồn biên phòng kết nghĩa... Tổng kinh phí thực hiện năm 2025 trên 2,12 tỷ đồng, chưa bao gồm 425,7 triệu đồng huy động cán bộ công nhân viên ủng hộ đồng bào bị bão lụt.

DRG cũng tích cực tham gia các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển chung của khu vực. Công ty tiếp tục mở rộng cơ hội việc làm, góp phần giảm thất nghiệp và nâng cao đời sống người lao động, đồng thời sẵn sàng đồng hành cùng chính quyền trong việc đầu tư, xây dựng và nâng cấp các công trình hạ tầng, phục vụ nhu cầu sinh hoạt và phát triển của cộng đồng dân cư.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại, DRG chưa có hoạt động chính thức trong lĩnh vực thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty luôn chủ động cập nhật, nghiên cứu các xu hướng tài chính xanh, tài chính bền vững và theo dõi sát sao các hướng dẫn, khung pháp lý liên quan do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành để sẵn sàng tham gia khiskhi phát triển các dự án xanh như: điện năng lượng mặt trời; chế biến cà phê chất lượng cao. Đồng thời, Việc DAKRUCO tìm hiểu về thị trường vốn xanh quốc tế không chỉ thể hiện nỗ lực tuân thủ các cam kết phát triển bền vững mà còn là chiến lược kinh doanh thông minh nhằm chuyển đổi sản xuất bền vững, tối ưu hóa nguồn vốn và tăng cường giá trị thương hiệu giúp dễ dàng thâm nhập vào các thị trường khó tính như EU, nơi các quy định về EU Green Deal đang ngày càng nghiêm ngặt.

CHƯƠNG

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

62 Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

72 Tình hình tài chính

76 Cải tiến về chính sách, cơ cấu tổ chức và quản lý

77 Kế hoạch phát triển trong tương lai

80 Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

80 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY SO VỚI KẾ HOẠCH/DỰ TÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRƯỚC ĐÂY

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI

Công nghệ

Công nghệ trong tương lai sẽ được định hình bởi Trí tuệ Nhân tạo (AI), với các xu hướng như AI tạo sinh và AI thích ứng, cùng với sự phát triển của Metaverse, công nghệ sinh học (Bioengineering), điện toán lượng tử và các giải pháp năng lượng mới. Các công nghệ này sẽ làm thay đổi cách chúng ta sống, làm việc và tương tác, mang lại hiệu suất cao hơn, trải nghiệm cá nhân hóa và những giải pháp bền vững, nhưng cũng đặt ra thách thức về cân bằng và an ninh.

Kinh tế thương mại

Kinh tế thương mại thế giới trong tương lai sẽ chứng kiến sự phục hồi chậm rãi, thiếu tính ổn định, sau những biến động gần đây, với xu hướng dịch chuyển sang khu vực hóa và tái cấu trúc chuỗi cung ứng do tác động của hậu đại dịch COVID-19; chính sách thuế quan của Mỹ và các xung đột địa chính trị. Sự gia tăng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cũng sẽ cách mạng hóa các doanh nghiệp và thương mại, trong khi các thách thức về bất bình đẳng, lạm phát và nợ công vẫn tồn tại, đặc biệt ở các nền kinh tế nghèo hơn. Tình trạng áp dụng các rào cản thuế quan và phi thuế quan tại một số thị trường lớn cũng là thách thức cho các doanh nghiệp xuất khẩu như Dakruco.

Khí hậu và y tế

Rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt, với tần suất và cường độ ngày càng cao hơn, tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp và đời sống xã hội, đòi hỏi các quốc gia và doanh nghiệp đầu tư lớn hơn vào hạ tầng, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nguy cơ dịch bệnh trên người vẫn tồn tại nhưng khả năng phản ứng đã cải thiện. Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường.

TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC

Hội nhập và cạnh tranh doanh nghiệp

- ***Hội nhập:*** Việt Nam tiếp tục tham gia vào nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, tạo cơ hội cho doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu và tiếp cận công nghệ hiện đại; Sự hội nhập sẽ thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao, chế biến và dịch vụ, giúp nâng cao năng lực sản xuất và đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp nội địa; Doanh nghiệp sẽ có cơ hội hợp tác với các đối tác quốc tế để phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- ***Cạnh tranh:*** Sự gia tăng số lượng doanh nghiệp trong nước sẽ dẫn đến sự cạnh tranh mạnh mẽ hơn giữa các doanh nghiệp nội địa, yêu cầu họ phải cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ; Doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các công ty nước ngoài không chỉ trong lĩnh vực xuất khẩu mà còn trong thị trường nội địa, đặc biệt là khi các rào cản thương mại giảm đi, do thực hiện các Hiệp định thương mại thế hệ mới; Mặt khác các hàng rào phi thuế quan của các nước sẽ là rào cản lớn cho doanh nghiệp Việt nam, nếu như không thích ứng kịp thời. Để duy trì sức cạnh tranh, doanh nghiệp cần đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, cải tiến quy trình sản xuất và áp dụng công nghệ mới, phát triển theo hướng xanh, tuần hoàn, giảm phát thải và bền vững.

Nông nghiệp

Năm 2025, nông nghiệp Việt Nam tiếp tục phát triển mạnh mẽ và có những bước chuyển mình quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế. Các chính sách hỗ trợ được tiếp tục triển khai (huy động vốn, thuế, cơ chế, hợp tác liên kết, chuyển giao công nghệ), thì lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao sẽ mở rộng và đặc biệt ở các vùng có quỹ đất lớn như Dakruco. Tuy nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro dịch hại, bệnh cây vẫn là yếu tố then chốt. IPCC (Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu) khuyến cáo mạnh về đầu tư thích ứng đất canh tác.

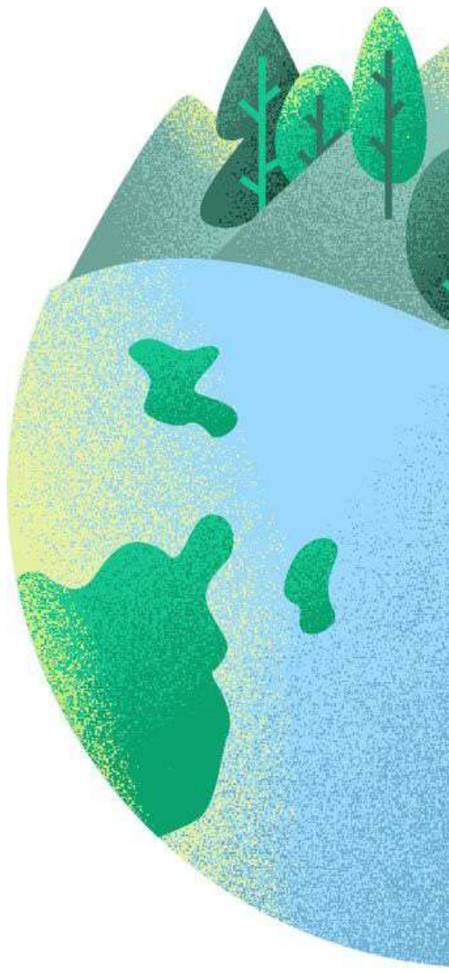

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY SO VỚI KẾ HOẠCH/DỰ TÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRƯỚC ĐÂY

TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY

Về lĩnh vực sản xuất

Dakruco đã thực hiện tốt việc quản lý, chăm sóc, đặc biệt đối với các vườn trồng mới, kiến thiết cơ bản; đưa những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong quá trình khai thác, chế biến. Kiểm tra chặt chẽ các quy trình, quy phạm trong sản xuất, vận chuyển, chế biến, kiểm phẩm... đã giảm thiểu những rủi ro trong quá trình sản xuất, tăng năng suất và hạ giá thành sản phẩm.

Về lĩnh vực tài chính

Tài chính của Dakruco đã lành mạnh trở lại, dòng tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cải thiện. Tuy nhiên, trong năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030, Công ty phải đầu tư nhiều hạng mục mang tính cốt lõi, giá trị đầu tư lớn, do đó việc quản lý và sử dụng vốn phải được kiểm soát chặt chẽ, không sử dụng nguồn ngắn hạn để đầu tư dài hạn làm ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Công ty. Để đảm bảo tài chính của Công ty tiếp tục lành mạnh.

Vườn cây

Vườn cây của Công ty cơ bản đã được đầu tư hoàn chỉnh, vốn vay đầu tư thấp, diện tích vườn cây kinh doanh ngày một tăng; đa dạng hóa sản phẩm; tái cơ cấu Công ty đã thực hiện cơ bản, rõ nét ..., sẽ là những yếu tố giảm rủi ro lớn cho Công ty.

THUẬN LỢI

Trong năm vừa qua, Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk đã ghi nhận nhiều yếu tố thuận lợi hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trước hết, giá bán cao su có xu hướng phục hồi rõ rệt, với giá bán bình quân năm 2025 đạt khoảng 48,25 triệu đồng/tấn, tăng 8,4% so với năm 2024. Diễn biến tích cực của thị trường cao su đã góp phần cải thiện doanh thu và nâng cao hiệu quả kinh doanh cốt lõi của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty đã chủ động thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư, qua đó gia tăng đáng kể doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động tài chính. Việc thoái 11.597.500 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI) mang về 179,15 tỷ đồng, trong đó phần lãi chênh lệch đạt 62,21 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty cũng thoái 360.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Cao su Thái Dương, thu về 8,9 tỷ đồng, với lợi nhuận chênh lệch 3,21 tỷ đồng. Các giao dịch này không chỉ cải thiện dòng tiền mà còn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Ngoài ra, hoạt động sản xuất tiếp tục được mở rộng và đi vào chiều sâu khi trong năm Công ty đưa thêm 482,16 ha cao su vào khai thác, qua đó gia tăng hơn 364 tấn mủ nguyên liệu phục vụ sản xuất và chế biến. Việc mở rộng diện tích khai thác giúp đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, tạo nền tảng cho tăng trưởng sản lượng và hiệu quả sản xuất trong các năm tiếp theo.

KHÓ KHĂN

Trong năm qua, Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk cũng phải đối mặt với một số khó khăn, thách thức đáng kể. Điều kiện thời tiết diễn biến bất thường, mưa bão xảy ra với tần suất cao đã ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ khai thác mủ cao su, làm gián đoạn hoạt động sản xuất tại nhiều thời điểm, đồng thời gia tăng chi phí tổ chức sản xuất và bảo quản vườn cây.

Bên cạnh đó, mặc dù giá mủ cao su bình quân năm 2025 cao hơn so với năm 2024, song diễn biến giá không ổn định, biến động mạnh theo từng thời kỳ. Sự thiếu ổn định này đã gây khó khăn cho công tác lập kế hoạch sản xuất - kinh doanh, cũng như ảnh hưởng đến khả năng tối ưu hóa doanh thu và hiệu quả khai thác của Công ty. Vườn sầu riêng bị thất thu, do yếu tố thời tiết và bệnh cây.

Những yếu tố trên đã tạo áp lực không nhỏ đối với hoạt động sản xuất và quản trị, đòi hỏi Công ty phải chủ động, linh hoạt hơn trong điều hành để hạn chế tác động bất lợi và duy trì hiệu quả hoạt động.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

1 Công tác sản xuất

TT	Nội dung	Kế hoạch (Tấn)	Thực hiện (Tấn)	%TH/KH
I	**Sản lượng khai thác và mua vào**			
A	**Mủ cao su**	**7.648,4**	**8.571,9**	**112,07%**
1	Cao su khai thác	5.553,497	5.711,626	102,85%
2	Cao su liên kết	94,930	229,328	241,58%
3	Cao su mua ngoài	2.000,000	2.630,934	131,55%
B	**Sợi chỉ thun**	**2.600,0**	**1.685,8**	**64,84%**
C	**Sản phẩm trái cây**	**2.108,7**	**1.665,98**	**79,01%**
II	**Sản lượng tiêu thụ**			
A	**Mủ cao su thành phẩm**	**7.526,0**	**8.465,5**	**112,48%**
B	**Sợi chỉ thun cao su**	**2.500,0**	**1.697,9**	**67,92%**
C	**Sản phẩm trái cây**	**2.108,7**	**1.732,2**	**79,51%**
1	Sản lượng chuối tươi	1.600,0	1.408,1	88,01%
2	Sản lượng sầu riêng	284,2	26,8	9,44%
3	Sản lượng dứa	168,8	241,8	143,22%
4	Sản lượng cau	55,7	55,7	100%

2 Công tác tài chính

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (Triệu đồng)	Thực hiện (Triệu đồng)	%TH/KH
I	**Tổng doanh thu**	**697.545**	**715.483**	**102,57%**
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	569.867	608.568	106,79%
-	Doanh thu bán mủ cao su thành phẩm	320.394	410.009	127,97%
-	Doanh thu bán cao su sợi chỉ thun	158.302	120.790	76,30%
-	Doanh thu bán trái cây	33.589	19.479	57,99%
	+ Doanh thu Chuối	*17.254*	*16.593*	*96,17%*
	+ Doanh thu Sầu riêng	*14.208*	*347*	*2,44%*
	+ Doanh thu Dứa	*1.013*	*1.529*	*150,99%*
	+ Doanh thu Cau	*1.115*	*1.009*	*90,53%*
-	Doanh thu DV khách sạn	23.711	21.361	90,09%
-	Doanh thu từ các HĐ trồng xen canh	29.580	32.428	109,63%
-	Doanh thu hoạt động khác	4.290	4.501	104,92%
2	Doanh thu tài chính	124.715	88.846	71,24%
3	Thu nhập khác (Thu nhập ròng trước thuế)	2.963	18.068	609,86%
II	**Tổng chi phí**	**613.831**	**621.433**	**101,24%**
1	Chi phí SX và kinh doanh cao su	351.574	404.675	115,10%
2	Chi phí SX cao su sợi chỉ thun	160.302	131.572	82,08%
3	Chi phí kinh doanh mảng trái cây	33.401	24.808	74,27%
4	Chi phí kinh doanh khách sạn	28.211	24.284	86,08%
5	Chi phí phân bổ cho các hoạt động khác PS doanh thu	37.595	32.704	86,99%
6	Trích 10% chi phí trồng xen cho các Chi nhánh và văn phòng công ty	2.747	3.390	123,40%
III	**Lợi nhuận trước thuế**	**80.227**	**89.001**	**110,94%**
1	Lợi nhuận từ kinh doanh chính	86.539	27.683	31,99%
2	Lợi nhuận tài chính + thu nhập khác		79.899	
3	Lợi nhuận từ kinh doanh chỉ thun	(2.000)	(10.407)	520,36%
4	Lợi nhuận từ kinh doanh khách sạn	(4.500)	(2.845)	63,21%
5	Lợi nhuận từ kinh doanh trái cây	188	(5.330)	(2.838,24%)

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

3 Công tác quản lý chất lượng môi trường

Năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì tốt Hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, Phòng kiểm phẩm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017, Chứng nhận sản phẩm Cao su Việt Nam, Chứng chỉ FSC/FM-Coc cho sản phẩm gỗ mủ cao su, tiếp cận thị trường tín chỉ carbon; sẵn sàng đáp ứng các quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR).

4 Công tác triển khai chương trình phát triển cao su bền vững

Trong năm 2025, DRG tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong năm 2024, duy trì hiệu quả Hệ thống quản lý rừng cao su bền vững đã được cấp Chứng nhận FSC-FM/CoC. Tập trung củng cố công tác quản lý, giám sát và tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí FSC trong toàn bộ hoạt động canh tác, khai thác và chế biến mủ cao su, đồng thời từng bước mở rộng diện tích áp dụng tiêu chuẩn FSC-FM nhằm đáp ứng xu hướng tăng trưởng xanh và yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

5 Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục đầu tư trồng, chăm sóc vườn cao su tái canh; đầu tư 240 ha cà phê xen canh trên vườn cao su, với hệ thống điện, tưới nước nhỏ giọt hiện đại. Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược tối ưu hóa nguồn lực, tập trung vào các hạng mục thiết yếu nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất và nâng cao chất lượng vận hành. Thành lập Công ty kiểm định và xuất khẩu trái cây; xúc tiến thủ tục xây dựng nhà máy chế biến trái cây; hợp tác triển khai nhà máy chế biến cà phê chất lượng cao nhằm định hình nền nông nghiệp xanh, tuần hoàn và bền vững.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TẠI CÁC CHI NHÁNH VÀ CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	%2025/2024
1	Tổng tài sản	729.069	952.535	130,65%
2	Doanh thu thuần	471.071	684.335	145,27%
3	Giá vốn hàng bán	281.492	421.951	149,90%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	23.205	23.316	100,48%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	71.693	92.752	129,37%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	141.091	192.947	136,75%
7	Lợi nhuận khác	(1.414)	(1.814)	128,30%
8	Lợi nhuận trước thuế	139.676	191.133	136,84%
9	Lợi nhuận sau thuế	110.402	159.667	144,62%

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU DAKNORUCO

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	%2025/2024
1	Tổng tài sản	76.742	82.238	107,16%
2	Doanh thu thuần	30.460	25.388	83,35%
3	Giá vốn hàng bán	27.723	20.382	73,52%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	17	22	127,28%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	1.273	2.056	161,51%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.481	2.972	200,67%
7	Lợi nhuận khác	559	547	97,89%
8	Lợi nhuận trước thuế	2.040	3.519	172,51%
9	Lợi nhuận sau thuế	1.973	2.776	140,70%

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CAO SU ĐẮK LẮK MONDULKIRI

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	%2025/2024
1	Tổng tài sản	450.356	480.052	106,59%
2	Doanh thu thuần	127.148	140.491	110,49%
3	Giá vốn hàng bán	98.813	109.170	110,48%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	735	2.331	317,20%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	348	673	193,35%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.721,6	32.980	114,83%
7	Lợi nhuận khác	3,7	(409)	(11.049,51%)
8	Lợi nhuận trước thuế	28.725	32.571	113,39%
9	Lợi nhuận sau thuế	22.038	32.571	147,80%

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CAO SU

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	%2025/2024
1	Tổng tài sản	29.558	29.544	99,95%
2	Doanh thu thuần	18.701	13.666	73,08%
3	Giá vốn hàng bán	13.705	9.416	68,70%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	50	89	178,42%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	2.738	1.996	72,92%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.607	2.343	89,88%
7	Lợi nhuận khác	(84)	(101)	119,65%
8	Lợi nhuận trước thuế	2.524	2.243	88,85%
9	Lợi nhuận sau thuế	2.002	1.817	90,74%

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN GỖ CAO SU ĐẮK LẮK

Công ty Cổ phần chế biến gỗ cao su Đắk Lắk đã dừng hoạt động từ 07/2017. Hiện nay đang tiến hành thủ tục giải thể công ty theo quy định của pháp luật.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% Tăng/giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	**484.191**	**18,26%**	**409.788**	**16,18%**	**(74.403)**	**(15,37%)**
Tiền và các khoản tương đương tiền	215.390	44,48%	229.863	56,09%	14.473	6,72%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.111	4,36%	11.203	2,73%	(9.908)	(46,93%)
Các khoản phải thu ngắn hạn	25.135	5,19%	24.680	6,02%	(456)	(1,81%)
Hàng tồn kho	212.438	43,87%	141.533	34,54%	(70.905)	(33,38%)
Tài sản ngắn hạn khác	10.116	2,09%	2.509	0,61%	(7.608)	(75,20%)
Tài sản dài hạn	**2.167.315**	**81,74%**	**2.122.687**	**83,82%**	**(44.627)**	**(2,06%)**
Các khoản phải thu dài hạn	5.299	0,24%	4.975	0,23%	(324)	(6,11%)
Tài sản cố định	1.395.978	64,41%	1.080.017	50,88%	(315.961)	(22,63%)
Tài sản dở dang dài hạn	718.043	33,13%	693.002	32,65%	(25.042)	(3,49%)
Đầu tư tài chính dài hạn	24.344	1,12%	331.023	15,59%	306.679	1259,80%
Tài sản dài hạn khác	23.651	1,09%	13.671	0,64%	(9.980)	(42,20%)
Tổng tài sản	**2.651.506**	**100,00%**	**2.532.475**	**100,00%**	**(119.031)**	**(4,49%)**

Theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2025

Trong năm 2025, tổng tài sản của DRG đạt 2.532,5 tỷ đồng, giảm nhẹ 4,49% so với năm 2024. Cơ cấu tài sản tiếp tục duy trì sự ổn định với tỷ trọng lớn từ tài sản dài hạn (83,82%), trong khi tài sản ngắn hạn chiếm 16,18%. Việc chủ động thu hẹp các danh mục kém hiệu quả kết hợp với việc cắt giảm nợ phải trả đã củng cố nền tảng tài chính lành mạnh, tạo vị thế chủ động cho doanh nghiệp trước những biến động thị trường trong năm 2026.

Tài sản ngắn hạn

Tài sản ngắn hạn của DRG trong kỳ giảm mạnh 15,37%, từ 484,2 tỷ đồng xuống còn 409,8 tỷ đồng. Nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm này là do doanh nghiệp đã tối ưu hóa hàng tồn kho cực kỳ hiệu quả, giảm mạnh 33,38% (tương đương giảm gần 71 tỷ đồng) so với năm 2024. Điểm sáng trong cấu phần này là khoản tiền và các khoản tương đương tiền tăng thêm 6,72%, đạt gần 230 tỷ đồng, chiếm hơn 56% tổng tài sản ngắn hạn. Việc tăng cường dự trữ tiền mặt trong khi cắt giảm hàng tồn kho và các khoản phải thu cho thấy DRG đang ưu tiên tính thanh khoản cao, giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và nắm bắt các cơ hội kinh doanh tức thời.

Tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng chi phối trong cấu trúc tài sản của DRG, đạt 2.122,7 tỷ đồng vào cuối năm 2025. Mặc dù giá trị tài sản cố định giảm mạnh 22,63% (giảm hơn 315 tỷ đồng), doanh nghiệp lại cho thấy sự dịch chuyển vốn mạnh mẽ sang các kênh đầu tư chiến lược. Đáng chú ý nhất là khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng đột biến 1259,8%, đạt mức 331 tỷ đồng. Bên cạnh đó, giá trị tài sản dở dang dài hạn (chủ yếu là vườn cây kiến thiết cơ bản) vẫn duy trì ở mức cao với 693 tỷ đồng, chiếm hơn 32% tài sản dài hạn. Đây chính là nguồn lực dự trữ chiến lược, hứa hẹn sẽ mang lại nguồn thu sản lượng lớn khi các vườn cây này chính thức đi vào khai thác, đóng góp trực tiếp vào việc cải thiện hiệu suất ROA.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% Tăng/giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Nợ ngắn hạn	**599.345**	**78,76%**	**301.166**	**39,39%**	**(298.179)**	**(49,75%)**
Phải trả người bán ngắn hạn	23.701	3,95%	44.721	14,85%	21.020	88,69%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	42.753	7,13%	15.401	5,11%	(27.352)	(63,98%)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	108.365	18,08%	31.174	10,35%	(77.191)	(71,23%)
Phải trả người lao động	82.820	13,82%	81.999	27,23%	(821)	(0,99%)
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.711	0,95%	7.302	2,42%	1.592	27,87%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20.966	3,50%	29.184	9,69%	8.218	39,20%
Phải trả ngắn hạn khác	93.629	15,62%	30.163	10,02%	(63.466)	(67,78%)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	173.936	29,02%	23.656	7,85%	(150.280)	(86,40%)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	47.464	7,92%	37.564	12,47%	(9.900)	(20,86%)
Nợ dài hạn	**161.646**	**21,24%**	**463.386**	**60,61%**	**301.740**	**186,67%**
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	362	0,22%	352	0,08%	(11)	(2,94%)
Phải trả dài hạn khác	86.799	53,70%	78.106	16,86%	(8.693)	(10,02%)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	73.227	45,30%	380.871	82,19%	307.644	420,12%
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	1.258	1,45%	4.058	0,88%	2.800	222,58%
Tổng nợ phải trả	**760.991**	**100%**	**764.551**	**100,00%**	**3.561**	**0,47%**

Theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2025

Tại ngày 31/12/2025, tổng nợ phải trả của DRG đạt 764,5 tỷ đồng, chỉ tăng nhẹ 0,47% (tương đương 3,5 tỷ đồng) so với đầu kỳ. Doanh nghiệp đã thực hiện dịch chuyển mạnh mẽ cơ cấu nợ từ ngắn hạn sang dài hạn, giúp giảm bớt áp lực thanh toán tức thời và tạo nguồn vốn ổn định cho các dự án dài hơi. Việc kiểm soát tốt tổng nợ trong bối cảnh đầu tư tài chính tăng mạnh cho thấy năng lực quản trị nguồn vốn thận trọng, giúp DRG duy trì hệ số nợ trên tổng tài sản ở mức an toàn (0,30 lần), củng cố nền tảng tài chính vững chắc cho giai đoạn 2026.

Nợ ngắn hạn

Nợ ngắn hạn ghi nhận sự sụt giảm đột phá khi giảm tới 49,75%, từ mức 599,3 tỷ đồng xuống còn 301,1 tỷ đồng. Đây là kết quả của việc quyết liệt tất toán các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (giảm mạnh 86,40%, tương ứng giảm hơn 150 tỷ đồng) cùng với việc hoàn thành các nghĩa vụ thuế với Nhà nước (giảm 71,23%). Tỷ trọng nợ ngắn hạn trong tổng nợ đã giảm từ gần 79% xuống còn dưới 40%. Diễn biến này không chỉ giúp DRG giải tỏa áp lực dòng tiền trong ngắn hạn mà còn nâng cao đáng kể chỉ số thanh toán hiện hành, tạo ra sự linh hoạt tối đa trong việc điều phối vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Nợ dài hạn

Trái ngược với nợ ngắn hạn, nợ dài hạn của DRG tăng mạnh 186,67%, đạt mức 463,3 tỷ đồng và chiếm hơn 60% tổng nợ phải trả. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc gia tăng khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tăng 420,12%, tương đương tăng hơn 307 tỷ đồng). Sự chuyển dịch này là một bước đi chiến lược nhằm khớp nối kỳ hạn của nguồn vốn với bản chất của tài sản (vườn cây cao su và các khoản đầu tư tài chính dài hạn vốn có thời gian thu hồi vốn lâu). Mặc dù nợ dài hạn tăng cao, nhưng với biên lợi nhuận ròng (ROS) đang ở mức lý tưởng 22,40%, DRG hoàn toàn có khả năng kiểm soát tốt chi phí lãi vay và tận dụng hiệu quả đòn bẩy này để thúc đẩy các mục tiêu tăng trưởng dài hạn.

CẢI TIẾN VỀ CHÍNH SÁCH, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Năm 2025, DRG tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức ổn định, đồng thời chủ động rà soát và điều chỉnh nhân sự phù hợp với yêu cầu thực tiễn, qua đó củng cố và hoàn thiện bộ máy quản lý, điều hành. Công ty tập trung hoàn thiện cơ chế quản trị, nâng cao hiệu quả quản lý và năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh hoạt động tiếp thị và xây dựng thương hiệu đối với các sản phẩm chủ lực, đặc biệt là mủ cao su đạt chứng nhận FSC-FM/CoC phục vụ thị trường xuất khẩu. Ngoài ra, DRG tiếp tục hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc nhằm đáp ứng đầy đủ các quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR), qua đó mở rộng cơ hội tiếp cận các thị trường quốc tế có yêu cầu cao về tiêu chuẩn bền vững.

Bên cạnh đó, DRG triển khai ứng dụng phần mềm vào công tác quản lý sản lượng, vườn cây và nhân sự, giúp công tác quản lý trở nên thuận tiện và minh bạch hơn. Hệ thống phần mềm cho phép cập nhật kịp thời biến động sản lượng khai thác mủ hàng ngày, hỗ trợ truy xuất thông tin nhanh chóng, giảm tải khối lượng theo dõi và nhập liệu thủ công, qua đó tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026	% KH 2026/ TH 2025
1	Vốn điều lệ (triệu đồng)	1.558.000	1.558.000	100,00%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác (triệu đồng)	715.483	814.226	113,80%
3	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	89.001	91.219	102,49%
4	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	73.793	77.536	105,07%
5	Nộp ngân sách Nhà nước (triệu đồng)	166.357	80.683	48,50%
6	Vốn chủ sở hữu bình quân (triệu đồng)	1.685.091	1.688.462	100,20%
7	ROE (%)	4,4%	4,6%	104,86%
8	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	32,5%	32,5%	100,00%

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Về diện tích khai thác

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	Diện tích cao su KTCB	Ha	3.265,1	3.213,3
2	Diện tích cao su trồng mới	Ha	763,8	0,0
3	Diện tích cao su khai thác	Ha	3.406,0	4.221,6
3.1	*+ Diện tích cao su khai thác*	*Ha*	*2.923,9*	*3.355,7*
3.2	*+ Diện tích cao su mở mới*	*Ha*	*482,2*	*786,7*
3.3	*+ Diện tích cao su cạo thanh lý*	*Ha*	*0,0*	*79,2*
4.	Diện tích cao su liên kết	Ha	190,2	190,2

Về sản lượng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	- Cao su nguyên liệu tồn kho	Tấn	210,9	200,0
2	- Cao su tự khai thác	Tấn	5.711,6	6.600,6
3	- Cao su thu mua của hộ liên kết	Tấn	179,2	163,3
4	- Cao su thu hồi đầu tư	Tấn	50,2	8,9
5	- Sản lượng mủ cao su mua ngoài	Tấn	2.630,9	2.000,0
6	Tổng sản lượng mủ cao su	Tấn		
6.1	*+ Sản lượng chế biến*	*Tấn*	*8.775,1*	*8.772,9*
6.2	*+ Sản lượng tiêu thụ*	*Tấn*	*8.465,5*	*8.772,9*
6.2.1	*+ Xuất khẩu*	*Tấn*	*3.895,5*	*3.947,8*
6.2.2	*+ Xuất bán nội địa*	*Tấn*	*4.570,1*	*4.825,1*
7	Sản lượng sợi chỉ thun cao su	Tấn	1.697,9	2.500,0
7.1	*+ Xuất khẩu*	*Tấn*	*127,2*	*390,0*
7.2	*+ Xuất bán nội địa*	*Tấn*	*1.570,7*	*2.110,0*
8	Sản lượng trái cây xuất bán	Tấn	1.676,7	751,0
8.1	*+ Sản lượng chuối tươi*	*Tấn*	*1.408,1*	*0,0*
8.2	*+ Sản lượng sầu riêng*	*Tấn*	*26,8*	*700,0*
8.3	*+ Sản lượng dứa*	*Tấn*	*241,8*	*0,0*
8.4	*+ Sản lượng cau trái*	*Tấn*	*55,5*	*51,0*

Về kết quả kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	715.483	814.226
	+ Doanh thu bán mủ cao su	*Tỷ đồng*	*410.009*	*414.810*
	+ Doanh thu bán sợi chỉ thun và acid	*Tỷ đồng*	*120.790*	*179.619*
	+ Doanh thu dịch vụ khách sạn	*Tỷ đồng*	*21.361*	*26.473*
	+ Doanh thu trái cây	*Tỷ đồng*	*19.479*	*36.020*
	+ Doanh thu từ hợp đồng trồng xen và hoạt động tài chính + thu nhập khác	*Tỷ đồng*	*143.844*	*157.304*
2	Chỉ tiêu về lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	89.001	91.219
3	Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	73.793	77.536
4	Thu nhập bình quân	triệu đồng/ người/tháng	9,41	9,8

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2026

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	TH 2025	KH 2026
I	**Đầu tư nông nghiệp**		**108.506**	**162.448**
1	**Vườn cây cao su**	**3.471,45**	**88.983**	**105.104**
2	**Vườn cây tại NT Cư Bao (nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao)**		**5.351**	**15.425**
2.1	*Vườn cây ăn quả*	*85,25*	*4.079*	*7.017*
	Sầu riêng trồng năm 2024	*11,73*	*611*	*873*
	Sầu riêng trồng năm 2025	*50,05*	*3.468*	*3.809*
	Sầu riêng trồng năm 2026	*23,47*	*0*	*2.336*
2.2	*Vườn cà phê xen sầu riêng*	*85,25*	*1.272*	*8.408*
	Cà phê xen sầu riêng năm 2025	*11,73*	*1.272*	*1.144*
	Cà phê xen sầu riêng năm 2026	*73,52*	*0*	*7.263*
3	**Vườn cà phê trồng xen cao su**	**528,93**	**14.173**	**41.919**
	Cà phê xen cao su năm 2025	*242,23*	*14.173*	*18.452*
	Cà phê xen cao su năm 2026	*286,70*	*0*	*23.467*
II	**Đầu tư trồng rừng (FSC)**		**632**	**816**
III	**Đầu tư xây dựng cơ bản**		**39.810**	**83.151**
	Sửa chữa, bảo dưỡng		8.497	10.155
	Xây dựng/mua mới		31.313	72.996
IV	**Góp vốn thành lập Công ty kiểm phẩm trái cây**		**0**	**8.000**
	Tổng cộng		**148.948**	**254.415**

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2025, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà nẵng (VietValues) đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm. Ban Tổng Giám đốc khẳng định đã tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc và quy định trong quá trình lập Báo cáo tài chính, đảm bảo tính minh bạch và chính xác theo đúng quy định hiện hành.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (Dakruco) tiếp tục quản lý và kiểm soát hiệu quả việc sử dụng các nguồn tài nguyên như điện và nước, góp phần bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh được triển khai ổn định, đúng kế hoạch đề ra. Công ty xác định việc tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước là một trong những định hướng xuyên suốt trong công tác quản lý và vận hành. Trên cơ sở đó, Dakruco đã ban hành và triển khai các quy định, chính sách nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, người lao động trong việc tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, hướng tới sử dụng tài nguyên hiệu quả và bền vững.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

DRG chú trọng nâng cao đời sống người lao động thông qua việc thực hiện đầy đủ các chế độ tiền lương, thưởng, bảo hiểm và phúc lợi theo quy định. Công ty đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn theo kế hoạch hằng năm, tạo điều kiện cho người lao động phát triển nghề nghiệp. Đồng thời, Dakruco duy trì môi trường làm việc an toàn, ổn định và thường xuyên rà soát công tác quản lý nhằm bảo đảm quyền lợi và sự gắn bó lâu dài của người lao động. Hỗ trợ làm nhà mái ấm công đoàn 13 căn; 06 bò sinh sản cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn; tiếp tục thực hiện Chương trình mỗi đơn vị một địa chỉ nhân đạo trong Công ty....

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Dakruco tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công ty tạo việc làm ổn định cho người lao động tại chỗ, tăng cường liên kết với các đối tác, đồng thời triển khai các hoạt động hỗ trợ cộng đồng và chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai nhằm bảo đảm phát triển bền vững.

DRG đã được Chứng nhận FSC về quản lý rừng bền vững, trở thành doanh nghiệp đầu tiên tại Đắk Lắk và một trong số ít đơn vị trên cả nước đạt chứng nhận FSC-FM/CoC cho vườn cây cao su, đồng thời là đơn vị đầu tiên được chứng nhận đối với sản phẩm mủ cao su. Đây là nền tảng quan trọng giúp Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường khắt khe và mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường xuất khẩu, đặc biệt là thị trường châu Âu.

CHƯƠNG

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

84 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

86 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

88 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

TÌNH HÌNH CHUNG

Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trong 11 tháng năm 2025, Việt Nam xuất khẩu khoảng 1,7 triệu tấn cao su, đạt kim ngạch 2,89 tỷ USD, giảm 6,8% về sản lượng và giảm 2,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2024. Tuy nhiên, mức kim ngạch này và ước tính khoảng 3,2 tỷ USD cho cả năm 2025 mới chỉ phản ánh hoạt động xuất khẩu mủ cao su thiên nhiên. Nếu tính đầy đủ toàn bộ chuỗi giá trị ngành cao su, bao gồm các sản phẩm chế biến sâu như lốp xe, găng tay, linh kiện kỹ thuật và gỗ cao su, tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành năm 2025 được ước tính đạt khoảng 11 tỷ USD, tăng khoảng 3% so với năm trước.

Bước sang năm 2025, ngành cao su Việt Nam không còn phụ thuộc hoàn toàn vào biến động giá mủ hay nguồn thu từ đất đai, mà đang đứng trước cơ hội nâng cao vai trò trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong bối cảnh căng thẳng thương mại và các biện pháp phòng vệ của EU đối với lốp xe Trung Quốc, nhiều tập đoàn sản xuất lốp quốc tế đã và đang mở rộng công suất tại Việt Nam nhằm phục vụ xuất khẩu. Đồng thời, sự phát triển nhanh của ngành ô tô, đặc biệt là các hãng xe điện lắp ráp trong nước như VinFast, Skoda hay Omoda Jaecoo, kéo theo nhu cầu lớn về các dòng lốp chuyên biệt, chất lượng cao, mở ra phân khúc thị trường tiềm năng cho doanh nghiệp nội địa đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật.

Bên cạnh đó, thị trường Hoa Kỳ cũng được xem là một cơ hội đáng chú ý trong bối cảnh xu hướng đưa sản xuất quay trở lại nội địa. Việc Mỹ áp dụng thuế suất 0% đối với cao su Malaysia cho thấy nhu cầu nhập khẩu cao su lớn và ổn định. Nếu Việt Nam tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm và đạt được các thỏa thuận thương mại phù hợp, khả năng mở rộng và gia tăng thị phần tại thị trường Mỹ là hoàn toàn khả thi.

Dù tiềm năng lớn, ngành cao su vẫn đối mặt với áp lực phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc (chiếm 70% xuất khẩu) và các quy định mới của Châu Âu. Quy định về chống phá rừng (EUDR) của EU có hiệu lực từ tháng 1/2027 sẽ là rào cản lớn, nhưng cũng là cơ hội để phân loại doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi DRG phải chủ động tái cấu trúc chiến lược thị trường và quản trị chuỗi cung ứng. Công ty cần đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, giảm dần sự phụ thuộc vào một thị trường trọng điểm, đồng thời hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc, quản lý vùng nguyên liệu và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chí về môi trường, xã hội theo chuẩn EUDR. Việc đáp ứng sớm các yêu cầu này không chỉ giúp DRG vượt qua rào cản kỹ thuật mà còn tạo lợi thế cạnh tranh, khẳng định vị thế doanh nghiệp phát triển bền vững trên thị trường quốc tế.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng minh bạch và hiệu quả thông qua việc tổ chức đầy đủ Đại hội đồng cổ đông thường niên và các cuộc họp Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Hồ sơ, tài liệu họp được chuẩn bị và gửi kịp thời đến các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát, bảo đảm cơ sở đầy đủ cho việc thảo luận, biểu quyết và ban hành các nghị quyết. Các quyết định quan trọng được thông qua trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ, được lập biên bản đầy đủ và lưu trữ theo đúng quy định. Chú trọng rà soát, bổ sung điều chỉnh các quy chế phù hợp với quy định mới của pháp luật và tình hình thực tế tại Công ty.

Bên cạnh đó, DRG chú trọng thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, phát triển địa phương và chăm lo đời sống người lao động. Việc kết hợp hài hòa giữa quản trị hiệu quả, phát triển sản xuất kinh doanh và trách nhiệm xã hội đã góp phần củng cố uy tín, vị thế và nền tảng phát triển bền vững của Công ty trong thời gian tới.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2025, Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Hội đồng Quản trị (HĐQT) của Công ty đã thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025. Định kỳ, hàng quý Ban Điều hành có báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐQT giữa hai kỳ họp. Trong đó, Ban Điều hành đánh giá cụ thể những nội dung đã thực hiện, những nội dung chưa thực hiện và thực hiện dở dang. Từ đó, Hội đồng quản trị theo dõi và có định hướng chỉ đạo cụ thể thông qua các nghị quyết để Ban Điều hành triển khai thực hiện.

Năm 2025, HĐQT đã tập trung chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư theo Nghi quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã đề ra. Chỉ đạo triển khai bán một phần số cổ phiếu DRI do Công ty sở hữu và thoái toàn bộ vốn của Dakruco tại Công ty Cổ phần Cao su Thái Dương; đồng thời ký hợp đồng vay hoàn vốn đầu tư vườn cao su tái canh với Ngân hàng Vietinbank, giá trị 300 tỷ đồng; vay vốn từ Ngân hàng BIDV giá trị 235 tỷ đồng, theo đó đã cơ cấu lại tài chính công ty lành mạnh. Chỉ đạo Ban Điều hành để triển khai cho Dakmoruco ký hợp đồng vay hoàn vốn đầu tư 3 triệu USD và tiếp tục làm việc với các cơ quan có liên quan để điều chỉnh cơ cấu vốn đầu tư trong Điều lệ Dakmoruco. Chỉ đạo hai chi nhánh Nhà máy Chế biến Chỉ thun và Khách sạn Dakruco xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và đầu tư giai đoạn 2025 - 2030; đánh giá kết quả thực hiện Đề án củng cố và phát triển Công ty giai đoạn 2020 - 2025, xây dựng Đề án củng cố phát triển Công ty giai đoạn 2026 - 2030 của Công ty; sửa đổi các quy chế của HĐQT và nhiều nội dung liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT. Cho chủ trương về mở rộng diện tích cao su FSC-FM. Các định hướng lớn cũng được HĐQT quan tâm chỉ đạo như: Chuẩn bị kế hoạch đầu tư năm 2026 về điện mặt trời, về góp vốn thành lập doanh nghiệp kiểm nghiệm và xuất khẩu nông sản; liên doanh đầu tư nhà máy chế biến cà phê chất lượng cao; chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại Nông trường Cư Bao...

Công ty đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 26/6/2025. Trong mỗi kỳ họp HĐQT, HĐQT đều đánh giá kết quả triển khai của Ban điều hành đối với từng nội dung của các nghị quyết đã ban hành, từ đó định hướng nhiệm vụ cho giai đoạn tiếp theo. Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT đã sắp xếp thời gian đi cơ sở và tham dự các hội nghị giao ban của Ban Điều hành, để kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó đưa ra những chỉ đạo kịp thời đối với Ban điều hành.

Theo đánh giá của HĐQT, hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 kịp thời, đúng với Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra, các Nghị quyết của HĐQT, phù hợp với tình hình thực tế hoạt động kinh doanh, theo sát thị trường và đúng quy định của pháp luật; tiếp tục bảo đảm việc làm và thu nhập của người lao động trong tình hình hiện nay.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bước sang năm 2026, thị trường cao su tự nhiên toàn cầu được dự báo tăng trưởng chậm, với mức tăng nhu cầu sản lượng 1,4% khoản 15,602 triệu tấn, trong khi đó nguồn cung sản lượng cao su tăng 2,2% khoản 15,324 triệu tấn (dự báo của ANRPC), trong khi nhu cầu tiếp tục phân hóa mạnh giữa các khu vực. Giá cao su nhiều khả năng chỉ tăng nhẹ và khó có khả năng bứt phá do chịu áp lực cạnh tranh ngày càng lớn từ cao su tổng hợp giá rẻ và nguồn cung mới từ một số quốc gia châu Phi. Trong dài hạn, thị trường cao su tự nhiên vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định với CAGR khoảng 3,5%, hướng tới quy mô hơn 46 tỷ USD vào năm 2035, cho thấy dư địa phát triển vẫn còn, dù không theo chiều hướng tăng nóng. Xét theo khu vực, châu Á tiếp tục đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính nhờ nhu cầu từ ngành ô tô và công nghiệp chế biến, trong khi châu Âu và Mỹ có thể đối mặt với sự suy giảm nếu kinh tế phục hồi chậm. Đối với Việt Nam, triển vọng năm 2026 nhìn chung vẫn tích cực so với mặt bằng chung thế giới. Thị trường cao su tự nhiên trong nước được dự báo duy trì tốc độ tăng trưởng hai chữ số, dù giá bán có thể giảm nhẹ quanh mức 44 - 45 triệu đồng/tấn. Tuy vậy, xuất khẩu cao su vẫn được kỳ vọng giữ đà tăng nhờ chiến lược đa dạng hóa thị trường, đặc biệt là mở rộng sang Mỹ và Ấn Độ, cùng với việc nâng cao tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng. Trong bối cảnh đó, doanh thu và biên lợi nhuận của DRG có thể sẽ chịu ảnh hưởng.

Đối với DRG, sự phụ thuộc tương đối lớn vào một số thị trường xuất khẩu truyền thống khiến Công ty dễ chịu tác động từ biến động chính sách thương mại và kinh tế thế giới. Đặc biệt, Năm 2026 cũng đánh dấu giai đoạn ngành cao su Việt Nam phải đối mặt với các yêu cầu khắt khe hơn về tiêu chuẩn bền vững và truy xuất nguồn gốc, trong đó Quy định chống phá rừng EUDR của EU chính thức có hiệu lực đặt ra yêu cầu cao về truy xuất nguồn gốc, quản lý vùng nguyên liệu và minh bạch chuỗi cung ứng. Điều này vừa tạo áp lực chi phí tuân thủ và đầu tư ban đầu, vừa là cơ hội để sàng lọc doanh nghiệp, giúp các đơn vị có vùng nguyên liệu đạt chuẩn, quản trị minh bạch và định hướng phát triển xanh gia tăng lợi thế cạnh tranh và cải thiện biên lợi nhuận. Ngoài ra, rủi ro từ biến đổi khí hậu, thời tiết bất thường và dịch bệnh cây trồng tiếp tục là thách thức đối với năng suất và ổn định sản xuất của Công ty.

Năm 2026, thị trường cao su tự nhiên toàn cầu được

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG CHẬM

Trong dài hạn, thị trường cao su tự nhiên tăng trưởng ổn định

VỚI CAGR 3,5%

Tại Việt Nam, thị trường cao su tự nhiên được dự báo

TĂNG TRƯỞNG HAI CHỮ SỐ

Giá bán có thể

GIẢM NHẸ MỨC 44 - 45 TRIỆU ĐỒNG TRÊN TẤN

Định hướng chỉ đạo của HĐQT trong năm 2026

Triển khai giao kế hoạch tạm thời cho các đơn vị, theo chủ trương của HĐQT về tạm giao kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026, trong khi chờ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua, thì định hướng chỉ đạo của HĐQT chủ yếu là:

1. Tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý phòng ban, đơn vị; tăng cường đào tạo kỹ năng chuyển đổi số và ngoại ngữ, nghiệp vụ chuyên môn. Thực hiện việc sắp xếp đội sản xuất và bộ phận bảo vệ tại các chi nhánh theo hướng tỉnh gọn, hiệu quả. Triển khai các giải pháp để tuyển dụng công nhân khai thác mủ cao su cho các đơn vị.
2. Tiếp tục huy động vốn cho đầu tư từ nhiều nguồn khác nhau như nguồn vốn xanh, từ các tổ chức tín dụng, thuê tài chính, từ các đối tác hợp tác liên doanh..., nhằm đảm bảo chủ động về nguồn vốn đầu tư, đảm bảo dòng tiền sản xuất kinh doanh và đầu tư không bị thiếu hụt. Đánh giá dự án đầu tư thận trọng, chặt chẽ, đúng quy trình và phân kỳ đầu tư hợp lý, trước khi triển khai đầu tư, hạn chế thấp nhất rủi ro trong hoạt động đầu tư.
3. Tập trung chỉ đạo Nhà máy Chế biến chỉ thun đầu tự sửa chữa máy móc thiết bị, tổ chức sản xuất kinh doanh đảm bảo hòa vốn và tiến tới có lãi. Phối hợp với tư vấn để đánh giá lại tổng thể hiện trạng Cụm dịch vụ Khách san Dakruco để có cơ sở xây dựng chiến lược kinh doanh và đầu tư trong thời gian tới; lập phương án đầu tư, nâng cấp và sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026- 2030 đảm bảo đầu tư có lãi.
4. Tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn làm việc với các Sở, Ngành liên quan để được phê duyệt hồ sơ thuê đất sau cổ phần hóa, đăng ký biến động đất đai, điều chỉnh diện tích,... cho toàn bộ diện tích còn lại tại các chỉ nhánh. Chỉ đạo rà soát các hợp đồng thuê khoán, liên kết trước đây đã hết hạn để có kế hoạch thu hồi và sử dụng đất của Công ty đúng mục đích.
5. Nghiên cứu thay đổi quy trình canh tác, khai thác mủ cao su theo hướng giảm phát thải và tuần hoàn; tiếp cận thị trường carbon để bán tín chỉ ra thị trường. Duy trì và cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín thương hiệu Dakruco trên thị trường trong và ngoài nước. Tăng cường kiểm soát chất lượng hệ thống để giữ vững chứng nhận FSC-FM/CoC đối với sản phẩm mủ và gỗ cao su và mở rộng diện tích FSC-FM đáp ứng xu hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của thị trường. Tăng cường xúc tiến thương mại đối với sản phẩm mủ cao su FSC-FM/CoC.
6. Tiếp tục kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030 đã được phê duyệt; ứng dụng công nghệ để tổ chức và điều hành sản xuất kinh doanh thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tốt vườn cây, để gia tăng sản lượng khai thác, kiểm soát khối lượng, chất lượng nguyên liệu đầu vào. Đầu tư cải tạo dây chuyền chế biến chế biến mủ cao su theo hướng tự động hóa kết hợp sử dụng công nghệ AI, ứng dụng công nghệ vào trong chế biển sản phẩm, tìm kiếm nhiên liệu thay thế để tiết kiệm chỉ phí, gia tăng lợi nhuận; áp dụng công nghệ, phần mềm và AI vào hoạt động nghiên cứu thị trường, nâng cao hiệu quả vận hành và xây dựng lợi thế cạnh tranh bền vững.
7. Tiếp tục khắc phục các tồn tại, khuyết điểm theo Kết luận thanh tra số 7337/KL-UBND của UBND Tỉnh. Trong đó, tập trung khắc phục các nội dung liên quan đến Phương án sử dụng đất được UBND Tỉnh phê duyệt. Chỉ đạo chuẩn bị hồ sơ khởi kiện Công ty Nhất Thống theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Triển khai Kế hoạch khắc phục tồn tại, khuyết điểm còn lại.

CHƯƠNG

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

92 Hội đồng quản trị

104 Ban kiểm soát

109 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập		Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm		
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật	29/09/2018		Cá nhân: 0	0%
					Đại diện: 92.492.760	59,36%
2	Nguyễn Minh	Thành viên HĐQT điều hành	24/11/2023		Cá nhân: 2.000	0,0012%
					Đại diện: 61.659.408	39,58%
3	Nguyễn Trần Giang	Thành viên HĐQT điều hành	06/05/2019		-	-
4	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT điều hành	29/09/2018 (bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc ngày 15/8/2025)		3.500	0,002%
5	Tạ Quang Tòng	Thành viên HĐQT độc lập	20/06/2023		-	-
6	Nguyễn Văn Thông	Thành viên HĐQT không điều hành	28/06/2024		-	-
7	Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên HĐQT không điều hành	26/06/2025		2.200	0,0014%

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGUYỄN VIẾT TƯỢNG

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	1965
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Lâm sinh, Cử nhân kinh tế Công nghiệp, Cử nhân Ngoại ngữ (Anh văn), Cử nhân LLCT
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Cao su Đắk Lắk; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk tại Lào (Daklaoruco); Chủ tịch Công ty TNHH Phát triển cao su Đắk Lắk Mondulkiri (Vương quốc Campuchia)
Thành tích	Bằng khen UBND Tỉnh Đắk Lắk các năm 1988, 1999, 2001, 2003, 2004, 2005, 2007, 2010, 2011; Bằng khen Ban thường vụ Tỉnh Ủy năm 2008, 2012, 2017; Bằng khen Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2007; Bằng khen Liên đoàn Lao động tỉnh năm 2020; Bằng khen Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam năm 2021.

Quá trình công tác

1983 - 1987	Học tại trường Đại học Tây Nguyên
1988 - 1996	Cán bộ kỹ thuật, Phó Phòng, Phó Giám đốc Lâm trường Nam Nung, huyện Krông Nô, Đắk Lắk (nay Đăk Nông)
1996 - 2001	Chuyên viên, Phó văn phòng, Chánh văn phòng Ban Tổ chức Tỉnh Ủy Đắk Lắk
2002 - 2004	Thư ký Bí thư Tỉnh Ủy Văn phòng Tỉnh Ủy Đắk Lắk
2004 - 2005	Phó Văn phòng kiêm Thư ký Bí thư Tỉnh Ủy Văn phòng Tỉnh Ủy Đắk Lắk
2006 - 2007	Tỉnh Ủy viên, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk
2007 - 2010	Tỉnh Ủy viên, Bí thư Huyện Ủy Huyện ủy cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk
2010 - 2012	Tỉnh Ủy viên, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk
2012 - 2015	Ủy viên Thường vụ Tỉnh Ủy, Bí thư Thành Ủy Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
2015 - 2018	Phó Bí thư Đảng Ủy, Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
10/2018- nay	Phó Bí thư Đảng Ủy, Bí thư Đảng Ủy (6/2020) Chủ tịch HĐQT Công ty

Số lượng cổ phần sở hữu:	**92.497.760**	**Cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**59,36%**
Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,00%
Sở hữu đại diện	92.492.760	cổ phần, chiếm tỷ lệ	59,36%
Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông TẠ QUANG TÒNG

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh	1955
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Luật học
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ nhiệm Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; Trưởng Văn phòng Luật sư THT, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk.
Thành tích	Giấy khen của Công ty Thủy lợi; Huy chương vì sự nghiệp NN&NT; Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp phát triển Luật sư Việt Nam; Kỷ niệm chương Hội Luật gia Việt Nam; Bằng khen Liên đoàn Luật sư Việt Nam nhiệm kỳ 2008 - 2013; 2014 - 2019 và các năm 2010, 2012, 2014, 2017, 2020, 2021, 2022.

Quá trình công tác

1696 - 1972	Học Trung học tại TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
1972 - 1973	Học Đại học Luật khoa Huế
1973 - 1975	Học Đại học Luật khoa Sài Gòn
1975 - 1976	Làm ruộng tại thôn 2, xã Hòa Thuận, TP. Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
1976 - 1985	Nhân viên làm việc tại Công ty XD Thủy lợi Đắk Lắk
1985 - 1992	Phụ trách Phòng Kế hoạch tại Xí nghiệp Vật tư Thủy lợi Đắk Lắk
1992 - 1995	Trưởng trạm sản xuất vật liệu Công ty XD Thủy lợi Đắk Lắk
1995 - 2006	Phó Tổng Tổ chức Công ty Khai thác Công trình Thủy Lợi Đắk Lắk. Nghỉ hưu năm 2006
1996 - 2005	Luật sư tại Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk
2005 - 2019	Phó Chủ nhiệm Đoàn tại Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk
2019 - nay	Chủ nhiệm Đoàn, Bí thư Chi bộ tại Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk, Thành viên HĐQT

Số lượng cổ phần sở hữu:	**- Cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**-**
Sở hữu cá nhân	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu của người có liên quan	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

Ông NGUYỄN VĂN THÔNG

Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh	1975
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không

Quá trình công tác

01/2000 - 05/2004	Nhân viên Phòng KDXNK Công ty Cao su Đắk Lắk
06/2004 - 09/2009	Phó Phòng KDXNK Công ty Cao su Đắk Lắk
10/2009 - 12/2009	Phó Giám đốc Chi nhánh Cụm Dịch vụ khách sạn Dakruco
01/2010 - 03/2013	Giám đốc Chi nhánh Khách sạn Ban Mê Dakruco
04/2013 - 7/2023	Giám đốc Chi nhánh Khách sạn Dakruco
08/2023 - 08/2024	Trưởng Phòng KDXNK Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
09/2024 - 08/2025	Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Chế biến chỉ thun
09/2025 - nay	Trưởng Phòng Nhân sự - Pháp chế Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk

Số lượng cổ phần sở hữu:	**- Cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**-**
Sở hữu cá nhân	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu của người có liên quan	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà NGUYỄN THỊ MAI QUYÊN

Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh	1970
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Nông học
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát Công ty, Trưởng phòng Quản lý chất lượng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Thành tích	Bằng khen UBND tỉnh năm 2014, năm 2017

Quá trình công tác

1989 - 1994	Học tại trường Đại học Tây Nguyên
1994 - 1997	Trợ lý thống kê, kỹ thuật Nông trường cao su K'Dang, Công ty cao su Mang Yang, Gia Lai
1997 - 1998	Cán bộ kỹ thuật Trung tâm hoa học Kỹ thuật và Dịch vụ cao su thuộc Công ty Cao su Đắk Lắk
1998 - 2008	Cán bộ kỹ thuật, Thư ký ISO, Phó phòng Kỹ thuật Xí nghiệp Chế biến và Dịch vụ cao su thuộc Công ty Cao su Đắk Lắk
2008 - 2010	Thư ký ban ISO Công ty Cao su Đắk Lắk
2010 - 2014	Thư ký ban ISO Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
2014 - 2015	Phó phòng Hành chính, Thư ký ban ISO Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
2015 - 2018	Phó phòng Kỹ thuật, Thư ký ban ISO Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
2018 - 2020	Phó phòng Kỹ thuật, Thư ký ban ISO của CTCP Cao su Đắk Lắk
2020 - 2022	Phó phòng Kỹ thuật, Thư ký ban ISO, Trưởng bộ phận Quản lý chất lượng của CTCP Cao su Đắk Lắk
01/2022 - 31/12/2024	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Quản lý chất lượng, Thành viên Ban Kiểm soát của CTCP Cao su Đắk Lắk.

Số lượng cổ phần sở hữu:	**2.200**	**Cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**0,0014%**
Sở hữu cá nhân	2.200	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,0014%
Sở hữu đại diện	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có tiểu ban

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của HĐQT trong năm

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp Hội đồng quản trị tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Viết Tượng	5/5	100%	
2	Nguyễn Minh	5/5	100%	
3	Nguyễn Trần Giang	5/5	100%	
4	Nguyễn Văn Cúc	5/5	100%	
5	Tạ Quang Tòng	4/5	80%	Đi công tác
6	Nguyễn Văn Thông	5/5	100%	
7	Nguyễn Thị Mai Quyên	1/2	50%	Bổ nhiệm 26/6/2025; Đi công tác

Các Nghị quyết/Quyết định

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Thông qua
1	01/NQ-HĐQT	03/01	Kết quả cuộc họp HĐQT ngày 03/01/2025 thông qua kết quả thực hiện của Nghị quyết HĐQT quý IV và cả năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của Ban Điều hành; Thống nhất Ban hành Quy chế bán hàng của Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk; phân phối lợi nhuận và chuyển lợi nhuận sau thuế tại Dakmoruco (Campuchia) về Công ty mẹ (Dakruco - Việt Nam); phê duyệt Dự án trồng tái canh cao su kết hợp trồng xen cây cà phê tại chi nhánh nông trường Cư Mgar; Thống nhất ban hành Quyết định thành lập Ban Điều hành phát triển cao su bền vững 2025 - 2030. (Tổ chức cuộc họp ngày 03/01/2025).	100%
2	02/NQ-HĐQT	10/01	Thỏa thuận với Ban Điều hành cử Giám đốc Dakmoruco sang Công ty cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk, để làm quy trình bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty Daklaoruco thuộc Công ty cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk; thỏa thuận về nhân sự quản lý tại Công ty Dakmoruco. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
3	03/NQ-HĐQT	17/01	Thống nhất chủ trương nâng hạn mức vốn vay ngắn hạn tại ngân hàng Vietinbank kể từ năm 2025. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
4	04/NQ-HĐQT	13/02	Thống nhất điều chỉnh Điều 6, Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT ngày 27/12/2024 về chủ trương bồi thường và hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết/Quyết định

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Thông qua
5	05/NQ-HĐQT	06/3	Thống nhất việc vay vốn dài hạn và thế chấp tài sản vay vốn tại ngân hàng Vietinbank chi nhánh Đắk; thống nhất chia lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ lũy kế đến 31/12/2023 theo Điều 4, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; thống nhất điều chỉnh Mục c, Điều 4, Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 03/01/2025, về bổ sung diện tích tái canh, cơ cấu giống cao su trồng mới đối với dự án đầu tư trồng tái canh cao su và trồng xen cà phê tại Nông trường Cư Mgar. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
6	06/NQ-HĐQT	11/3	Thống nhất chủ trương về thực hiện công tác sắp xếp lại bộ máy và điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của một số phòng ban, đơn vị chi nhánh, luân chuyển, bổ nhiện cán bộ; Thống nhất các nội dung về báo cáo tài chính năm 2024 và phân phối lợi nhuận, lao động, tiền lương, Dự án đầu tư tái canh trồng mới cao su tai DRI. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
7	07/NQ-HĐQT	27/3	Thống nhất thực hiện điều chỉnh nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký Đầu tư ra nước ngoài của Công ty đối với dự án phát triển cao su tại Campuchia; phê duyệt và tổ chức thực hiện Phương án khoán chăm sóc, thu hoạch cao su và cà phê trồng xen tại Nông trường Cư Mgar. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
8	08/NQ-HĐQT	08/4	Thống nhất nội dung về sản xuất kinh doanh và nhân sự HĐQT để Người đại diện vốn của Dakruco ở Daknoruco, Dakrutech biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; thống nhất chủ trương về nhân sự tại Nông trường Cư M'gar, Nông trường 19/8. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
9	09/NQ-HĐQT	26/4	Kết quả cuộc họp HĐQT ngày 26/4/2025: thông qua Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết HĐQT quý I, tái cấu trúc lại tài chính Công ty trong quý I/2025 của Ban điều hành; bổ sung, điều chỉnh tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay vốn tại ngân hàng Vietinbank; cho chủ trương ban hành kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư tạm thời năm 2025; kế hoạch tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; bổ sung quy hoạch đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028; phân loại hoạt động của tập thể và cá nhân thành viên HĐQT năm 2024	100%
10	10/NQ-HĐQT	09/5	Thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ vốn của Dakruco tại CTCP cao su Thái Dương; thống nhất cho hợp đồng hợp tác xen canh ngắn ngày trên vườn cao su năm 2025; thông qua BCTC và phân phối lợi nhuận năm 2024. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
11	10/NQ-HĐQT	09/5	Thông qua KHSXKD năm 2024 và KHSXKD năm 2025 của CTCP cao su Thái Dương; thông qua Dự thảo Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ, dự thảo Quy chế miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Nhiệm kỳ II (2023-2028), lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; thống nhất phương án điều chỉnh hệ số lương và hình thức chi trả tiền lương cho khối gián tiếp của Công ty. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
12	12/NQ-HĐQT	29/5	Kết quả cuộc họp HĐQT ngày 29/5/2025: thông qua báo cáo KQTH các NQHĐQT giữa hai kỳ họp; thay đổi Điều 2, Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 24/11/2023 về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư 5 năm (2024-2028); phương án SXKD và đầu tư năm 2025; tiền lương, thù lao và tiền thưởng của người quản lý năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao của người quản lý năm 2025 để trình ra ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; về chấm dứt hoạt động của CN Nông trường Cuôr Đăng và sáp nhập vào đơn vị CN Nông trường Phú Xuân; thống nhất về công tác nhân sự với BĐH; chủ trương cho trồng xen cây cà phê trên vườn sầu riêng tại CN Nông trường Cư Bao; về phân phối lợi nhuận và chuyển lợi nhuận sau thuế tại Dakmoruco (Campuchia) về Công ty mẹ (Dakruco - Việt Nam). (Tổ chức cuộc họp ngày 29/5/2025)	100%
13	13/NQ-HĐQT	13/6	Thống nhất chủ trương về Công tác cán bộ tại Chi nhánh Nông trường Phú Xuân và Chi nhánh Nông trường 19/8. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
14	14/NQ-HĐQT	18/6	Thống nhất chủ trương việc vay vốn dài hạn và thế chấp tài sản vay vốn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
15	15/NQ-HĐQT	23/6	Thống nhất trình cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQTvà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2023-2028); bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2023-2028). (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
16	16/NQ-HĐQT	30/6	Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Công ty năm 2025 để kiểm toán báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết/Quyết định

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Thông qua
17	17/NQ-HĐQT	16/7	Thống nhất Phương án chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (Dakruco) đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Cao su Thái Dương; Số lượng cổ phần chào bán 360.000 cổ phần; Số lượng chào bán nguyên lô; Giá khởi điểm chào bán 24.600 đồng/cổ phần, tương ứng: 8.856.000.000 đồng; Thực hiện đấu giá công khai. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
18	18/NQ-HĐQT	25/7	Kết quả cuộc họp HĐQT ngày 25/7/2025: Thông qua kết quả thực hiện các Nghị quyết HĐQT giữa 02 kỳ họp; kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025; Thống nhất chủ trương về việc bổ sung chi phí kế hoạch năm 2025 cho Dakmoruco 103.536,00 USD; Thống nhất phương án xử lý các kiến nghị tại Kết luận Thanh tra số 165/KL-TTr ngày 27/6/2025 của Thanh tra tỉnh Đắk Nông; Thống nhất phương án xử lý vườn chuối, dứa MD2 tại Chi nhánh Nông trường Cư Bao - Năm 2025; Thống nhất nội dung xử lý Hợp đồng đặt cọc của Công ty Cổ phần Tâm An Đắk Lắk. (Tổ chức cuộc họp ngày 25/7/2025)	100%
19	19/NQ-HĐQT	05/8	Thống nhất thông qua Phương án quản lý rừng cao su bền vững giai đoạn 2025 - 2030 của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
20	20/NQ-HĐQT	11/8	Thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Cúc - Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Nhân sự - Pháp chế Công ty, giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty theo thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị lần thứ II, nhiệm kỳ 2023 - 2028, kể từ ngày 15/8/2025; Thống nhất thỏa thuận với Ban Điều hành về việc bổ nhiệm ông Võ Tuấn Minh - Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Dakmoruco, giữ chức vụ Phó Giám đốc Dakmoruco; Thống nhất triển khai quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng/ban, đơn vị thuộc Công ty năm 2025. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
21	21/NQ-HĐQT	26/8	Thống nhất thỏa thuận với BĐH về chủ trương thành lập Ban Pháp chế Công ty và chuẩn bị các điều kiện để thành lập Ủy ban kiểm toán; về bổ nhiệm cán bộ; Thống nhất chủ trương điều chỉnh cơ cấu vốn đầu tư trong Điều lệ của Công ty Dakmoruco và vay vốn của Dakmoruco. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
22	22/NQ-HĐQT	11/9	Thống nhất thỏa thuận với Ban Điều hành về kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý phòng ban Công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng đơn vị trực thuộc Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028; thống nhất thỏa thuận với Ban Điều hành Công ty về bổ nhiệm cán bộ. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
23	23/NQ-HĐQT	26/9	Thống nhất chủ trương về thanh lý vườn mít tại Chi nhánh Nông trường Cư Bao; thống nhất để Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri (Dakmoruco) thực hiện vay vốn và điều chỉnh cơ cấu vốn đầu tư tại Dakmoruco. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
24	24/NQ-HĐQT	27/10	Đánh giá kết quả thực hiện các NQHĐQT giữa 02 kỳ họp; KQSXKD 9 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ quý IV năm 2025; thống nhất chủ trương để Ban Điều hành ban hành Phương án SXKD giai đoạn 2026-2030 tại CN Nhà máy Chế biến Chỉ thun; thống nhất việc ban hành mới; sửa đổi, bổ sung các quy chế thuộc thẩm quyền của HĐQT; Thống nhất chủ trương để Ban Điều hành thuê tư vấn khảo sát, lập Phương án đầu tư và kinh doanh Chi nhánh Khách sạn Dakruco giai đoạn 2026-2030; thống nhất phê duyệt một số nội dung liên quan sản xuất kinh doanh năm 2026 phải chuẩn bị trước trong năm 2025. (Tổ chức cuộc họp ngày 24/10/2025)	100%
25	25/NQ-HĐQT	24/11	Thỏa thuận với Ban Điều hành về công tác cán bộ của các phòng ban Công ty và chi nhánh trực thuộc; Thống nhất chủ trương thành lập Ban Quản lý Dự án Kiểm nghiệm và xuất khẩu nông sản; Thống nhất chủ trương bổ sung quỹ lương năm 2025 cho DAKMORUCO do hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng mủ cao su khai thác. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
26	26/NQ-HĐQT	28/11	Thực hiện việc chia cổ tức năm 2024, theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
27	27/NQ-HĐQT	04/12	Thông qua chủ trương để Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk ký biên bản ghi nhớ và hợp đồng góp vốn với hai đối tác để thành lập pháp nhân mới; thống nhất giao Ban Điều hành Công ty thực hiện các công tác chuẩn bị và triển khai dự án. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
28	28/NQ-HĐQT	26/12	Thông qua công thức bán hàng, mua nguyên liệu năm 2026; chủ trương mua sắm hàng hóa/dịch vụ trước khi ban hành KHTC năm 2026; giao chỉ tiêu KHSXKD và đầu tư năm 2026 của các Công ty: Dakmoruco, Daknoruco; DRI; khen thưởng cho tập thể đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao năm 2025. (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong năm 2025, thành viên Hội đồng quản trị độc lập luôn đề cao nguyên tắc minh bạch và khách quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, qua đó góp phần tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm soát rủi ro trong toàn bộ hoạt động của Công ty. Thành viên HĐQT độc lập thực hiện đầy đủ vai trò giám sát đối với hoạt động của HĐQT, từ việc tổ chức các kỳ họp đến ban hành Nghị quyết, Quyết định, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong các phiên họp, thành viên HĐQT độc lập tích cực phối hợp, trao đổi với các thành viên HĐQT nhằm đóng góp ý kiến khách quan, hỗ trợ HĐQT xây dựng các định hướng và quyết sách phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Đồng thời, công tác giám sát đối với hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc được thực hiện thường xuyên, bảo đảm việc triển khai tuân thủ đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT năm 2025

- Các cuộc họp HĐQT và việc lấy ý kiến thành viên HĐQT được tổ chức đúng trình tự, thủ tục theo Điều lệ và Quy chế quản trị công ty.
- Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị và Nghị quyết ĐHĐCĐ, đồng thời bám sát chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được thông qua.
- HĐQT thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, theo dõi và định hướng kịp thời công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc nhằm bảo đảm hoàn thành các mục tiêu do ĐHĐCĐ giao.
- HĐQT đã triển khai các giải pháp quản trị rủi ro phù hợp, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc nhận diện sớm các rủi ro tiềm ẩn, góp phần duy trì hoạt động ổn định, bền vững và bảo vệ quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Năm 2025, Công ty tổ chức cho Người phụ trách quản trị công ty tham gia và hoàn thành tốt khóa đào tạo quản trị công ty do Viện Phát triển nguồn nhân lực Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh tổ chức vào tháng 9/2025; cử Người phụ trách quản trị công ty và cán bộ phụ trách Kế toán tổng hợp tham gia khóa tập huấn về Luật Chứng khoán sửa đổi bổ sung và các văn bản pháp luật liên quan, do UBCK Nhà nước tổ chức tại Đà Nẵng tháng 11/2025; Công ty tổ chức các khóa đào tạo quản lý cấp trung cho cán bộ quản lý từ cấp đội trưởng sản xuất đến cấp phó phòng Công ty; cử cán bộ quản lý tham gia khóa học giám đốc điều hành (CEO); tổ chức khóa đào đạo về bồi dưỡng kiến thức phát triển bền vững; đáp ứng quy định EUDR; các phần mềm quản lý trong chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo AI...

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng BKS	-	-
2	Phan Thanh Tân	Thành viên	-	-
3	Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên (không còn là thành viên BKS ngày 26/06/2025)	2.200	0,0014%
4	Âu Quí Vinh	Thành viên	-	-

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

Ông NGUYỄN THẠC HOÀNH

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh	1966
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính - Kế toán, ngành Kế toán công nghiệp; Cao cấp LLCT
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Trưởng Ban kiểm soát Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Trưởng BKS CTCP Đầu tư cao su Đắk Lắk; - Trưởng BKS CTCP Kỹ thuật cao su, - Trưởng BKS CTCP Daknoruco
Thành tích	Bằng khen UBND tỉnh Đắk Lắk năm 2010; CSTĐ CS Công ty 2015 - 2020

Quá trình công tác

1991 - 1993	Kế toán Tổng hợp Nông trường cao su 1/5
1993 - 1999	Phó Phòng kế toán Nông trường cao su 1/5
2000 - 2002	Kế toán trưởng Nông trường cao su 1/5
2003	Kế toán trưởng Nông trường cao su Cư Mgar
2003 - 2010	Kế toán trưởng Nông trường cao su Phú Xuân
2011	Kế toán trưởng Chi nhánh Nghỉ dưỡng sinh thái và Spa Bản Đôn
2011 - 2012	Trưởng bộ phận tiền lương phòng Nội chính Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
2012 - 2018	Kiểm soát viên kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
10/2018 - nay	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cao su Đắk Lắk

Số lượng cổ phần sở hữu:	**- Cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**-**
Sở hữu cá nhân	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu của người có liên quan	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

BAN KIỂM SOÁT

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

Ông PHAN THANH TÂN

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1971
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính - Kế toán
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Thành viên Ban kiểm soát Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Thành viên BKS CTCP Đầu tư cao su Đắk Lắk, - Thành viên BKS CTCP Daknoruco; - Thành viên BKS CTCP Kỹ thuật cao su (Dakrutech)

Quá trình công tác

1993 - 2006	Kế toán Tổng hợp Văn phòng Công ty cao su Đắk Lắk
2007	Kế toán trưởng Chi nhánh Khu DL ST Bản Đôn trực thuộc Công ty cao su Đắk Lắk
2008	Kế toán trưởng Trung tâm ĐT&PT cao su trực thuộc Công ty cao su Đắk Lắk
2009 - 2011	Kế toán Tổng hợp Văn phòng Công ty cao su Đắk Lắk trực thuộc Công ty cao su Đắk Lắk
2012 - 2017	Nhân viên Ban kiểm soát nội bộ Công ty TNHH cao su Đắk Lắk
2018 - 2023	Thành viên Ban kiểm soát CTCP cao su Đắk Lắk

Số lượng cổ phần sở hữu:	**- Cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**-**
Sở hữu cá nhân	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu của người có liên quan	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

Ông ÂU QUÍ VINH

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1983
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế Nông lâm
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	Thành viên Ban kiểm soát Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không

Quá trình công tác

2007 - 2010	Trưởng Bộ phận Đầu tư tài chính Chỉ nhánh Công ty Cao su Đắk Lắk tai TP Hồ Chí Minh
2010 - 2018	Chuyên viên Phòng TCKT Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
2018 - 2019	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
2019 - 2023	Chuyên viên Phòng TCKT Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
01/2024 - 03/2025	Phó Ban TCXTĐT Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
03/2025 - nay	Phó Phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk, Thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng cổ phần sở hữu:	**- Cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**-**
Sở hữu cá nhân	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu của người có liên quan	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp Ban Kiểm soát tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thạc Hoành	4	100%	100%	
2	Phan Thanh Tân	4	100%	100%	
3	Nguyễn Thị Mai Quyên	1	100%	100%	Miễn nhiệm từ 26/06/2025
4	Âu Quí Vinh	3	100%	100%	Bổ nhiệm từ 26/06/2025

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Giám sát sự phối hợp và tuân thủ của các cơ quan quản lý Công ty theo Điều lệ; giám sát việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và các Nghị quyết HĐQT. Công tác chỉ đạo định hướng hoạt động SXKD và đầu tư, trong đó có việc khắc phục tình trạng khó khăn về tài chính. Triển khai thực hiện dự án trồng tái canh cao su và trồng xen cà phê tại Chi nhánh Nông trường Cư Mgar. Giám sát theo dõi quá trình xử lý mất cân đối tài chính, sau khi thoái vốn thành công tại Công ty DRI và khôi phục quan hệ vay vốn các dự án đầu tư dài hạn. Theo dõi quá trình xây dựng phương án khắc phục tình trạng thua lỗ trong SXKD tại Chi nhánh Nhà máy Chế biến Chỉ thun và Khách sạn Dakruco; Giám sát việc xử lý và ban hành các nghị quyết theo kiến nghị của Ban điều hành về công tác cán bộ, giải thể, sát nhập chi nhánh, vay vốn dài hạn, sửa đổi các quy chế... thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.
- Giám sát việc quản lý điều hành, tổ chức thực hiện NQ HĐQT của Ban Tổng giám đốc và phòng ban Công ty; giám sát các lĩnh vực trọng tâm của hoạt động SXKD và đầu tư như về lĩnh vực kế toán, lĩnh vực mua bán hàng hoá, đầu tư và triển khai dự án; giám sát việc thực hiện chế độ chính sách người lao động, các quyền tối thiểu của người lao động theo quy định của pháp luật; giám sát việc tuân thủ phát luật và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, tiến độ khắc phục kết luận của Thanh tra tại Công ty; việc xây dựng các quy chế, triển khai các chính sách liên quan đến ưu đãi thuế, sử dụng người dân tộc thiểu số tại chỗ; giám sát sự ổn định của bộ máy, giảm thiểu và không để xảy ra xung đột lợi ích; sử dụng tài nguyên và nguồn lực của Công ty hợp lý, bảo toàn vốn và kinh doanh có hiệu quả.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát được mời tham gia các cuộc họp thường kỳ của HĐQT và họp giao ban hàng tháng của chuyên môn; được cung cấp tài liệu các cuộc họp, các đề án dự án, kế hoạch một cách kịp thời đầy đủ; được HĐQT, Ban Điều hành mời tham gia nghiên cứu thảo luận cho ý kiến vào các chương trình mục tiêu ngắn hạn và dài hạn; được tham gia làm thành viên các Hội đồng khoa học, thi đua khen thưởng, kiểm kê tài sản... ; được tạo điều kiện về cở vật chất và sự phối hợp tốt của Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chuyên môn trong triển khai công tác kiểm soát. Mọi kiến nghị phản ánh của BKS đều được Ban Tổng giám đốc xem xét chỉ đạo bộ phận phòng ban, đơn vị liên quan xem xét xử lý, chấn chỉnh và khắc phục.

Hoạt động khác của BKS: **Không có**

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục triển khai công tác giám sát hoạt động của HĐQT, BTGĐ và các phòng, chi nhánh trực thuộc Công ty. Đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong việc giám sát giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn UPCOM.
- BKS cũng sẽ thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng, quý của Công ty và trình báo cáo thẩm định lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
- Kiểm tra và giám sát việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Quy định của Công ty, ĐHĐCĐ, HĐQT và BTGĐ Công ty ban hành. Tập trung vào các vấn đề quản trị rủi ro.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và Tên	Chức danh	Năm 2025		
			Lương	Thù lao	Cổ tức
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	786.399.000	222.532.945	1.230.000
2	Nguyễn Minh	TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	634.039.000	285.136.297	492.000
3	Nguyễn Độ	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	646.963.198	37.252.000	1.156.200
4	Nguyễn Trần Giang	TV.HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	479.727.000	81.600.000	-
5	Nguyễn Văn Cúc	TV.HĐQT điều hành kiêm Phó Tổng Giám đốc	342.994.000	81.600.000	861.000
6	Tạ Quang Tòng	TV.HĐQT độc lập	14.487.000	277.906.297	-
7	Nguyễn Văn Thông	TV.HĐQT không điều hành	274.526.000	229.772.297	-
8	Nguyễn Thị Mai Quyên	TV.HĐQT không điều hành, Nguyên TV. BKS	226.646.000	61.200.000	541.200
9	Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng BKS	481.925.000	193.261.886	-
10	Phan Thanh Tân	TV. BKS	237.431.000	148.975.237	-
11	Âu Quí Vinh	TV. BKS	132.420.000	20.400.000	-
12	Lê Thanh Bình	Kế toán trưởng	422.069.000	-	-
	Tổng cộng		**4.679.626.198**	**1.639.636.959**	**4.280.400**

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Viết Tượng	CT. HĐQT	5.000	0,003%	0	0%	Bán

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tổ chức/ cá nhân	MQH liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ	Thời điểm giao dịch	Số NQ/QĐ ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	Tỷ lệ vốn góp: 10,46%		68 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, Đắk Lắk	Tháng 02/2025		Thu từ cổ tức góp vốn năm 2024: 352,47 triệu đồng	
2	Công ty CP Đầu tư cao su Đắk Lắk (DRI)	Dakruco nắm 45,0 % vốn điều lệ	6001271719, ngày cấp 24/02/2012	59 Cao Thắng, P. Tân An, Đắk Lắk	Tháng 02 và 03/2025	Số 22/NQ-HĐQT ngày 12/12/2024	Thoái vốn 11.597.500 cổ phiếu (doanh thu là: 179,15 tỷ đồng)	Sau khi giao dịch còn nắm giữ 45,0% (trước là 60,84%)
					Tháng 03 và 08/2025	Hợp đồng số 01/ HĐTĐ ngày 08/03/2018	DRI trả tiền hợp đồng trồng xen 2025: 1.068,88 triệu đồng	
2	Công ty CP Đầu tư cao su Đắk Lắk (DRI)	Dakruco nắm 45,0 % vốn điều lệ	6001271719, ngày cấp 24/02/2012	59 Cao Thắng, P. Tân An, Đắk Lắk	Tháng 08/2025	Số 07/NQ-HĐQT ngày 09/07/2025 của DRI	Dakruco nhận cổ tức còn lại năm 2024 5%/ cổ phiếu: 16.470 triệu đồng	
					Tháng 01-08/2025		Dakruco chuyển trả lãi vay: 1.630 triệu đồng	
					Tháng 04 và 07/2025		Dakruco nhận cổ tức 2024: 720 triệu đồng	
3	Công ty cổ phần cao su Thái Dương	Dakruco nắm 10% vốn điều lệ	0302883746, cấp ngày 13/7/2006	Đường số 7, KCN Tân Tạo, P. Bình Tân, Tp. HCM	Tháng 11 và 12/2025	Hợp đồng số 01/SP-DKTD'25	Doanh thu bán 42,84 tấn mủ cốm: 2.181,89 triệu đồng	
					Tháng 08/2025	Số 17/NQ-HĐQT ngày 16/07/2025	Thu từ thoái vốn 360.000 cổ phần, thu 8.901 triệuđồng	Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu của Dakruco từ 10% xuống 0%.
4	CTCP Kỹ thuật Cao su	Dakruco nắm 28,79% vốn điều lệ	6000944792, cấp ngày 13/10/2009	Km18, Thôn Đoàn Kết, Xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	Tháng 04/2025		Thu tiền cổ tức 2024: 540 triệu	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tổ chức/ cá nhân	MQH liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ	Thời điểm giao dịch	Số NQ/QĐ ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
4	CTCP Kỹ thuật Cao su	Dakruco nắm 28,79% vốn điều lệ	6000944792, cấp ngày 13/10/2009	Km18, Thôn Đoàn Kết, Xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	Tháng 10/2025	NQ số 23/ NQ-HĐQT ngày 27/12/2024; Hợp đồng số 01/SP-DRT'25	Doanh thu 201,6 tấn mủ cao su: 10.626,33 triệu đồng	
						Hợp đồng số 04B/2012/ HĐGK ngày 04/05/2012	DT hợp đồng GKĐT 74ha cao su năm 2025: 282,1 triệu đồng	
					Tháng 03/2025	Hợp đồng số 06/ HĐKT ngày 18/02/2019	CP thuê nhà làm việc kiểm phẩm năm 2025: 528 triệu đồng	
					Năm 2025	Hợp đồng số 01/NT-DT'25 ngày 10/01/2025	CP mua Amoniac 23.620 lít: 178,56 triệu đồng	
					Năm 2025	Hợp đồng số 01DK-DRT'25	CP mua mủ nguyên liệu 233,72 tấn: 9.964,78 triệu đồng	

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát: **Không có**

Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác

- Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): **Không có**
- Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: **Không có**
- Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: **Không có**

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người lao động và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty luôn nghiêm túc thực hiện tốt chính sách pháp luật, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký và cho phép, chấp hành tốt các quy định, chủ trương chỉ đạo của cấp thẩm quyền và của các sở, ban ngành trong Tỉnh.

CHƯƠNG

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

121 Ý kiến kiểm toán

123 Báo cáo tài chính được kiểm toán

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	12 – 54

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và 02 Công ty con là Công ty Cổ phần Cao su Đaknoruco và Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondolkiri (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 01 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 764/QĐ-SGDHN ngày 15/11/2019.

Mã chứng khoán là DRG.

Vốn điều lệ: 1.558.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2025: 1.558.000.000.000 đồng

Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31/12/2025, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 03 công ty liên kết.

02 Công ty con được hợp nhất

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Cao su Đăknoruco	Thôn Đắc Kim, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su	73,40%	73,40%	73,40%	73,40%	73,40%	73,40%
2.	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đăk Lăk – Mondolkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondolkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%	100%	100%	100%	100%	100%

03 Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Km 18, Thôn Đoàn Kết, Xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; Sản xuất nước uống đóng chai; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%
2.	Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Km 19, quốc lộ 14, Xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	Khai thác gỗ; Chế biến các sản phẩm từ gỗ; Chế biến tinh chế đồ gỗ gia dụng	45,10%	45,10%	45,10%	45,10%	45,10%	45,10%
3.	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (*)	59 Cao Thắng – Phường Tân An - Tỉnh Đắk Lắk - Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chế biến	45,00%	45,00%	45,00%	60,84%	60,84%	60,84%

(*) Trong năm, Công ty mẹ đã thoái vốn một phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk từ 60,84% xuống còn 45%. Nên Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk chuyển từ công ty con thành công ty liên kết.

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại : (+84) (0262) 3865015
- Fax : (+84) (0262) 3865041
- Email : caosu@dng.vnn.vn; caosu@dakruco.com
- Website : http://www.dakruco.com

3. **Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất mủ cao su, chỉ thun và kinh doanh lưu trú.

4. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su; Trồng cây ăn quả;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Hoạt động thể thao khác. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm vui chơi, giải trí, thể thao văn hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao).
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải)…

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

5.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch	24/11/2023	
Ông Nguyễn Minh	Thành viên	24/11/2023	
Ông Nguyễn Độ	Thành viên	24/11/2023	26/06/2025
Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên	24/11/2023	
Ông Nguyễn Văn Cúc	Thành viên	24/11/2023	
Ông Tạ Quang Tòng	Thành viên	24/11/2023	
Ông Nguyễn Văn Thông	Thành viên	28/06/2024	
Bà Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên	26/06/2025	

5.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng ban	24/11/2023	
Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	24/11/2023	
Ông Âu Quí Vinh	Thành viên	26/06/2025	
Bà Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên	24/11/2023	26/06/2025

5.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc	15/08/2024	
Ông Nguyễn Độ	Phó Tổng Giám đốc	25/11/2023	01/05/2025
Ông Nguyễn Trần Giang	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2025	
Ông Nguyễn Văn Cúc	Phó Tổng Giám đốc	15/08/2025	
Ông Lê Thanh Bình	Kế toán trưởng	01/01/2025	

6. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	24/11/2023	
Ông Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc	15/08/2024	

7. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 8 đến trang 54.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tập đoàn.

10. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

NGUYỄN VIẾT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT
Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
Công ty thành viên của JPA International
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp. HCM
Chi nhánh Đà Nẵng : 16 Lê Lai, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng
Email : contact@vietvalues.com Website : *www.vietvalues.com*

Số: 21/2026/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và các Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026, từ trang 09 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Mục I.5, Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty con ở nước ngoài là Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk – Mondolkiri (với tổng vốn góp là 368.612.428.829 đồng, chiếm 100% quyền biểu quyết) chưa được kiểm toán. Báo cáo tài chính của công ty con sau kiểm toán nếu có thay đổi có thể làm ảnh hưởng đến số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (nếu có).

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Đà Nẵng, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES

Huỳnh Minh Hưng – Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNĐKHN số: 3402-2025-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Hữu Huy - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 4917-2024-071-1

Nơi nhận:

- *Như trên*
- *Lưu VIETVALUES*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
1	2	3	4	5
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**409.787.697.969**	**484.191.193.318**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	V.1	**229.863.314.785**	**215.390.256.603**
111	1. Tiền		88.003.497.657	214.340.256.603
112	2. Các khoản tương đương tiền		141.859.817.128	1.050.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**11.202.760.780**	**21.110.852.000**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	11.202.760.780	21.110.852.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**24.679.852.138**	**25.135.486.494**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	26.845.944.391	34.526.688.362
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	13.526.189.154	9.610.334.468
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	6.055.748.973	3.379.824.044
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(21.748.030.380)	(22.381.360.380)
140	**IV. Hàng tồn kho**	V.7	**141.533.037.007**	**212.438.151.751**
141	1. Hàng tồn kho		141.934.595.502	212.449.178.060
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(401.558.495)	(11.026.309)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**2.508.733.259**	**10.116.446.470**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	904.605.925	2.200.961.198
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.163.205.879	7.718.152.896
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	20.171.675	197.332.376
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		420.749.780	-
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.122.687.291.015**	**2.167.314.675.455**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**4.975.349.081**	**5.298.995.532**
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.9	7.682.667.752	8.172.730.582
216	2. Phải thu dài hạn khác	V5.b	2.100.000	110.288.975
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	V.9	(2.709.418.671)	(2.984.024.025)
220	**II. Tài sản cố định**		**1.080.016.553.012**	**1.395.977.643.618**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	1.063.704.924.275	1.370.922.129.988
222	*- Nguyên giá*		*1.964.341.469.872*	*2.576.969.002.419*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(900.636.545.597)*	*(1.206.046.872.431)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	16.311.628.737	25.055.513.630
228	*- Nguyên giá*		*18.885.636.305*	*28.092.770.358*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(2.574.007.568)*	*(3.037.256.728)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**		-	-
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**693.001.592.041**	**718.043.206.433**
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	40.768.437.004
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	693.001.592.041	677.274.769.429
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	V.2b	**331.022.875.425**	**24.343.506.476**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		323.083.548.128	7.848.285.298
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.939.327.297	16.495.221.178
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**13.670.921.456**	**23.651.323.396**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	13.474.427.463	23.435.016.529
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		82.531.170	216.306.867
268	3. Tài sản dài hạn khác		113.962.823	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.532.474.988.984**	**2.651.505.868.773**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, P Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
1	2	3	4	5
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**764.551.376.696**	**760.990.733.374**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**301.165.579.360**	**599.344.698.056**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	44.721.449.203	23.701.178.051
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	15.400.615.661	42.753.108.582
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	31.174.457.387	108.365.357.281
314	4. Phải trả người lao động	V.16	81.998.865.887	82.819.727.128
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17a	7.302.474.317	5.710.659.747
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18a	29.184.270.207	20.966.179.813
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	30.163.197.987	93.628.733.146
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	23.656.000.000	173.935.652.535
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	37.564.248.711	47.464.101.773
330	**II. Nợ dài hạn**		**463.385.797.336**	**161.646.035.318**
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.18b	351.575.612	362.229.419
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.19b	78.105.531.563	86.798.757.775
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	380.870.697.687	73.227.055.650
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		4.057.992.474	1.257.992.474
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.767.923.612.288**	**1.890.515.135.399**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	V.22	**1.767.923.612.288**	**1.890.515.135.399**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
417	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(122.485.468.059)	(238.478.638.261)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		63.900.158.930	67.900.939.117
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		254.406.625.255	254.419.765.514
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		64.152.942.600	175.577.037.350
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		190.253.682.655	78.842.728.164
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		14.102.296.162	248.673.069.029
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		-	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.532.474.988.984**	**2.651.505.868.773**

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
HOÀNG THỊ THU SƯƠNG	LÊ THANH BÌNH	NGUYỄN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, P Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
1	2	3	4	5
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	VI.1	**851.786.615.646**	**1.186.817.678.296**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		93.333.450	47.312.499
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**851.693.282.196**	**1.186.770.365.797**
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	716.276.612.922	892.662.540.211
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**135.416.669.274**	**294.107.825.586**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	97.614.358.374	21.540.027.593
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	23.696.324.148	31.357.105.931
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*22.007.866.694*	*22.962.683.087*
24	8. Phần lỗ hoặc lãi trong công ty liên doanh, liên kết		62.257.701.994	576.515.342
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	14.879.860.359	40.657.324.874
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	54.646.673.476	65.889.603.350
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**202.065.871.659**	**178.320.334.366**
31	12. Thu nhập khác	VI.7	15.713.390.972	14.262.313.941
32	13. Chi phí khác	VI.8	2.982.203.205	34.977.685.021
40	**14. Lợi nhuận khác**		**12.731.187.767**	**(20.715.371.080)**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**214.797.059.426**	**157.604.963.286**
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	24.133.674.180	36.028.004.405
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(85.323.796)	(216.306.867)
60	**18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**190.748.709.042**	**121.793.265.748**
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		190.253.682.655	78.944.788.361
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		495.026.387	42.848.477.387
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	VI.9	**696**	**278**
71	**22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	VI.10	**696**	**278**

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
HOÀNG THỊ THU SƯƠNG	LÊ THANH BÌNH	NGUYỄN MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**214.797.059.426**	**157.604.963.286**
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10, V.11	79.445.048.846	118.546.912.649
03	- Các khoản dự phòng		(517.403.168)	(2.886.076.621)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.582.656.473)	(2.931.373.875)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(97.766.962.868)	(2.395.332.015)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	22.007.866.694	22.962.683.087
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	**3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động**		**216.382.952.457**	**290.901.776.511**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(50.874.821.762)	(36.208.237.610)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.709.102.376)	(91.148.719.115)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(127.782.011.123)	63.021.573.179
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.431.702.379)	177.518.783
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(22.296.181.887)	(30.764.112.963)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	(13.146.140.352)	(16.130.139.486)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(29.624.932.718)	(11.934.237.812)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(33.481.940.140)***	***167.915.421.487***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(149.816.408.559)	(111.098.623.742)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		12.465.870.530	12.874.754.804
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.362.002.032)	(10.064.852.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.760.156.082	18.715.961.902
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(250.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		106.921.831.577	64.157.390.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	V.5, VI.3	19.810.998.647	37.050.272.231
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(10.219.803.756)***	***11.634.903.195***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
33	2. Tiền thu từ đi vay	VII.1	417.966.985.907	582.715.349.072
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(310.061.443.759)	(645.950.550.740)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(51.875.847.060)	(27.190.359.348)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***56.029.695.088***	***(90.425.561.016)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)**		**12.327.951.192**	**89.124.763.666**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**215.390.256.603**	**122.132.037.937**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.145.106.990	4.133.455.000
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	V.1	**229.863.314.785**	**215.390.256.603**

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
HOÀNG THỊ THU SƯƠNG	LÊ THANH BÌNH	NGUYỄN MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và 02 Công ty con là Công ty Cổ phần Cao su Đaknoruco và Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 09 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 01 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 764/QĐ-SGDHN ngày 15/11/2019.

Mã chứng khoán là DRG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: trồng, khai thác, chế biến cao su, kinh doanh nhà hàng, khách sạn...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn là:

- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua, bán: Mủ cao su và một số nông sản trồng xen cao su;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua, bán: Vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua, bán: Phân bón, nhiên liệu, thuốc bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi, bất động sản và dịch vụ liên quan đến kho bãi (vận chuyển, nâng hạ hàng hóa, bao bì, container);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Tập đoàn thường kéo dài không quá 12 tháng. Riêng đối với hoạt động trồng rừng keo chu kỳ sản xuất kinh doanh kéo dài hơn 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty mẹ thoái vốn đầu tư vào Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk số lượng 11.597.500 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 15,84% vốn điều lệ, kết quả thoái vốn lãi gần 83 tỷ làm cho lợi nhuận sau thuế tăng 1,4 lần so với năm trước.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty con là Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondolkiri ở Capuchia dùng để hợp nhất là Báo cáo tài chính do Công ty con tự lập, đến thời điểm hiện nay chưa có báo cáo được kiểm toán.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn trong năm.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31/12/2025, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 03 công ty liên kết.

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	31/12/2025			01/01/2025		
				Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Cao su Đăknoruco	Thôn Đắc Kim, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su	73,37%	73,37%	73,37%	73,37%	73,37%	73,37%
2.	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đăk Lăk – Mondolkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondolkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%	100%	100%	100%	100%	100%

03 Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	31/12/2025			01/01/2025		
				Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Km 18, Thôn Đoàn Kết, Xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; Sản xuất nước uống đóng chai; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%
2.	Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Km 19, quốc lộ 14, Xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	Khai thác gỗ; Chế biến các sản phẩm từ gỗ; Chế biến tinh chế đồ gỗ gia dụng	45,13%	45,13%	45,13%	45,13%	45,13%	45,13%
3.	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (*)	59 Cao Thắng – Phường Tân An - Tỉnh Đắk Lắk - Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chế biến	45,00%	45,00%	45,00%	60,84%	60,84%	60,84%

(*) Trong năm, Công ty mẹ đã thoái vốn một phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk từ 60,84% xuống còn 45%. Nên Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk chuyển từ công ty con thành công ty liên kết.

01 công ty dài hạn khác

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	31/12/2025			01/01/2025		
				Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Cao su Thái Dương	Lô số 4, Đường số 7, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán các sản phẩm, nguyên vật liệu cao su, nhựa, keo dán, mực in, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp), các mặt hàng cơ khí (không tồn trữ hóa chất)	0,00%	0,00%	0,00%	10,00%	10,00%	10,00%
2.	Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Hoạt động tín dụng và các dịch vụ ngân hàng khác	9,77%	9,77%	9,77%	10,46%	10,46%	10,46%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2025 Tập đoàn có 2.659 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2024 là 5.084 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh Báo cáo tài chính hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

a. Hợp nhất với Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 bao gồm Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và 02 Công ty con là Công ty Cổ phần Cao su Đaknoruco và Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết

tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

b. Hợp nhất với Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được điều chỉnh giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong

tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	**Thời gian khấu hao (năm)**
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 06
Vườn cây lâu năm	20
Tài sản cố định khác	5 - 10

Riêng khấu hao TSCĐ đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính v/v Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm, cụ thể như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)	Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,5	Năm thứ 11	7,0
Năm thứ 2	2,8	Năm thứ 12	6,6
Năm thứ 3	3,5	Năm thứ 13	6,2
Năm thứ 4	4,4	Năm thứ 14	5,9
Năm thứ 5	4,8	Năm thứ 15	5,5
Năm thứ 6	5,4	Năm thứ 16	5,4
Năm thứ 7	5,4	Năm thứ 17	5,0
Năm thứ 8	5,1	Năm thứ 18	5,5
Năm thứ 9	5,1	Năm thứ 19	5,2
Năm thứ 10	5,0	Năm thứ 20	

- Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.
- Mức khấu hao năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC thì giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

9. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tập đoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán/chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái…

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài – công ty con để tổng hợp vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, tỷ giá sử dụng như sau:

- Tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của cơ sở ở nước ngoài được qui đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- Vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu của cơ sở ở nước ngoài được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản của cơ sở ở nước ngoài được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của cơ sở ở nước ngoài phát sinh sau ngày đầu tư được qui đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả của cơ sở ở nước ngoài được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được qui đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân của năm tài chính do xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được tổng hợp vào Báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại như là vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư đó.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VNĐ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	1.726.890.354	8.417.555.811
Tiền gởi ngân hàng	86.276.607.303	205.922.700.792
Các khoản tương đương tiền - tiền gửi có kỳ hạn gốc	141.859.817.128	1.050.000.000
- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	*20.000.000.000*	-
- NH TMCP Công thương Việt Nam- CN ĐăkNông	-	*1.050.000.000*
- NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đắk Lắk	*52.022.997*	-
- Ngân hàng Sacombank STB	*121.807.794.131*	-
Cộng	**229.863.314.785**	**215.390.256.603**

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	**11.202.760.780**	**11.202.760.780**	**21.110.852.000**	**21.110.852.000**
- Ngân hàng TMCP BIDV VN - CN Đắk Lắk	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đắk Lắk	1.202.760.780	1.202.760.780	1.110.852.000	1.110.852.000
- Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	**11.202.760.780**	**11.202.760.780**	**21.110.852.000**	**21.110.852.000**

Tại ngày 31/12/2025 Công ty đã cầm cố thế chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị gốc là 10.000.000.000 đồng (xem thuyết minh số V.20)

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2025		01/01/2025	
			Giá trị đầu tư	Giá gốc	Giá trị đầu tư	Giá gốc
Đầu tư vào Công ty liên kết			**323.083.548.128**	**339.120.808.995**	**7.848.285.298**	**7.965.447.149**
- Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Kỹ thuật cao su	28,79%	7.749.627.034	7.863.774.893	7.848.285.298	7.863.774.893
- Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk (*)	Chế biến gỗ	45,13%	-	101.672.256	-	101.672.256
- Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Kinh doanh cao su	45,00%	315.333.921.094	331.155.361.846	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác			**7.939.327.297**	**7.939.327.297**	**16.495.221.178**	**13.495.221.178**
- Công ty CP Cao su Thái Dương	Kinh doanh cao su	-	-	-	5.556.143.881	5.556.143.881
- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	Tín dụng	9,77%	7.939.327.297	7.939.327.297	10.939.077.297	7.939.077.297
Cộng			**331.022.875.425**	**347.060.136.292**	**24.343.506.476**	**21.460.668.327**

Số cổ phiếu công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk đã được cầm cố thế chấp vay tại ngày 31/12/2025 là 11.000.000 cổ phiếu (Xem thuyết minh số V.20)

Giá trị các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk
Giá gốc khoản đầu tư			
Số dư tại ngày 01/01/2025	447.745.029.346	7.863.774.893	101.672.256
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	(116.589.667.500)	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	**331.155.361.846**	**7.863.774.893**	**101.672.256**
Giá trị vốn đầu tư theo phương pháp VCSH			
Số dư tại ngày 01/01/2025	**355.663.527.542**	**7.848.285.298**	-
Lợi nhuận từ Công ty liên kết trong năm (từ ngày thoái vốn đến cuối năm)	61.735.360.258	522.341.736	-
Lợi nhuận của cty con trong năm (từ đầu năm đến ngày thoái vốn)	12.294.410.278	-	-
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo	7.155.074.381	-	
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(95.815.709.994)	-	-
Thuế chuyển lợi nhuận từ công ty con ở nước ngoài về Việt Nam	(4.063.043.610)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.165.697.761)	(81.000.000)	-
Chia cổ tức	(16.470.000.000)	(540.000.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2025	**315.333.921.094**	**7.749.627.034**	**-**

(*) Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk đã tạm dừng hoạt động, đang chờ giải thể, vốn chủ sở hữu tại Công ty này đã bị âm. Do đó, Tập đoàn xác định không thể thu hồi được khoản đầu tư này và đã trích lập dự phòng tổn thất 100%. Giá trị vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại Công ty liên kết này được xác định bằng 0.

(*) Trong năn, Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk thoái vốn đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk (DRI) thành công ty liên kết, cụ thể:

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ	Giá trị đầu tư
Đầu năm	44.537.500	60,84%	355.663.527.542
Thoái vốn	11.597.500	15,84%	95.815.709.994
Cuối năm	32.940.000	45%	315.333.921.094

Kết quả của việc thoái vốn đầu tư:

Giá trị chuyển nhượng	179.150.520.000
Giá trị đầu tư	(95.815.709.994)
Chi phí thoái vốn (môi giới chứng khoán…)	(347.850.141)
Lãi	**82.986.959.865**

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
Phải thu các bên liên quan	***3.757.574.500***	***3.757.574.500***
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
Phải thu các khách hàng khác	***23.088.369.891***	***30.769.113.862***
Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	9.989.067.800	9.989.067.800
Corrie Maccoll Europe B.V	-	1.114.797.600
Công ty Cổ phần Furniweb Việt Nam	-	832.809.600
Weber and Schaer GMBH & Co., KG	-	2.187.233.395
Công ty TNHH SX Nguyên phụ liệu ngành may Hải Hiền	3.028.241.700	-
Ukko Corporation	-	3.118.779.000
Các khách hàng khác	10.071.060.391	13.526.426.467
Cộng	**26.845.944.391**	**34.526.688.362**

Tại ngày 31/12/2025 trong tổng số nợ phải thu có 9.989.067.800 đồng đã quá hạn thanh toán nhưng chưa thu hồi được, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100%.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Trả trước cho người bán khác	***13.526.189.154***	***9.610.334.468***
Công ty TNHH Trúc Phố	4.443.540.077	4.443.540.077
Công ty TNHH Trần Thái Linh	3.496.743.600	-
Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ	1.176.293.056	1.176.293.056
CEEBEE CHEMICALS SDN BHD	1.604.815.740	-
Các đối tượng người bán khác	2.804.796.681	3.990.501.335
Cộng	**13.526.189.154**	**9.610.334.468**

Tại ngày 31/12/2025 trong tổng số khoản trả trước cho người bán có 6.160.872.731 đồng tồn đọng từ trước khi cổ phần hóa chưa thu hồi được, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100%.

5. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	***6.055.748.973***	***(1.026.820.349)***	***3.379.824.044***	***(1.026.820.349)***
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	53.000.000	-	3.000.000	-
- Lãi dự thu	247.369.863	-	343.864.985	-
- Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	(1.026.820.349)	1.026.820.349	(1.026.820.349)
- Các khoản phải thu khác	4.728.558.761	-	2.006.138.710	-
Cộng	**6.055.748.973**	**(1.026.820.349)**	**3.379.824.044**	**(1.026.820.349)**

b. Dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.100.000	-	110.288.975	-
Cộng	**2.100.000**	**-**	**110.288.975**	**-**

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Trúc Phố	4.443.540.077	4.443.540.077
Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ	1.176.293.056	1.176.293.056
Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	1.026.820.349
Công ty CP Chế biến gỗ cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	9.989.067.800	9.989.067.800
Hợp tác xã Nông nghiệp Hoàng Lộc	-	433.330.000
Công ty TNHH Agritechco	762.810.000	962.810.000
Các đối tượng khác	591.924.598	591.924.598
Cộng	**21.748.030.380**	**22.381.360.380**

7. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.196.464.108	(401.558.495)	33.826.402.534	(11.026.309)
Công cụ, dụng cụ	7.121.444.874	-	6.269.654.604	-
Chi phí SXKD dở dang	15.013.401.485	-	14.370.883.088	-
Thành phẩm	100.915.632.161	-	154.384.179.157	-
Hàng hóa	198.525.679	-	180.943.442	-
Hàng gửi đi bán	4.042.289.090	-	3.417.115.235	-
Cộng	**141.487.757.397**	**(401.558.495)**	**212.449.178.060**	**(11.026.309)**

- Nguyên vật liệu là các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các phụ gia dùng chế biến mủ cao su, các vật liệu dùng để đóng gói thành phẩm và một số vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là các loại bảo hộ lao động, kiềng, chén hứng mủ, dây cột kiềng, dây hứng mủ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị mủ nguyên liệu chưa đưa vào sản xuất.
- Thành phẩm là các sản phẩm mủ cao su gồm mủ cốm các loại SVR 5, SVR 10, SVR 20, SVR 3L, SVR CV60, Mủ nước latex HA, Mủ Skim block.
- Hàng hóa là mủ thành phẩm mua ngoài gồm mủ cốm SVR 10 và mủ Latex HA.
- Tập đoàn có một số hàng tồn kho mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2025 đã được trích lập dự phòng.
- Tập đoàn không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2025.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí vận chuyển mủ cao su tồn kho cuối năm	-	970.560.000
Vườn ươm cao su năm 2025	-	354.845.859
Sản xuất phân vi sinh năm 2025	-	318.993.200
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	304.884.182	54.077.722
Chi phí bảo hiểm	255.721.674	363.067.514
Chi phí sửa chữa, thay thế	147.645.013	9.432.963
Chi phí trả trước ngắn hạn khác chờ phân bổ	196.355.056	129.983.940
Cộng	**904.605.925**	**2.200.961.198**

b. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Lợi thế quyền thuê đất trả trước theo định giá GTDN	4.637.693.099	4.878.870.239
Chi phí sửa chữa	6.484.836.254	3.290.527.509
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.445.431.026	4.458.350.237
Tiền thuê đất dự án trồng chuối	-	2.983.798.571
Chi phí khác chờ phân bổ	906.467.084	7.823.469.973
Cộng	**13.474.427.463**	**23.435.016.529**

9. Phải thu về cho vay

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các khoản cho vay dài hạn	**7.682.667.752**	**(2.709.418.671)**	**8.172.730.582**	**(2.984.024.025)**
Nông trường Cư Mgar	2.314.690.364	(2.314.690.364)	2.589.295.718	(2.589.295.718)
Nông trường Phú Xuân	394.728.307	(394.728.307)	363.218.088	(363.218.088)
Nông trường Cuôr Đăng	-	-	31.510.219	(31.510.219)
Cho vay đầu tư cao su liên kết tại Campuchia	4.973.249.081	-	5.188.706.557	-
Cộng	**7.682.667.752**	**(2.709.418.671)**	**8.172.730.582**	**(2.984.024.025)**

Đây là các khoản phải thu đầu tư cao su liên kết với các hộ dân, theo đó công ty đầu tư chi phí ban đầu trong thời gian kiến thiết cơ bản của vườn cây cao su theo từng hợp đồng. Thời hạn của hợp đồng bắt đầu từ khi ký kết hợp đồng cho tới khi thu hồi hết giá trị đầu tư hoặc đến khi thanh lý vườn cây cao su.

Trong một số trường hợp, do năng suất cây cao su không đạt yêu cầu khai thác, các hộ dân nhận đầu tư sẽ không thể hoàn trả lại chi phí đã được đầu tư, khi đó, giá trị đầu tư sẽ được trích lập dự phòng.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu kỳ	492.969.419.766	327.252.458.596	104.949.523.958	3.302.922.564	1.647.806.801.899	687.875.636	2.576.969.002.419
Tăng trong kỳ	11.529.828.759	958.853.521	23.430.056.900	909.166.667	99.476.241.077	-	136.304.146.924
Giảm trong kỳ	(283.592.400)	-	(3.160.582.755)	-	(7.743.800.556)	-	(11.187.975.711)
Giảm do điều chỉnh HN	(120.845.118.468)	(38.301.181.713)	(28.483.654.235)	(138.834.669)	(564.492.121.182)	-	(752.260.910.267)
Chênh lệch tỷ giá (*)	1.596.044.168	90.120.770	212.587.355	-	12.618.454.214	-	14.517.206.507
Số cuối kỳ	**384.966.581.825**	**290.000.251.174**	**96.947.931.223**	**4.073.254.562**	**1.187.665.575.452**	**687.875.636**	**1.964.341.469.872**
Khấu hao							
Số đầu kỳ	302.550.696.117	301.967.805.916	70.900.939.730	2.942.441.738	527.374.283.139	310.705.791	1.206.046.872.431
Khấu hao trong kỳ	11.545.429.154	10.054.429.733	3.285.291.835	161.517.127	54.290.929.829	57.597.360	79.395.195.039
Giảm trong kỳ	(283.592.400)	-	(3.160.582.755)	-	(3.124.421.786)	-	(6.568.596.941)
Giảm do điều chỉnh HN	(69.389.749.986)	(34.608.340.290)	(19.941.123.561)	(96.256.631)	(258.169.642.652)	-	(382.205.113.120)
Chênh lệch tỷ giá (*)	663.067.348	56.024.576	29.927.537	-	3.219.168.727	-	3.968.188.188
Số cuối kỳ	**245.085.850.233**	**277.469.919.935**	**51.114.452.786**	**3.007.702.234**	**323.590.317.257**	**368.303.151**	**900.636.545.597**
Giá trị còn lại							
Số đầu kỳ	175.715.460.995	36.175.680.257	32.027.064.345	435.559.665	1.026.245.885.948	434.767.205	1.370.922.129.988
Số cuối kỳ	**139.880.731.592**	**12.530.331.239**	**45.833.478.437**	**1.065.552.328**	**864.075.258.195**	**319.572.485**	**1.063.704.924.275**

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các Công ty con ở nước ngoài.

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 296.782.094.236 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2025 là 408.320.712.138 đồng (xem tại thuyết minh số V.20).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Giá trị chuyển giao công nghệ	Giấy chứng nhận ISO	Hiện giá giá trị thanh lý vườn cây cao su (**)	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	6.182.310.849	2.337.596.658	300.000.000	259.783.292	19.013.079.559	28.092.770.358
Tăng trong kỳ	-	390.000.000	-	-	-	390.000.000
Giảm do hợp nhất (*)	(5.649.620.520)	(259.783.292)	-	-	-	(5.909.403.812)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(3.687.730.241)	(3.687.730.241)
Số cuối kỳ	**532.690.329**	**2.467.813.366**	**300.000.000**	**259.783.292**	**15.325.349.318**	**18.885.636.305**
Khấu hao						
Số đầu kỳ	413.126.778	2.074.346.658	290.000.000	259.783.292	-	3.037.256.728
Khấu hao trong kỳ	10.653.807	29.200.000	10.000.000	-	-	49.853.807
Giảm do hợp nhất (*)	(253.319.675)	(259.783.292)	-	-	-	(513.102.967)
Số cuối kỳ	**170.460.910**	**1.843.763.366**	**300.000.000**	**259.783.292**	**-**	**2.574.007.568**
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	5.769.184.071	263.250.000	10.000.000	-	19.013.079.559	25.055.513.630
Số cuối kỳ	**362.229.419**	**624.050.000**	**-**	**-**	**15.325.349.318**	**16.311.628.737**

(*) Giá trị nguyên giá và hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình tương ứng của công ty con DRI đầu năm, cuối năm công ty mẹ đã thoái vốn thành công ty liên kết.

(**) Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC ngày 22 tháng 04 năm 2015 do liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Bộ Tài chính ban hành thì giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 2.367.596.658 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2025 là 15.325.349.318 đồng (xem thuyết minh số V.20).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Diện tích (ha)	31/12/2025	01/01/2025
Tại Công ty mẹ		**649.559.855.255**	**635.886.258.933**
Nông trường Phú Xuân		**325.386.050.983**	**242.019.992.404**
Vườn cây cao su trồng năm 2016	240,8	60.676.494.144	83.201.974.335
Vườn cây cao su trồng năm 2017	357,03	72.545.083.795	71.558.246.706
Vườn cây cao su trồng năm 2018	267,42	48.739.564.762	44.301.510.844
Vườn cây cao su trồng năm 2019	182,9	29.415.696.786	26.192.701.710
Vườn cây cao su trồng năm 2020	321,63	52.566.418.340	8.657.766.653
Vườn cây cao su trồng năm 2021	416,2	60.472.942.758	7.634.914.661
Vườn cây lâm nghiệp năm 2023 FSC		305.112.645	265.281.662
Vườn cây lâm nghiệp năm 2024 FSC		250.616.832	207.595.833
Vườn cây lâm nghiệp năm 2025 FSC		414.120.921	-
Nông trường Cưkpô		**224.805.593.293**	**253.163.186.610**
Vườn cây cao su trồng năm 2015		-	1.373.396.055
Vườn cây cao su trồng năm 2016	169,34	40.628.570.833	84.744.123.844
Vườn cây cao su trồng năm 2017	321,55	70.182.316.568	64.484.820.637
Vườn cây cao su trồng năm 2018	287,87	50.568.534.317	46.113.016.243
Vườn cây cao su trồng năm 2019	261,49	44.162.958.624	39.567.727.546
Vườn cây cao su trồng năm 2020	146,64	19.127.873.075	16.818.602.285
Vườn cây lâm nghiệp năm 2025 FSC		135.339.876	-
Trồng cây đai rừng năm 2024		-	61.500.000
Nông trường 19/8		**8.812.664.800**	**8.812.664.800**
Vườn cây cao su trồng năm 2017 (*)	85,82	8.812.664.800	8.812.664.800
Nông trường Cuôrđăng		-	**82.589.367.180**
Vườn cây cao su trồng năm 2020		-	37.660.632.270
Vườn cây cao su trồng năm 2021		-	44.928.734.910
Nông trường Cư Mgar		**82.399.707.013**	**42.486.807.535**
Vườn cây cao su trồng năm 2018	38,1	-	8.846.223.617
Vườn cây cao su trồng năm 2019	21,44	3.897.208.111	3.481.174.495
Vườn cây cao su trồng năm 2020	92,54	17.311.378.999	15.302.242.022
Vườn cây cao su trồng năm 2022	121,57	16.064.028.319	13.461.095.698
Vườn cây cao su trồng năm 2024	27,8	1.998.345.309	1.332.964.503
Vườn cây cao su trồng năm 2025	781,61	27.178.643.374	-
Vườn cây cà phê trồng xen năm 2025	763,79	15.368.237.248	-
Trồng mới năm 2025 - Cây Cau		581.865.653	-
Trồng cây đai rừng năm 2022		-	63.107.200
Nông trường Cư Bao		**6.481.222.483**	**1.976.347.089**
Cau trồng năm 2019 (8.250 cây) (trồng xen)		-	545.549.482
Vườn sầu riêng trồng mới năm 2024	11,73	1.741.431.607	1.130.524.046
Keo chắn gió năm 2019 (trồng xen)		-	300.273.561
Vườn cà phê trồng xen năm 2025	50,05	1.272.066.641	-
Vườn sầu riêng trồng năm 2025		3.467.724.235	-
		-	
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản khác		**1.674.616.683**	**4.837.893.315**
Xây dựng cơ bản khác		1.674.616.683	4.837.893.315
Sửa chữa lớn NM chế biến mủ		-	-

		31/12/2025	01/01/2025
Tại Công ty CP Cao su Daknoruco		**38.664.354.567**	-
Vườn cây cao su	269,51	38.437.272.194	
Trụ sở văn phòng Công ty		153.245.455	-
Chi phí lập dự án tái canh cao su		73.836.918	-
Tại Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk		**-**	**36.765.882.701**
Vườn cao su		-	17.679.498.912
Vườn sầu riêng		-	17.080.244.678
Đầu tư khác		-	2.006.139.111
Tại Công ty TNHH Phát triển Cao su Đăk Lăk – Mondulkiri		**4.777.382.219**	**4.622.627.795**
Nhà máy chế biến		4.707.835.917	4.556.068.156
Chi phí cao su KTCB năm 2023		69.546.302	66.559.639
Cộng		**693.001.592.041**	**677.274.769.429**

(*) Đây là giá trị vườn cây cao su đã có Quyết đinh thu hồi theo Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk, Công ty đã ngừng đầu tư chăm sóc. Công ty CP Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng là chủ đầu tư dự án đã tạm ứng tiền bồi thường cho Công ty 10.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty CP Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng không đủ điều kiện thực hiện dự án nên chưa thanh toán đủ tiền bồi thường cho Công ty theo phương án đã được phê duyệt, do đó hiện nay Công ty vẫn chưa bàn giao đất cho Nhà nước và đang theo dõi chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và khoản người mua trả tiền trước (xem thuyết minh số V.15).

Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2025 là: 251.205.103.806 VNĐ (xem thuyết minh số V.20).

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Phải trả các bên liên quan	***211.940.125***	***1.408.302.919***
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Phải trả các người bán khác	***44.509.509.078***	***22.292.875.132***
- Thirachay Laobandit	-	2.300.017.728
- Công ty TNHH Quốc tế Tân Hồng Lam	-	2.092.363.092
- Công ty TNHH Văn Chức	11.738.125.622	-
- Công ty TNHH MTV Vương Khải	6.394.585.500	1.266.473.330
- Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	5.510.062.751	1.582.710.880
- Các đối tượng người bán khác	20.866.735.205	15.051.310.102
Cộng	**44.721.449.203**	**23.701.178.051**

Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán tại thời điểm 31/12/2025 là 0 đồng.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	**-**	**-**
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Người mua trả tiền trước là các khách hàng khác	**15.400.615.661**	**42.753.108.582**
Công ty TNHH SX-TM-DV Nam Đạt	-	11.466.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
CNKU Co., Ltd	-	18.279.626.400
Công ty TNHH Vận tải Quang Giảng	4.889.947.650	-
Các khách hàng khác	510.668.011	3.007.482.182
Cộng	**15.400.615.661**	**42.753.108.582**

(*) Xem thuyết minh số V.12.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025				31/12/2025	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.392.849.828	7.670.875.194	9.728.783.213	-	286.403.541
Thuế GTGT gia tăng hàng nhập khẩu	-	50.595.307	694.502.469	694.502.469	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	184.428.163	33.629.966.772	24.133.674.180	13.146.140.352	-	17.006.737.193
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.380.153.735	1.614.477.378	1.648.830.488	-	17.531.063
Thuế tài nguyên	-	4.227.889	90.173.273	87.868.748	-	6.532.414
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	12.904.213	68.337.788.547	11.781.777.182	12.218.284.331	20.171.675	13.856.609.806
Các loại thuế khác	-	2.569.775.203	21.477.131.510	21.477.144.949	-	643.370
Phí và lệ phí	-	-	28.167.650	28.167.650	-	-
Cộng	**197.332.376**	**108.365.357.281**	**67.494.808.444**	**59.033.751.808**	**20.171.675**	**31.174.457.387**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các Công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	214.797.059.426	157.604.963.286
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.661.804.476	5.086.179.405
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.469.939.921	29.366.399.856
+ Chi thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	*262.231.000*	*186.359.000*
+ Các khoản phạt và truy thu thuế	*30.492.539*	*47.446.800*
+Doanh thu các lô hàng đã thông quan năm nay nhưng năm sau mới giao lên tàu	*4.454.944.939*	*4.498.649.568*
+ Giá vốn tương ứng với các lô hàng đã thông quan tháng 12/2024 nhưng tháng 1/2025 mới giao lên tàu	*3.417.115.235*	-
+ Trích lập quỹ KHCN	*2.800.000.000*	-
+ Chi phí không hợp lệ khác	*4.505.156.208*	*24.633.944.488*
- Các khoản điều chỉnh giảm	11.808.135.445	24.280.220.451
+ Giá vốn tương ứng với các lô hàng đã thông quan nhưng chưa giao hàng lên tàu năm nay	*4.042.289.090*	*3.417.115.235*
+ Giá vốn tương ứng với các lô hàng đã thông quan tháng 12/2024 nhưng tháng 1/2025 mới giao lên tàu	*4.498.649.568*	-
+ Chuyển lãi vay các năm trước chưa được trừ vào năm nay	*2.744.855.051*	*18.043.250.722*
+ Các khoản điều chỉnh khác	-	*2.243.339.152*
+ Lợi nhuận từ công ty liên kết	*522.341.736*	*576.515.342*
Thu nhập chịu thuế	218.458.863.902	162.691.142.691
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức, lợi nhuận được chia)	18.185.389.663	1.511.603.000
Lỗ các năm trước được chuyển	9.924.312.413	12.187.972.240
Thu nhập tính thuế	190.349.161.826	148.991.567.451
- Trích lập quỹ khoa học công nghệ	*2.800.000.000*	-
Thu nhập tính thuế trừ quỹ khoa học công nghệ	187.549.161.826	148.991.567.451
Thuế TNDN hiện hành năm nay	23.758.773.659	35.022.536.769
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu năm trước	374.900.521	1.005.467.636
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**24.133.674.180**	**36.028.004.405**

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền lương phải trả	81.998.865.887	82.819.727.128
Cộng	**81.998.865.887**	**82.819.727.128**

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
- Chi phí quản lý trồng xen	1.360.834.000	1.881.224.024
- Trích trước chi phí lãi vay	3.056.814.823	1.850.790.319
- Chi phí xử lý chất thải, nước thải sau sản xuất	30.788.969	109.951.527
- Chi phí phải trả khác	2.854.036.525	1.868.693.877
Cộng	**7.302.474.317**	**5.710.659.747**

18. Doanh thu chưa thực hiện

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Doanh thu cho thuê đất	29.173.616.400	20.966.179.813
Doanh thu cho thuê Kiot	10.653.807	-
Cộng	**29.184.270.207**	**20.966.179.813**

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Doanh thu cho thuê Kiot	351.575.612	362.229.419
Cộng	**351.575.612**	**362.229.419**

19. Phải trả, phải nộp khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đối tượng khác	***30.163.197.987***	***93.628.733.146***
Phải trả về cổ phần hóa	24.446.403.457	49.446.403.457
Kinh phí công đoàn	1.602.669.086	1.686.720.259
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	1.671.500.112
Trợ cấp thôi việc	-	2.241.424.432
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.552.940	782.455.797
Nhận ký quỹ, ký cược	508.948.000	1.934.235.977
Tiền chậm nộp thuế các loại	-	12.887.918.130
Lãi huy động vốn cán bộ công nhân viên	-	77.436.000
Các khoản phải trả khác	3.599.624.504	22.900.638.982
Cộng	**30.163.197.987**	**93.628.733.146**

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đối tượng khác	***78.105.531.563***	***86.798.757.775***
- Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho NLĐ	54.655.211.872	54.655.211.872
- Công ty Cổ phần Thuốc lá Hồ Lắk	1.801.626.000	2.425.294.000
- Công ty cổ phần nông sản Sài gòn - Ban Mê	813.097.400	1.084.075.700
- Bùi Thị Kim Anh	3.943.490.000	-
- Công ty TNHH NN Công nghệ cao Hồng Thuận	1.098.324.499	1.452.432.499
- Công ty CP Tâm An Đắk Lắk	6.000.000	9.775.866.000
- Dương Đức Cương	873.000.000	2.182.500.000
- Lưu Thanh Điệp	1.178.520.000	1.178.520.000
- Nhận ký quỹ ký cược	1.875.000.000	-
- Các đối tượng khác	11.861.261.792	14.044.857.704
Cộng	**78.105.531.563**	**86.798.757.775**

20. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	***173.935.652.535***	***173.935.652.535***
Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	54.560.365.781	54.560.365.781
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	-	-	59.945.601.254	59.945.601.254
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lào	-	-	14.507.469.122	14.507.469.122
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - CN Đắk Lắk	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	9.977.641.934	9.977.641.934
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Lập Bắc Đăk Lăk	-	-	4.500.000.000	4.500.000.000
Ngân hàng Việt Lào	-	-	15.444.574.444	15.444.574.444
Vay dài hạn đến hạn trả	***23.656.000.000***	***23.656.000.000***	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (i)	23.656.000.000	23.656.000.000		
Cộng	**23.656.000.000**	**23.656.000.000**	**173.935.652.535**	**173.935.652.535**

b. Dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	***380.870.697.687***	***316.137.697.687***	***73.227.055.650***	***73.227.055.650***
Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Đắk Lắk (i)	298.133.000.000	233.400.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Vay dài hạn của Cán bộ công nhân viên (ii)	2.737.697.687	2.737.697.687	55.227.055.650	55.227.055.650
Công ty CP Đầu tư cao su Đắk Lắk (iii)	80.000.000.000	80.000.000.000	-	-
Cộng	**380.870.697.687**	**316.137.697.687**	**73.227.055.650**	**73.227.055.650**

(i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo các hợp đồng:

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 25.85.1003/2025-HĐCVTL/NHCT502-CAOSUDAKLAK ký ngày 19/03/2025. Hạn mức vay không vượt quá 300.000.000.000 đồng. Mục đích vay dùng để thanh toán bù đắp chi phí đầu tư tái canh trồng mới và chăm sóc cây cao su (5.617,8 ha) tại huyện Krông Búk và Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk do Công ty làm chủ đầu tư trong giai đoạn năm 2015 – 2024. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, tại thời điểm ký hợp đồng là 8.5%/năm, thời hạn vay 120 tháng. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 061778, số vào sổ cấp GCN: CT03866 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/12/2021, tên công trình: Trung tâm khách sạn, nhà hàng tiệc cưới, văn phòng làm việc công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 25.85.1501/2025/HĐBĐ/NHCT502 ngày 13/03/2025; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 603173 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/11/2018, tên công trình: Vườn cây Nông trường Cuôr Đăng theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 25.85.0204-01/2025/HĐBĐ/NHCT502 ngày 29/04/2025; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 800145 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/05/2014, đăng ký thay đổi nội dung cơ sở pháp lý ngày 12/10/2018, tên công trình: Vườn cây Nông trường Cư Kpô theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 25.85.1504/2025/HĐBĐ/NHCT502 ngày 29/04/2025 (xem thuyết minh V.10, V.11, V.12).

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 22.67.0045/2022-HĐCVDADT/NHCT502-DAKNORUCO ngày 02/06/2022. Hạn mức cho vay 30.808.000.000 đồng, mục đích vay vốn dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án tái canh vườn cao su 389,45ha tại huyện Đăk Mil và Đăk Song tỉnh Đăk Nông, thời gian cho vay 144 tháng tính từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời gian ân hạn gốc là 36 tháng đến ngày 25/06/2025.

Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất của dự án tái canh vườn cao su 389,45ha tại huyện Đăk Mil và Đăk Song tỉnh Đăk Nông theo hợp đồng đảm bảo số 22.67.0045/2022-HĐBĐ/NHCT502 ngày 01/06/2022 (xem thuyết minh số V.10 và V.12).

(ii) Vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo quyết định số 126/QĐ-CT ngày 29/03/2013 không quy định thời hạn vay cụ thể. Mục đích vay là để cho Công ty CP Chi thun Cao su Đăk Lăk (nay là Công ty CP Cao su Đăk Lăk) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay tính theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.

(iii) Vay dài hạn Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk theo các Hợp đồng vay vốn:

Hợp đồng vay vốn số 01/2023/HĐVV ký ngày 22/05/2023: Số tiền vay tối đa là 40.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn là phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Lãi suất cho vay tính 10,5%/năm tại thời điểm cho vay và được điều chỉnh theo lãi suất cho vay thả nổi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong suốt thời hạn cho vay, thời hạn vay 60 tháng tính từ thời điểm giải ngân vốn vay cho từng lần vay. Bên vay sẽ cầm cố 6.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đăk Lắk mà Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk hiện đang sở hữu, cổ phiếu này đang được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM và đang được lưu ký tại Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) (xem thuyết minh số V.2).

Hợp đồng vay vốn số 01/2024/HDVV ký ngày 22/11/2024: Số tiền vay là 40.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn là phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư chăm sóc vườn cây cao su và sâu riêng tái canh. Lãi suất cho vay tính 9,5%/năm tại thời điểm cho vay và được điều chỉnh theo lãi suất cho vay thả nổi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong suốt thời hạn cho vay, thời hạn vay 36 tháng tính từ thời điểm giải ngân vốn vay cho từng lần vay. Bên vay sẽ cầm cố 5.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đăk Lắk mà Công ty Cổ phần Cao su Đăk Lắk hiện đang sở hữu, cổ phiếu này đang được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM và đang được lưu ký tại Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) (xem thuyết minh số V.2).

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	31/12/2025	01/01/2025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	36.491.385.720	46.357.739.064
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	1.072.862.991	1.106.362.709
Cộng	**37.564.248.711**	**47.464.101.773**

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của CĐ không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2024	**1.558.000.000.000**	**(279.479.203.482)**	**56.772.424.520**	**173.530.033.821**	**195.788.995.676**	**1.704.612.250.535**
Tăng trong năm	-	-	10.601.724.177	78.944.788.361	42.848.477.387	132.394.989.925
Lãi thoái vốn tai công ty con	-	-	-	30.940.137.499	-	30.940.137.499
Tăng do mua lại vốn tại công ty con				29.317.252.500		29.317.252.500
Chia cổ tức	-	-	-	-	(27.398.750.000)	(27.398.750.000)
Thuế chuyển lợi nhuận từ nước ngoài về Việt Nam	-	-	-	(2.854.542.483)	(1.480.043.019)	(4.334.585.502)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	(26.140.651.684)	(2.296.855.851)	(28.437.507.535)
CLTG do chuyển đổi báo cáo	-	41.000.565.221	526.790.420	-	11.893.992.336	53.421.347.977
Số dư tại 31/12/2024	**1.558.000.000.000**	**(238.478.638.261)**	**67.900.939.117**	**283.737.018.014**	**219.355.816.529**	**1.890.515.135.399**
Số dư tại 01/01/2025	**1.558.000.000.000**	**(238.478.638.261)**	**67.900.939.117**	**254.419.765.514**	**248.673.069.029**	**1.890.515.135.399**
Tăng trong năm	-	-	21.343.459.780	190.253.682.655	495.026.387	212.092.168.822
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	105.667.365.474	(25.344.239.967)	(83.118.816.646)	(234.878.329.943)	(237.674.021.082)
Chia cổ tức	-	-	-	(51.881.400.000)	-	(51.881.400.000)
Thuế chuyển lợi nhuận từ nước ngoài về Việt Nam	-	-	-	(7.568.724.890)	-	(7.568.724.890)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	(47.697.881.378)	(187.469.311)	(47.885.350.689)
CLTG do chuyển đổi báo cáo	-	10.325.804.728	-	-	-	10.325.804.728
Số dư tại 31/12/2025	**1.558.000.000.000**	**(122.485.468.059)**	**63.900.158.930**	**254.406.625.255**	**14.102.296.162**	**1.767.923.612.288**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk	98,94%	1.541.416.000.000	98,94%	1.541.416.000.000
Các cổ đông khác	1,06%	16.584.000.000	1,06%	16.584.000.000
Cộng	**100%**	**1.558.000.000.000**	**100%**	**1.558.000.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	*1.558.000.000.000*	*1.558.000.000.000*
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	*1.558.000.000.000*	*1.558.000.000.000*
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(51.881.400.000)	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.800.000	155.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu thường	*155.800.000*	*155.800.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu thường	*155.800.000*	*155.800.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Cổ tức

Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 05/NQ-HĐQT ngày 06/03/2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2025 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông với số tiền 51.881.400.000 đồng.

f. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Số đầu năm	248.673.069.029	195.788.995.676
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	495.026.387	42.848.477.387
Lỗ CLTG chuyển đổi BCTC của công ty con	-	11.893.992.336
Tăng do mua lại vốn tại Công ty con	-	29.317.252.500
Giảm do mua lại vốn tại Công ty con	(234.878.329.943)	
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	(27.398.750.000)
Giảm do chi trả thuế chuyển lợi nhuận	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi khác	(187.469.311)	(3.776.898.870)
Số cuối kỳ	**14.102.296.162**	**248.673.069.029**

23. Tài khoản ngoài bảng

Chỉ tiêu	Ngoại tệ	31/12/2025	01/01/2025
1. Ngoại tệ các loại			
	USD	603.196,62	3.301.285,43
	CAD	20,00	20,00
	LAK	0,00	979.168.153,00
	KHR	833.701.568,00	60.643.024.095,00
	BAT	0,00	1.299,46
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	169.454.300

Tài sản nhận giữ hộ

Chỉ tiêu	31/12/2025		
	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản không cần dùng bàn giao về địa phương			
- Nhà tập thể	*273.368.165*	*(273.368.165)*	-
Cộng	**273.368.165**	**(273.368.165)**	**-**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Doanh thu với các đơn vị khác	**851.786.615.646**	**1.186.817.678.296**
Doanh thu bán mủ cao su	653.848.996.802	953.429.787.318
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	20.583.999.152	22.044.779.776
Doanh thu sản phẩm chỉ thun, vật tư khác	120.879.887.947	107.983.918.432
Doanh thu bán thành phẩm nông nghiệp công nghệ cao	20.139.280.972	63.141.838.854
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	3.566.648.471	36.605.837.564
Doanh thu dịch vụ gia công mủ	32.428.274.425	3.012.431.564
Doanh thu hoạt động khác	339.527.877	599.084.788
Cộng	**851.786.615.646**	**1.186.817.678.296**

1b. Trong đó, doanh thu với các bên liên quan

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Doanh thu bán mủ cao su	12.198.312.000	10.652.670.000
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	971.709.090	933.545.455
Doanh thu hoạt động khác	1.389.600	2.329.500
Cộng	**13.171.410.690**	**11.588.544.955**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Giá vốn bán mủ cao su	542.832.588.670	710.975.293.730
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	24.267.557.652	24.891.408.532
Giá vốn thành phẩm sợi chỉ thun	120.678.732.601	110.379.533.932
Giá vốn bán thành phẩm nông nghiệp công nghệ cao	22.048.182.513	44.472.021.238
Giá vốn dịch vụ gia công mủ	2.389.610.138	523.098.095
Giá vốn cho thuê đất trồng xen	3.668.964.162	2.200.946.443
Giá vốn hoạt động khác	445.000	17.972.807
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(797.734.566)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	390.532.186	-
Cộng	**716.276.612.922**	**892.662.540.211**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.484.383.057	2.098.829.076
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.527.194.660	10.330.965.826
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.249.597.943	7.565.964.912
Lãi thoái vốn đầu tư vào Công ty con	82.986.959.865	-
Lãi đầu tư cao su liên kết	2.011.612.193	1.544.267.779
Lãi thoái vốn đầu tư vào Công ty liên kết	3.213.559.824	-
Lãi trả chậm	141.050.832	-
Cộng	**97.614.358.374**	**21.540.027.593**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Chi phí lãi vay	22.007.866.694	22.962.683.087
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.616.690.825	3.889.020.150
Lỗ do thoái vốn khoản đầu tư dài hạn	-	2.119.155.871
Dự phòng tổn thất đầu tư cao su liên kết	-	601.168.225
Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	329.207.020
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư cao su liên kết	(274.605.354)	-
Chi phí tài chính khác	346.371.983	1.455.871.578
Cộng	**23.696.324.148**	**31.357.105.931**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	2.199.878.085	3.260.812.047
Chi phí nhân viên bán hàng	578.468.240	3.014.586.905
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	33.279.229	265.713.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.285.174.044	28.880.284.434
Chi phí khác bằng tiền	4.783.060.761	5.235.927.895
Cộng	**14.879.860.359**	**40.657.324.874**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	892.795.161	2.268.693.410
Chi phí nhân viên quản lý	35.683.361.311	34.461.032.333
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.262.145.896	1.844.508.176
Trích quỹ khoa học công nghệ	2.800.000.000	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	1.710.489.720
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(633.330.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.606.563.612	9.276.964.375
Chi phí bằng tiền khác	11.035.137.496	16.327.915.336
Cộng	**54.646.673.476**	**65.889.603.350**

7. Thu nhập khác

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Thu nhập từ giảm tiền thuê đất năm 2024	6.591.004.559	-
Thu nhập từ đền bù tài sản, đất	1.202.579.000	8.535.651.100
Thu từ thanh lý tài sản cố định	4.393.922.551	2.436.840.522
Thu tiền hỗ trợ Quỹ BHXK cao su	1.149.306.706	806.741.521
Thu tiền cho thuê mặt bằng	1.299.720.610	1.627.192.675
Thu nhập khác	1.076.857.546	855.888.123
Cộng	**15.713.390.972**	**14.262.313.941**

8. Chi phí khác

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Các khoản phạt và truy thu thuế	63.502.277	8.177.515.613
Chi phí tài sản bị thu hồi bồi thường	367.751.414	15.854.702.167
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	356.491.758
Chi phí khác	2.550.949.514	10.588.975.483
Cộng	**2.982.203.205**	**34.977.685.021**

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	190.253.682.655	78.944.788.361
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ	(81.828.308.632)	(35.583.162.968)
+ Thuế chuyển lợi nhuận từ nước ngoài về Việt Nam	(5.866.121.513)	(4.063.043.610)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(75.962.187.119)	(31.520.119.358)
- Lợi nhuận (+) / lỗ (-) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ	108.425.374.023	43.361.625.393
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	155.800.000	155.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu) (*)	**696**	**278**

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 được tạm tính theo lợi nhuận sau thuế năm 2025 trừ đi quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo tỷ lệ trích tương ứng năm 2024 của Tập đoàn. Căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, số liệu về trích quỹ khen thưởng, phúc lợi có thể thay đổi và do đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể sẽ thay đổi.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	108.425.374.023	43.361.625.393
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	108.425.374.023	43.361.625.393
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	155.800.000	155.800.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) (*)	**696**	**278**

(*) Xem thuyết minh số 10.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	314.619.287.306	392.339.494.633
Chi phí nhân công	307.417.181.898	396.078.094.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.445.048.846	119.141.248.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.536.742.866	96.694.571.688
Chi phí khác bằng tiền	33.517.232.047	41.185.942.049
Cộng	**776.535.492.963**	**1.045.439.351.315**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền thu từ đi vay

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	417.966.985.907	582.715.349.072
Cộng	**417.966.985.907**	**582.715.349.072**

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Tiền chi các khoản đi vay theo khế ước thông thường	310.061.443.759	645.950.550.740
Cộng	**310.061.443.759**	**645.950.550.740**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VNĐ)

1. Các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	Chủ sở hữu
Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI)	Công ty liên kết
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Công ty liên kết
Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Công ty liên kết
Quỹ Tín dụng Cao su Đắk Lắk	Đầu tư dài hạn khác
Công ty CP Cao su Thái Dương	Đầu tư dài hạn khác
Công ty TNHH Nông Nghiệp Công nghệ cao DRI	Công ty con của DRI

b. Giao dịch với các bên liên quan

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Doanh thu bán mủ cao su	12.198.312.000	10.652.670.000
Công ty CP kỹ thuật cao su	*10.120.320.000*	*5.045.040.000*
Công ty CP cao su Thái Dương	*2.077.992.000*	*5.607.630.000*
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	971.709.090	933.545.455
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI	*971.709.090*	*933.545.455*
Doanh thu khác	1.389.600	2.329.500
Công ty CP kỹ thuật cao su	*1.389.600*	*2.329.500*
Thu nhập khác	282.100.000	*255.700.000*
Công ty CP kỹ thuật cao su (tiền thuế đất theo HĐGK)	*282.100.000*	*255.700.000*
Cộng	**973.098.690**	**935.874.955**

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ (trừ bán hàng)

		Năm nay Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Mua hàng hóa, dịch vụ (trừ tài sản cố định)			
Công ty CP Kỹ thuật cao su	Mua hàng hóa, dịch vụ	10.320.478.195	9.213.956.396
Giao dịch khác			
Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Trả lãi vay	7.536.109.588	8.286.794.521
	Lãi vay	7.400.000.000	7.590.602.741
	Cổ tức được chia	16.470.000.000	45.801.250.000
Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk	Lãi dự thu	76.136.986	-
Cổ tức được chia			
Công ty CP Cao su Thái Dương		720.000.000	750.000.000
Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk		455.389.663	487.603.000
Công ty CP kỹ thuật cao su		540.000.000	-
Chi trả cổ tức			
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk		51.329.152.800	-

c. Số dư với các bên liên quan

Tên Công ty	31/12/2025	01/01/2025
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm		
Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk	20.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác		
Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk (lãi dự thu)	76.136.986	-
Phải trả người bán		
Công ty CP kỹ thuật cao su	211.940.125	1.408.302.919
Vay dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	80.000.000.000	80.000.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn (lãi vay)		
Công ty CP đầu tư cao su Đắk Lắk	1.481.547.946	1.617.657.534

d. Thu nhập của Ban quản lý, điều hành

Thành viên Ban QLĐH	Chức danh	Năm 2025			
		Tiền lương	Thù lao	Cổ tức	Cộng
Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	786.399.000	222.532.945	1.230.000	1.010.161.945
Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc	634.039.000	285.136.297	492.000	919.667.297
Nguyễn Độ	Phó Tổng Giám đốc	646.963.198	37.252.000	1.156.200	685.371.398
Nguyễn Trần Giang	Phó Tổng Giám đốc	479.727.000	81.600.000	-	561.327.000
Lê Thanh Bình	Kế toán trưởng	422.069.000	-	-	422.069.000
Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT	342.994.000	81.600.000	861.000	425.455.000
Tạ Quang Tòng	Thành viên HĐQT	14.487.000	277.906.297	-	292.393.297
Nguyễn Văn Thông	Thành viên HĐQT	274.526.000	229.772.297	-	504.298.297
Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng Ban kiểm soát	481.925.000	193.261.886	-	675.186.886
Phan Thanh Tân	Thành viên BKS	237.431.000	148.975.237	-	386.406.237
Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên BKS	226.646.000	61.200.000	541.200	288.387.200
Âu Quý Vinh	Thành viên BKS	132.420.000	20.400.000	-	152.820.000
Tổng cộng		**4.679.626.198**	**1.639.636.959**	**4.280.400**	**6.323.543.557**

Thành viên Ban QLĐH	Chức danh	Năm 2024			
		Tiền lương	Thù lao	Cổ tức	Cộng
Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	432.000.000	123.773.846	-	555.773.846
Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc	379.964.000	98.009.231	-	477.973.231
Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	208.918.000	30.927.273	-	239.845.273
Nguyễn Độ	Phó Tổng Giám đốc	321.527.000	-	-	321.527.000
Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng	312.870.000	74.769.231	-	387.639.231
Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT	229.362.000	65.904.000	-	295.266.000
Tạ Quang Tòng	Thành viên HĐQT	-	140.673.231	-	140.673.231
Nguyễn Văn Thông	Thành viên HĐQT	195.237.000	32.952.000	-	228.189.000
Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng Ban kiểm soát	324.000.000	123.532.000	-	447.532.000
Phan Thanh Tân	Thành viên BKS	158.908.000	82.275.385	-	241.183.385
Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên BKS	206.413.000	32.400.000	-	238.813.000
Tổng cộng		**2.769.199.000**	**805.216.197**	**-**	**3.574.415.197**

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Một số chỉ tiêu được trình bày lại, cụ thể:

quả hoạt động kinh doanh		Số liệu năm trước (sau điều chỉnh)		Số liệu năm trước (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền		Số tiền	Số tiền
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	278		222	56
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	278		222	56

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Tập đoàn.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ THU SƯƠNG	LÊ THANH BÌNH	NGUYỄN MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025 ĐÃ KIỂM TOÁN

- Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk bao gồm: Báo cáo của Ban điều hành, Báo cáo kiểm toán độc lập, Bảng CĐKT tại ngày 31/12/2025, Báo cáo KQKD năm 2025, Báo cáo LCTTGT cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-31/12/2025, TMBCTC cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 - 31/12/2025.
- Các nội dung giải trình: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 phát sinh chênh lệch từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm 2024, cụ thể: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 trên BCTC Hợp nhất tăng 68,95 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước (tương đương tăng 56,6%). Nguyên nhân tăng do: (i) Doanh thu tài chính năm 2025 tăng 353,2% so với cùng kỳ năm trước; (ii) Chi phí khác giảm 91,5% so với cùng kỳ năm trước. Báo cáo giải trình này được gửi kèm với Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán để phục vụ việc Công bố thông tin theo quy định.
- Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: https://www.dakruco.com, hoặc tại link báo cáo: https://file.fpts.com.vn/FileStore2/File/EzIR/UploadFile/News/2026/03/27/File_1_7808_VI_BaoCaoTaiChinhHopNhat_Nam2025.pdf.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (RIÊNG) NĂM 2025 ĐÃ KIỂM TOÁN

- Báo cáo tài chính Tổng hợp (Riêng) năm 2025 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk bao gồm: Báo cáo của Ban điều hành, Báo cáo kiểm toán độc lập, Bảng CĐKT tại ngày 31/12/2025, Báo cáo KQKD năm 2025, Báo cáo LCTTGT cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-31/12/2025, TMBCTC cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 - 31/12/2025.
- Các nội dung giải trình: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng đã kiểm toán năm 2025 phát sinh chênh lệch từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm 2024, cụ thể: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 trên BCTC Riêng tăng 25,94 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước (tương đương tăng 51,4%). Nguyên nhân tăng, do: (i) Doanh thu tài chính năm 2025 tăng 29,5% so với cùng kỳ năm trước; (ii) Chi phí khác giảm 97,4% so với cùng kỳ năm trước. Báo cáo giải trình này được gửi kèm với Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán để phục vụ việc Công bố thông tin theo quy định.
- Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: https://www.dakruco.com, hoặc tại link báo cáo: https://file.fpts.com.vn/FileStore2/File/EzIR/UploadFile/News/2026/03/27/File_1_5127_VI_BaoCaoTaiChinhRieng_Nam2025.pdf

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Đắk Lắk, ngày 16 tháng 04 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
DN: C=VN, S=ĐẮK LẮK, L=Buôn Ma Thuột, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:6000175829
Reason: I have reviewed this document
Location:
Date: 2026.04.16 09:28:15+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

NGUYỄN VIẾT TƯỢNG

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

Số điện thoại: (0262) 3865015

Website: dakruco.com